

VIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH

Tài liệu

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2015 - 2017
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH
ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-BTC
ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

Số: 704/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2015-2017
triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30 tháng 1 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Chiến lược và Chính sách tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tài liệu Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2015 - 2017 (Tài liệu MTAP 2015 - 2017) triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị chủ trì các đề án được giao có trách nhiệm chủ động triển khai theo đúng kế hoạch, định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) có báo cáo về Viện Chiến lược và Chính sách tài chính kết quả và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan vận động và khai thác các nguồn lực ngoài nước để hỗ trợ triển khai các nội dung của Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2015 - 2017, đồng thời chủ động cung cấp cho các nhà tài trợ thông tin về tiến độ cải cách tài chính công của Việt Nam.

3. Cục Kế hoạch - Tài chính chủ trì trình Bộ phê duyệt, bố trí nguồn kinh phí cho từng đơn vị thuộc Bộ để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2015 – 2017.

4. Vụ Pháp chế rà soát chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tài chính hàng năm để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ cải cách.

5. Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, Viện Chiến lược và Chính sách tài chính cập nhật hàng năm Kế hoạch hành động trung hạn triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Viện trưởng Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, CLTC. (106)

506



Đinh Tiến Dũng

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày 18/4/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 450/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020, trong đó đề ra mục tiêu tổng quát và các nhiệm vụ cụ thể cho ngành Tài chính trong giai đoạn 2011 - 2020. Để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ này, Chiến lược Tài chính đã đề ra 8 nhóm giải pháp, bao gồm: (1) Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia; (2) Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia; (3) Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công; (4) Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNN; (5) Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính; (6) Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính; (7) Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia; (8) Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính.

Nhằm thực hiện các mục tiêu và giải pháp nêu trên, ngày 30/01/2013, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 224/QĐ-BTC về việc phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020. Theo đó, trên cơ sở 06 nhiệm vụ cụ thể xác định trong Chiến lược Tài chính đến năm 2020, Chương trình hành động đã cụ thể hóa thành 82 đề án. Trong đó, các đề án triển khai đến năm 2020 được chia thành 02 giai đoạn: Giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020.

Để triển khai Chương trình hành động theo Quyết định này một cách có hiệu quả, với sự hỗ trợ của Dự án Quỹ Tín thác Đa biên giai đoạn 2 (MDTF 2), Bộ Tài chính đã xây dựng Tài liệu Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2014 - 2016 của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 (Tài liệu MTAP). Tài liệu MTAP được cập nhật, bổ sung hàng năm theo hình thức “cuốn chiếu” cho giai đoạn 3 năm. Vì vậy, Viện CL&CSTC đã phối hợp với các đơn vị trong Bộ Tài chính xây dựng và hoàn thiện Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017. Nội dung Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 bao gồm 4 phần:

Phần thứ nhất: Tổng kết triển khai thực hiện MTAP giai đoạn 2014 - 2016 trong năm 2014 và tổng quan về Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017

Phần thứ hai: Các nội dung của Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017

Phần thứ ba: Triển khai thực hiện và quản lý, giám sát Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017

Phần thứ tư: Chi tiết hóa và theo dõi thực hiện Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 (Các bảng Tài liệu MTAP)

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	5
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	9
Phần thứ nhất: TỔNG KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN MTAP 2014 - 2016 TRONG NĂM 2014 VÀ TỔNG QUAN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2015 - 2017 (TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2015 - 2017)	11
I. TỔNG KẾT ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN MTAP NĂM 2014	13
II. TỔNG QUAN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2015 - 2017	25
Phần thứ hai: CÁC NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2015 - 2017	29
I. MỤC TIÊU ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2015 - 2017	31
II. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ	32
III. ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2020 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020	61
Phần thứ ba: TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT TÀI LIỆU MTAP	63
Phần thứ tư: CHI TIẾT HÓA VÀ THEO DÕI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP	71
BẢNG 1. KHUNG DỰ TÍNH KẾT QUẢ ĐẦU RA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2015 - 2017 THEO CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHIẾN LƯỢC NGÀNH ĐỀN NĂM 2020	73
BẢNG 2. CHI TIẾT HÓA VÀ THEO DÕI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2015 - 2017	96
BẢNG 3. ƯỚC TÍNH NGUỒN LỰC VÀ CHI PHÍ THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2015 - 2017	150
BẢNG 4. KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2015 - 2017	171
BẢNG 5. CÁC ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2020	218
PHỤ LỤC I. CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC CÁC TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI TÀI TRỢ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020	233

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BDS	: Bất động sản
Bộ GDĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
Bộ KH&CN	: Bộ Khoa học và Công nghệ
Bộ KHĐT	: Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Bộ TN&MT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
Cục KHTC	: Cục Kế hoạch - Tài chính
Cục QLCS	: Cục Quản lý Công sản
Cục QL&G	: Cục Quản lý giá
Cục QL&GSBH	: Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm
Cục QL&TCDN	: Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại
Cục TCDN	: Cục Tài chính doanh nghiệp
Cục TH&TKTC	: Cục Tin học và Thống kê Tài chính
CNTT	: Công nghệ thông tin
CNTT&TT	: Công nghệ thông tin và truyền thông
DATC	: Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp
DNNN	: Doanh nghiệp nhà nước
EC	: Ủy ban châu Âu
EU	: Liên minh châu Âu
FTA	: Hiệp định thương mại tự do
GTGT	: Giá trị gia tăng
IMF	: Quỹ tiền tệ Quốc tế
KBNN	: Kho bạc Nhà nước
MTAP	: Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2015 - 2017 triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020
NHCSXH	: Ngân hàng chính sách xã hội
NHPTVN	: Ngân hàng Phát triển Việt Nam
NSNN	: Ngân sách nhà nước
ODA	: Hỗ trợ phát triển chính thức
SCIC	: Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
TCHQ	: Tổng cục Hải Quan
TCĐTNN	: Tổng cục Dự trữ Nhà nước
TCT	: Tổng cục Thuế

TNCN	: Thu nhập cá nhân
TTCK	: Thị trường chứng khoán
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	: Tiêu thụ đặc biệt
TSCĐ	: Tài sản cố định
TSNN	: Tài sản nhà nước
UBCKNN	: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
UBTVQH	: Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Viện CL&CSTC	: Viện Chiến lược và Chính sách tài chính
Vụ CĐKT	: Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán
Vụ CST	: Vụ Chính sách Thuế
Vụ ĐT	: Vụ Đầu tư
Vụ HCSN	: Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp
Vụ HTQT	: Vụ Hợp tác quốc tế
Vụ I	: Vụ I (Quản lý nhà nước về tài chính, ngân sách trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngân sách đảng và một số đơn vị)
Vụ NSNN	: Vụ Ngân sách Nhà nước
Vụ PC	: Vụ Pháp chế
Vụ TCCB	: Vụ Tổ chức Cán bộ
Vụ TCNH	: Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính
VPB	: Văn phòng Bộ
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa
XK-NK	: Xuất khẩu, nhập khẩu
WB	: Ngân hàng Thế giới
WTO	: Tổ chức Thương mại Thế giới

Phần thứ nhất

**TỔNG KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
MTAP GIAI ĐOẠN 2014 - 2016
TRONG NĂM 2014 VÀ TỔNG QUAN
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2015 - 2017**

TỔNG KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN MTAP GIAI ĐOẠN 2014 - 2016 TRONG NĂM 2014 VÀ TỔNG QUAN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2015 - 2017

I. TỔNG KẾT ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN MTAP TRONG NĂM 2014

1. Tiến độ triển khai thực hiện

Tính đến cuối năm 2014, đã có 31 đề án được triển khai, trong đó có 25 đề án đã hoàn thành, 5 đề án phải điều chỉnh tiến độ, 1 đề án được đẩy nhanh tiến độ (Luật Phí, Lệ phí), 2 đề án bổ sung mới... Cụ thể:

25 đề án hoàn thành tiến độ trong năm 2014:

- Đề án Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN; Đề án Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT; Luật Hải quan năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB; Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên (Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH) đã được chuyển vào chương trình năm 2015; Đề án Xây dựng chính sách động viên từ đất đai (Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014); Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền sử dụng đất; Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 về hướng dẫn Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014);

- Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật Giá;

- Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

- Quyết định về thí điểm chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành công ty cổ phần; Đề án Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

- Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán; Đề án Phát triển thị trường chứng khoán phái sinh; Đề án hình thành và phát triển chương trình huớ trí tự nguyện; Đề án hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán;

- Đề án kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế;

- Triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi); Đề án nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính; Đề án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia;

- Đề án hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ - GFMIS; Đề án thiết lập cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; Đề án hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN; Đề án đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính.

- Đề án xây dựng Nghị định và Thông tư hướng dẫn Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế.

5 đề án lùi tiến độ: Luật NSNN (sửa đổi); Đề án nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán; Đề án cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước; Đề án xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025; Đề án hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng TSNN. Nguyên nhân là do phụ thuộc vào Hiến pháp năm 2013, tiến độ của các dự án Luật Tổ chức chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và tiến độ ban hành của các Luật, đề án khác, do ưu tiên của Quốc hội (theo Nghị quyết số 70/2014/QH13) cũng như tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều đơn vị phối hợp.

1 đề án được đẩy nhanh tiến độ so với kế hoạch MTAP: Luật Phí, Lệ phí đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015 theo Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30/5/2014 của Quốc hội.

2 đề án được bổ sung mới: Luật sửa đổi bổ sung một số điều tại các Luật về thuế (Luật số 71/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua) và Đề án xây dựng chính sách động viên từ đất đai.

3 đề án có thay đổi tên:

- Đề án hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia được đổi tên thành Đề án xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ theo dõi, giám sát và đánh giá bền vững nợ công;

- Đề án thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa được đổi tên thành Đề án thí điểm chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

- Đề án phát triển hoạt động định mức tín nhiệm được đổi tên thành Đề án quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.

Có 2 đề án giảm hoạt động:

- Không ban hành thông tư hướng dẫn Đề án cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 24/02/2015 về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đã quy định các vấn đề chung và làm căn cứ để các bộ, ngành có liên quan xây dựng và trình Chính phủ ban hành các Nghị định trong từng lĩnh vực cụ thể.

- Không ban hành thông tư hướng dẫn Đề án phát triển hoạt động định mức tín nhiệm do Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm đã quy định chi tiết các điều khoản.

2. Kết quả triển khai thực hiện

Chiến lược Tài chính đề ra 8 nhóm giải pháp. Việc triển khai xây dựng các đề án trong năm 2014 đã bám sát với các định hướng đề ra cũng như lộ trình thực hiện xác định trong MTAP giai đoạn 2014 - 2016. Đánh giá cụ thể trên một số mặt như sau:

2.1. Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia

Triển khai thực hiện nhóm giải pháp số 1, trong năm 2014, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ đề trình Quốc hội thông qua 3 luật; trình Chính phủ 1 nghị quyết, 5 nghị định; trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã ban hành 55 thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện, trong đó bao gồm một số văn bản pháp luật quan trọng như:

- Luật Hải quan sửa đổi số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB số 70/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

- Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN.

- Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT.

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất.

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi các nghị định quy định về thuế.

- Quyết định số 2174/QĐ-TTg ngày 12/11/2013 về phê duyệt đề án khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai và TSNN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2013 - 2020.

- Quyết định số 1428/QĐ-BTC ngày 23/7/2014 về phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1892/QĐ-TTg ngày 14/12/2012 và Quyết định số 2174/QĐ-TTg ngày 12/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN.

- Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định quy định về thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

- Thông tư số 83/2014/TT-BTC ngày 26/6/2014 hướng dẫn thực hiện thuế GTGT theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu Việt Nam.

- Thông tư số 67/2014/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại UBCKNN.

- Thông tư liên tịch số 99/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 29/7/2014 quy định bảng giá tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn TSCĐ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng NSNN.

Trong bối cảnh nền kinh tế chưa có sự tăng trưởng đột phá, hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp còn khó khăn, nhiều chính sách thuế được ban hành theo hướng hỗ trợ, tạo thêm nguồn lực cho doanh nghiệp tái đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, đã ảnh hưởng đến việc thực hiện dự toán thu NSNN. Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu NSNN đã được Quốc hội quyết định, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao, ngay từ đầu năm, Bộ Tài chính đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, cấp ủy và chính quyền địa phương,... để làm tốt công tác chỉ đạo, điều hành thu NSNN, tăng cường quản lý thu, chống thất thu, hạn chế nợ đọng thuế. Kết quả thu NSNN năm 2014 ước đạt 858,053 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 21,6% GDP và bằng 109,6% dự toán¹, trong đó: Thu nội địa đạt 14,6% GDP, bằng 67,5% tổng thu NSNN và đạt 107,5% dự toán; thu dầu thô bằng 117,5 % dự toán; thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 112,9% dự toán.

Bên cạnh đó, huy động vốn trái phiếu chính phủ cũng đạt được những kết quả khả quan, góp phần quan trọng vào việc cân đối NSNN. Năm 2014, tổng huy động trái phiếu chính phủ đạt trên 248,024 nghìn tỷ đồng, tương ứng 94,7% kế hoạch năm, tăng 37% so với năm 2013. Lãi suất, kỳ hạn, tần suất phát hành được điều hành linh hoạt, quy trình giao dịch trái phiếu được rút ngắn nhằm tăng tính thanh khoản của trái phiếu chính phủ... Đồng thời,

đã tổ chức phát hành thành công 1 tỷ USD trái phiếu quốc tế kỳ hạn 10 năm với lãi suất 4,8%/năm để cơ cấu lại các khoản trái phiếu quốc tế cũ có lãi suất cao hơn (bình quân khoảng 6,8%/năm), qua đó tiết kiệm được chi phí, giảm áp lực bố trí nguồn trả nợ cho các năm 2015, 2016.

Trong năm 2014, Bộ Tài chính cũng đã hoàn thành đàm phán, tham gia đàm phán và ký kết các hiệp định vay nợ, viện trợ với tổng trị giá cam kết là 3,7 tỷ USD. Trị giá rút vốn vay năm 2014 đạt 5,25 tỷ USD, bằng 116% kế hoạch năm, góp phần tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển.

2.2. Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia

Trong năm 2014, chính sách phân bổ, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính tiếp tục được hoàn thiện gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia, đảm bảo thực hiện phân bổ, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo hướng tiết kiệm, hiệu quả. Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành 2 nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 2 chỉ thị về điều hành tài chính - NSNN và giá, Bộ Tài chính đã ban hành 40 thông tư để hướng dẫn triển khai thực hiện, như:

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành 1 số điều của Luật Giá.

- Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 6/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Giá về thẩm định giá.

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 13/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN những tháng cuối năm 2014.

- Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 22/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý điều hành nhằm bình ổn giá cả thị trường, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi 2015.

- Quyết định số 1188/QĐ-BTC ngày 30/5/2014 về phê duyệt đề án Mô hình Tổng kế toán nhà nước.

- Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 1, 2, 3 và 4.

- Thông tư số 06/2014/TT-BTC ngày 07/01/2014 về tiêu chuẩn thẩm định giá số 13.

- Thông tư số 25/2014/T-BTC ngày 17/02/2014 quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ.

- Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

- Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Bên cạnh đó, Dự thảo Luật NSNN cũng được hoàn thiện và đã trình Chính phủ để trình Quốc hội (kỳ thứ 9 Quốc hội khóa XIII, tháng 5/2015). Theo đó, các nội dung sửa đổi

được thực hiện theo hướng tiếp tục tăng cường phân cấp quản lý ngân sách cho các địa phương, đơn vị; tạo điều kiện cho các địa phương, đơn vị tự chủ trong quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách, gắn với trách nhiệm giải trình và công khai, minh bạch; đồng thời, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương.

Về tái cơ cấu đầu tư công, đã và đang phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&ĐT thực hiện việc rà soát, hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về phân cấp và quản lý đầu tư công; xác định rõ trách nhiệm của người quyết định đầu tư và chủ đầu tư; rà soát danh mục các dự án cơ sở hạ tầng quốc gia; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đầu tư từ NSNN, trái phiếu chính phủ, vốn ODA có hiệu quả, các dự án đầu tư phải theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bên cạnh đó, đã tập trung giải ngân vốn cho các dự án quan trọng, cấp bách đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định ứng trước dự toán năm sau (vốn đối ứng các dự án ODA, ứng vốn trái phiếu chính phủ kế hoạch năm 2015...).

Công tác quản lý giá được tăng cường, góp phần kiềm chế lạm phát²: Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước đối với điện, than bán cho điện, xăng dầu, dịch vụ công theo lộ trình với mức độ và thời gian điều chỉnh phù hợp để đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát; thực hiện công khai thông tin về giá theo quy định của pháp luật, nhất là công khai về chi phí, giá sản xuất, tiêu thụ điện, than, xăng dầu, dịch vụ công; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá.

Việc triển khai thực hiện nhóm giải pháp này đã góp phần quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm; nâng cao hiệu quả; tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính. Năm 2014, hệ thống KBNN đã thực hiện kiểm soát chi ước khoảng 944.833,9 tỷ đồng, bằng 93,8% dự toán, trong đó đã kiểm soát 679.164,5 tỷ đồng chi thường xuyên của NSNN (không bao gồm chi trả nợ, viện trợ, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng), đạt 96,4% dự toán. Vốn đầu tư giải ngân qua hệ thống KBNN ước đạt 265.669,4 tỷ đồng, đạt 87,9% so với kế hoạch vốn năm 2014.

2.3. Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công

Cơ chế tài chính đối với lĩnh vực sự nghiệp công đã từng bước đổi mới theo hướng tập trung vào việc tăng cường trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập, khuyến khích các đơn vị có điều kiện chuyển sang tự chủ, nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ để tạo thêm nguồn thu cho tái đầu tư phát triển, cải thiện thu nhập cho người lao động, tạo điều kiện cho Nhà nước cơ cấu lại chi NSNN, dành thêm nguồn lực để chăm lo tốt hơn các đối tượng chính sách, các đối tượng hộ nghèo, bảo trợ xã hội...

Trong năm 2014, Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ (Tờ trình số 77/TTr-BTC ngày 4/6/2014) về Nghị định quy định về dịch vụ sự nghiệp công và cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và đã được Chính phủ thông qua ngày 24/02/2015 (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 04/3/2015 về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập). Bên cạnh đó, cũng đã ban hành một số thông tư để hướng dẫn cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp, như quy định chế độ quản lý, tính hao mòn TSCĐ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng NSNN (Thông tư số

162/2014/TT-BTC); sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (Thông tư số 156/2014/TT-BTC); quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước (Thông tư số 71/2014/TT-BTC)... Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng đã phối hợp với Bộ Y tế đề trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 về một số cơ chế, chính sách phát triển y tế.

2.4. Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN

Bộ Tài chính đã trình Chính phủ đề Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Từ cuối năm 2013 - 2014 đã trình Chính phủ ban hành 2 nghị quyết và 8 nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 2 quyết định và Bộ Tài chính đã ban hành 2 thông tư để hoàn thiện cơ chế chính sách tài chính đối với DNNN và tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Một số văn bản pháp luật quan trọng đã được ban hành trong năm 2014 nhằm quy định và hướng dẫn triển khai nhóm giải pháp số 4, bao gồm:

- Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25/8/2014 của Chính phủ về một số giải pháp về thuế tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh sự phát triển của doanh nghiệp.

- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên TTCK của DNNN.

- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

- Nghị định 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 về việc Thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty con của công ty do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 về việc ban hành điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013; Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với DNNN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 26/5/2013; Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013; Thông tư số 171/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 về quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

- Nghị định số 206/NĐ- CP ngày 09/12/2013 quy định về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC.

- Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 về điều lệ tổ chức và hoạt động của SCIC.

- Thông tư số 153/2014/TT-BTC ngày 20/10/2014 của Bộ Tài chính ban hành quy chế xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của các doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

Việc hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN đã góp phần vào quá trình sắp xếp, đổi mới các DNNN. Hiệu quả hoạt động của khu vực DNNN có nhiều cải thiện. Vốn nhà nước đầu tư vào DNNN cơ bản được bảo toàn, phát triển. Hiệu quả hoạt động mua bán nợ của DATC đã góp phần thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa DNNN thông qua việc cơ cấu nợ, xử lý tài chính trước khi cổ phần hóa và tăng cường năng lực tài chính, hỗ trợ doanh nghiệp cổ phần hóa ổn định phát triển sản xuất, kinh doanh.

Về tái cơ cấu DNNN, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 6/3/2014 về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Đồng thời, tích cực phối hợp, đôn đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước khẩn trương triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cuối năm 2014, đã có 90/108 tập đoàn, tổng công ty nhà nước được cấp thẩm quyền phê duyệt đề án tái cơ cấu. Cả nước đã sắp xếp được 177 doanh nghiệp (trong đó: Cổ phần hóa 115 doanh nghiệp, sáp nhập 62 doanh nghiệp). Việc thoái vốn đầu tư vào các lĩnh vực nhạy cảm (chứng khoán, ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, BĐS, quỹ đầu tư) cũng đạt những kết quả khả quan, với tổng vốn đầu tư đã thoái tăng 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2013.

2.5. Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính

Hệ thống các cơ chế, chính sách đẩy mạnh tái cơ cấu và phát triển các thị trường tài chính, dịch vụ tài chính được tiếp tục hoàn thiện đồng bộ, phù hợp với đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và các cam kết hội nhập; bảo đảm quá trình giao dịch, vận hành và quản lý thông suốt, an toàn, công khai, minh bạch. Đã tạo được khuôn khổ pháp lý để phát triển hoạt động của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, TTCK phái sinh, lĩnh vực kế toán, kiểm toán, từng bước ổn định và nâng cao định mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia, tạo điều kiện giảm dần chi phí huy động trên thị trường vốn quốc tế. Bên cạnh đó, hành lang pháp lý hỗ trợ quá trình tái cơ cấu thị trường tài chính, bao gồm bảo hiểm, chứng khoán và ngân hàng cũng được đẩy mạnh. Trong đó, năm 2014 đã có 2 nghị định, 3 quyết định và 18 thông tư trong lĩnh vực thị trường tài chính và dịch vụ tài chính được ban hành. Đồng thời, trình Thủ tướng Chính phủ về khả năng mở rộng phát triển các sản phẩm nghiệp vụ mới như: Bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm hưu trí tự nguyện. Trong đó, có một số văn bản pháp luật như:

- Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 11/3/2014 Đề án xây dựng và phát triển TTCK phái sinh Việt Nam.

- Quyết định số 144/QĐ-TTg ngày 20/01/2014 về việc phê duyệt Đề án hình thành và phát triển chương trình hưu trí tự nguyện tại Việt Nam.

- Nghị định số 88/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/9/2014 quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.

- Nghị định số 68/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/7/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Quyết định số 420/QĐ-BTC ngày 3/3/2014 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển hệ thống đại lý thuế đến năm 2020.

- Thông tư số 47/2014/TT-BTC ngày 22/4/2014 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại ngân hàng thương mại.

- Thông tư số 147/2014/TT-BTC ngày 08/10/2014 về việc Hướng dẫn một số điều của Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Thông tư số 41/2014/TT-BTC ngày 08/4/2014 về việc quy định chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

- Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Kết quả là, năm 2014, mặc dù chịu ảnh hưởng, tác động của kinh tế thế giới và kinh tế trong nước nhưng thị trường tài chính vẫn phát triển tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển. Cụ thể:

TTCK: Mức vốn hóa thị trường so với GDP tiếp tục xu thế tăng trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay và đạt khoảng 31% GDP năm 2014 (tương đương 57 tỷ USD, tăng gấp 2 lần so với năm 2010). Tổng giá trị huy động vốn qua TTCK đạt 285 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2013, trong đó tổng giá trị huy động vốn thông qua kênh trái phiếu chính phủ đạt trên 248 nghìn tỷ đồng, tăng 37% so với năm 2013. Dư nợ thị trường trái phiếu ngày càng tăng cao, tương đương khoảng 21,77% GDP năm 2014, gấp 2,19 lần quy mô thị trường năm 2010. Các Sở giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán đã thực hiện chức năng giao dịch, lưu ký, thanh toán chuyển giao chứng khoán an toàn, từng bước phát triển theo thông lệ quốc tế.

Quy mô và vai trò của thị trường bảo hiểm được nâng cao: Tính đến hết năm 2014, có 61 doanh nghiệp bảo hiểm và 1 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài với trên 800 sản phẩm bảo hiểm. Thị trường bảo hiểm tiếp tục duy trì mức tăng trưởng ổn định với tổng doanh thu phí bảo hiểm tăng khoảng 14,2% so với năm 2013, đầu tư trở lại nền kinh tế tăng gần 16%.

Thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán, tư vấn thẩm định giá, tư vấn thuế, đại lý hải quan được củng cố và từng bước phát triển: Đa dạng hóa chủ thể tham gia thị trường,

phạm vi cung ứng dịch vụ được mở rộng, chất lượng được nâng cao. Tính đến năm 2014, có 134 công ty kiểm toán, doanh thu bình quân thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán là 4.156 tỷ đồng/năm.

2.6. Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính

Trong năm 2014, Bộ Tài chính tiếp tục tăng cường công tác tài chính đối ngoại, hợp tác quốc tế, tham gia các hoạt động hợp tác tài chính ASEAN; ASEAN+3, APEC, Hội nghị cấp cao Đông Á và G20; Đàm phán và xây dựng phương án đàm phán các hiệp định thương mại tự do tích cực, chủ động; rà soát, chuyển đổi biểu thuế và hoàn thiện lộ trình cắt giảm thuế quan cho 8 hiệp định thương mại tự do đã ký kết cho giai đoạn 2015 - 2018 theo Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa 2012 (HS 2012); trình Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình cắt giảm thuế quan của 8 hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là lộ trình đối với nhóm ô tô và xăng dầu. Trong đó, đã ban hành 7 thông tư về biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, như:

- Thông tư số 165/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 về ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015 - 2018.

- Thông tư số 166/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 về ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2015 - 2018.

- Thông tư số 167/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 về ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2015 - 2018.

- Thông tư số 168/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 về ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu Di-lân giai đoạn 2015 - 2018.

- Thông tư số 169/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 về ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2015 - 2018.

- Thông tư số 24/2015/TT-BTC ngày 14/02/2015 về ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN - Nhật Bản giai đoạn 2015 - 2018.

- Thông tư số 25/2015/TT-BTC ngày 14/02/2015 về ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2015 - 2018.

Thông qua các hoạt động hợp tác phát triển, trong năm 2014 Bộ Tài chính đã tiếp nhận, ký kết 08 chương trình, dự án mới sử dụng vốn ODA hỗ trợ cho các nội dung cải cách tài chính công, với tổng số ODA không hoàn lại là gần 7,2 triệu USD. Ngoài ra, Bộ Tài chính và các nhà tài trợ quốc tế đang phối hợp xây dựng và hình thành các khoản tài trợ mới trong các lĩnh vực như: Quản lý thu, cải cách ngân sách, quản lý TSNN, nâng cao

năng lực trong quản lý tài chính công, hỗ trợ thị trường tài chính... Dự kiến các khoản tài trợ này sẽ được ký kết và triển khai trong năm 2015.

Năm 2014, Bộ Tài chính triển khai tổng số 15 chương trình, dự án sử dụng vốn ODA; trong đó có 7 dự án được chuyển tiếp từ năm 2013 và 8 dự án được phê duyệt mới và triển khai trong năm. Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng tham gia triển khai thực hiện 2 dự án ô do các bộ, ngành khác là chủ quản. Cũng trong năm 2014 có 8 chương trình, dự án đã kết thúc, trong đó có các dự án lớn như: cải cách quản lý tài chính công, MDTF2, Hiện đại hóa quản lý thuế...

2.7. Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia

Hệ thống chính sách đảm bảo an ninh tài chính quốc gia cũng đang được tăng cường. Hiệu quả hiệu lực công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành (như chứng khoán, bảo hiểm...) cũng được củng cố, đồng thời nâng cao kỷ luật tài chính, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, thất thoát các nguồn lực tài chính, tài sản quốc gia. Trong đó, đã trình Chính phủ ban hành 01 nghị định và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Chỉ thị và 01 Quyết định và trong thẩm quyền ban hành 01 thông tư để hướng dẫn triển khai thực hiện nghị định, như:

- Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Chỉ thị số Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 14/02/2015 về tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công.

- Quyết định số 365/QĐ-TTg ngày 18/3/2015 ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2015.

- Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 8/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Bộ Tài chính đã trình Chính phủ đề báo cáo Quốc hội về tình hình nợ công, nợ nước ngoài quốc gia; đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện vay, trả nợ của Chính phủ năm 2013 và kế hoạch vay, trả nợ của Chính phủ năm 2014, hạn mức vay thương mại nước ngoài của Chính phủ và Chính phủ bảo lãnh năm 2014 và phê duyệt phương án tái cơ cấu nợ gốc trái phiếu quốc tế.

Nợ công, nợ chính phủ và nợ quốc gia được quản lý chặt chẽ, các chỉ tiêu về nợ nằm trong giới hạn đề ra; đồng thời, đã thực hiện trả nợ đầy đủ, đúng hạn, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn, đảm bảo uy tín và các cam kết của Chính phủ. Dư nợ công đến hết năm 2014 ước tính bằng 59,3% GDP, nợ chính phủ là 47,1% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia là 39,9% GDP, đảm bảo các chỉ tiêu nợ trong giới hạn cho phép, không tác động lớn đến kinh tế vĩ mô.

Bên cạnh đó, năng lực và công tác dự báo, đánh giá chính sách và nghiên cứu khoa học phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng tài chính quốc gia và các chiến lược của Ngành được củng cố và từng bước nâng cao. Trong năm 2013 và 2014, kế thừa các kết quả của Dự

án MTFD-2, phối hợp với WB và các tổ chức quốc tế khác (IMF, EU,...), Bộ Tài chính đã hoàn thành được cơ sở dữ liệu để thực hiện dự báo thu NSNN. Bên cạnh đó, cũng đã tổ chức được các khóa học nâng cao năng lực phân tích, dự báo và đã sử dụng phương pháp luận đánh giá chính sách để trình ra Quốc hội như đánh giá tác động của một số Luật Thuế như thuế GTGT, thuế TTĐB,... Đồng thời, đã đàm phán và ký kết hợp phần 2 của Chương trình Hiện đại hóa tài chính của Liên minh châu Âu (Chương trình EU - PFMO) trong đó bao gồm hoạt động nâng cao năng lực dự báo thu NSNN. Đồng thời, thông qua các hoạt động hợp tác tư vấn, các nhà tài trợ cũng đã phối hợp và hỗ trợ Bộ Tài chính triển khai một số hoạt động như: Xây dựng báo cáo đánh giá chi tiêu công 2015; nâng cao lực cán bộ về phân tích thống kê tài chính theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế (GFS); hỗ trợ kỹ thuật về giải pháp tài chính và bảo hiểm đối với rủi ro thảm họa; tăng cường năng lực trong các lĩnh vực quản lý tài chính công,...

2.8. Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính

Để tăng cường cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt là các lĩnh vực hành chính thuế, hải quan, quản lý TSNN, tăng cường cơ sở dữ liệu tài chính,... năm 2014 đã có 2 nghị định, 2 quyết định và 63 thông tư liên quan được ban hành, như:

- Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi các nghị định quy định về thuế.
- Quyết định số 1212/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 3/6/2014 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Khai thác dữ liệu Quốc gia về TSNN và dịch vụ về tài sản thuộc Cục QLCS.
- Quyết định số 1619/QĐ-BTC ngày 9/7/2014 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm dữ liệu quốc gia và dịch vụ về giá trực thuộc Cục QLГ.
- Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi các nghị định quy định về thuế.
- Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013.
- Thông tư số 113/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính về cải cách, đơn giản các thủ tục về thuế.

Cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính đạt được nhiều kết quả tích cực, quan trọng; hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin được tăng cường, trong đó đã xây dựng và vận hành có kết quả một số hệ thống công nghệ thông tin lớn (như TAMIS, VNACCS/VCIS). Chỉ số cải cách hành chính có sự cải thiện rõ rệt, từ vị trí thứ 8/19 bộ, ngành năm 2012 lên 4/19 bộ, ngành năm 2013.

Công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế tiếp tục được đẩy mạnh. Cùng với việc cải cách thủ tục hành chính, đã đẩy mạnh hiện đại hóa công tác quản lý thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Tính đến hết năm 2014, có 63/63 cục thuế và trên 300 chi cục thuế trực thuộc đã triển khai hệ thống khai thuế qua mạng, tỷ lệ doanh nghiệp thực

hiện kê khai thuế điện tử đạt 97%; tỷ lệ tờ khai thuế đã nộp/tổng tờ khai thuế phải nộp đạt 91%; tỷ lệ tờ khai thuế đúng hạn đạt 100%; tỷ lệ tờ khai thuế được kiểm tra tự động đạt 94%, vượt mục tiêu đề ra tại Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020³; thời gian nộp thuế của doanh nghiệp giảm được 290 giờ, từ 537 giờ/năm xuống còn 247 giờ/năm. Khi Luật sửa đổi một số điều của các Luật Thuế có hiệu lực (01/01/2015) sẽ giảm thêm được 80 giờ, từ 247 giờ/năm xuống còn 167 giờ/năm.

Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan đã có nhiều bước chuyển mạnh mẽ cùng với việc thực hiện các giải pháp rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa nhập khẩu. Đến cuối năm, áp dụng thủ tục hải quan điện tử tại 100% các đơn vị hải quan trong toàn quốc, vượt mục tiêu đặt ra tại Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020⁴. Đồng thời, triển khai áp dụng Cơ chế hải quan một cửa quốc gia góp phần rút ngắn thời gian để hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam thông quan qua biên giới giảm đáng kể, từ 21 ngày xuống còn 17 - 17,5 ngày.

Hệ thống TABMIS đã được hoàn thành triển khai và vận hành tại 63 tỉnh, thành phố; vận hành hệ thống thanh toán song phương điện tử và phối hợp thu NSNN trên toàn quốc với 4 ngân hàng thương mại cho hơn 700 KBNN cấp huyện và sở giao dịch KBNN.

Tính đến hết năm 2014, một số chỉ tiêu đảm bảo hoặc vượt mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2011 - 2015 của Chiến lược Tài chính đến năm 2020 như nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia, tỷ lệ dự trữ ngoại hối nhà nước so với tổng dư nợ nước ngoài ngắn hạn hàng năm, tổng doanh thu ngành bảo hiểm, thu nội địa, thực hiện thủ tục hải quan điện tử, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ thuế điện tử, tờ khai thuế đã nộp/tổng tờ khai thuế phải nộp.

II. TỔNG QUAN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2015 - 2017

1. Mục tiêu

Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 được xây dựng trên cơ sở Tài liệu MTAP giai đoạn 2014 - 2016 để tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020, theo hình thức “cuốn chiếu”. Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 với các mục tiêu cụ thể như sau:

Thứ nhất, Tài liệu MTAP tiếp tục xác định các đề án trọng tâm ngành Tài chính giai đoạn 2015 - 2017 cần triển khai nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 và nâng cao hiệu quả phối hợp triển khai giữa các đề án bộ phận trong tổng thể Chiến lược.

Thứ hai, Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 là cơ sở để Bộ Tài chính tiếp tục tiến hành điều phối và tổ chức thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra trong Chiến lược Tài chính đến năm 2020. Trong đó, phân công cụ thể các đơn vị trong Bộ Tài chính chủ trì và phối hợp xây dựng kịp thời, hiệu quả các đề án đã đặt ra nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn 2015 - 2017.

Thứ ba, Tài liệu MTAP cung cấp một bức tranh tổng thể về Chương trình hành động của ngành Tài chính giai đoạn 2015 - 2017 cũng như nhiệm vụ đến năm 2020, góp phần huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng các hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ tài chính theo một khuôn khổ đồng bộ và nhất quán. Trên cơ sở đó,

giúp tăng cường phối hợp giữa các nhà tài trợ và Bộ Tài chính Việt Nam đối với quá trình tái cấu trúc nền tài chính quốc gia, bao gồm cả tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu thị trường tài chính và tái cơ cấu DNNN.

Về tổng thể, Tài liệu MTAP được sử dụng để trình bày việc rà soát danh mục đề án/nội dung công việc sẽ được triển khai trong giai đoạn 2015 - 2017, xây dựng thứ tự ưu tiên và đưa ra các bảng theo dõi, đánh giá, bao gồm: (1) Khung dự tính kết quả đầu ra quá trình thực hiện Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017; (2) Chi tiết hóa và theo dõi thực hiện; (3) Ước tính nguồn lực và chi phí thực hiện; (4) Khung quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện; (5) Các đề án triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính giai đoạn 2011 - 2020. Tài liệu này sẽ góp phần giúp Bộ Tài chính và các nhà tài trợ thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2015 - 2017 triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 của ngành Tài chính một cách có hiệu quả.

2. Phương pháp xác định thứ tự ưu tiên

Tài liệu MTAP được xây dựng dựa trên một số nguyên tắc và phương pháp đã được trình bày tại Tài liệu MTAP giai đoạn 2014 - 2016 và được bổ sung, cụ thể:

2.1. Căn cứ lựa chọn, xác định các đề án

Việc rà soát, xác định các đề án/hoạt động trong Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 được thực hiện trên cơ sở đảm bảo triển khai 8 nhóm giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg. Đồng thời, việc xác định đề án cũng được dựa trên một số căn cứ sau:

Một là, các đề án/hoạt động đảm bảo phù hợp các Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30/5/2014 của Quốc hội về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015,...

Hai là, đảm bảo phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước, Kế hoạch phát triển trung hạn 2015 - 2017, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2010.

Ba là, đảm bảo yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính để cụ thể hóa việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đặt ra trong các nghị quyết, kết luận, thông báo và chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ⁵.

Bốn là, đảm bảo sự liên kết giữa Chiến lược Tài chính đến năm 2020 và các Chiến lược ngành, lĩnh vực có liên quan (09 chiến lược), đó là Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020; Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020; Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020; Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; Chiến lược phát triển thị trường vốn đến năm 2020; Chiến lược phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020; Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030; các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Năm là, đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội, trong đó chú trọng các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, người nghèo, phụ nữ, các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa,...

2.2. Rà soát xác định danh mục đề án triển khai trong giai đoạn 2015 - 2017 và phương pháp xác định thứ tự ưu tiên

Việc xác định các đề án/hoạt động trong Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 được căn cứ vào Danh mục 82 đề án đã được phê duyệt tại Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 và Danh mục 40 đề án đã và đang được triển khai tại Tài liệu MTAP ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-BTC ngày 17/02/2014. Đồng thời, rà soát, cập nhật để xác định bổ sung các đề án mới cũng như loại bỏ các đề án không còn phù hợp (Bảng 5). Cụ thể:

(i) *Tiêu chí lựa chọn đề án*: Tập trung vào các đề án lớn, cấp độ ban hành thuộc thẩm quyền Quốc hội, UBTVQH, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; các đề án có quy mô ảnh hưởng đến nhiều đối tượng, ngành kinh tế và đến tổng thể nền kinh tế; các đề án là những đề án trọng tâm, trọng điểm trong chương trình công tác của ngành Tài chính.

(ii) *Bổ sung các đề án mới ngoài Quyết định số 224/QĐ-BTC*: Bổ sung và cập nhật các đề án, hoạt động quan trọng trong giai đoạn 2015 - 2017 phù hợp Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020; 40 đề án đã được phê duyệt tại Quyết định số 304/QĐ-BTC. Đồng thời, rà soát, cập nhật để xác định bổ sung các đề án mới, đưa ra khỏi danh mục các đề án không còn phù hợp (Bảng 5). Theo đó, có 3 đề án được cập nhật từ Quyết định số 224/QĐ-BTC là Luật Chứng khoán (sửa đổi), Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công và 2 đề án bổ sung mới là phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp; hoàn thiện cơ chế chính sách đối với các ngân hàng chính sách.

(iii) *Không đưa vào Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 những đề án đã được thực hiện, như*: Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2011 - 2015, 9 chiến lược ngành, hoàn thiện cơ chế hoạt động của SCIC; tái cơ cấu và nâng cao năng lực DATC; phát triển hoạt động tư vấn thẩm định giá; hoặc những đề án tạm thời chưa thực hiện như Đề án thành lập Tổng cục quản lý, giám sát tài chính doanh nghiệp,...

(iv) *Không đưa vào Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 những đề án có các hoạt động chủ yếu là hoạt động thường xuyên, như*: Quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước; xây dựng lộ trình điều chỉnh giá một số mặt hàng thiết yếu; phát triển hoạt động đại lý hải quan, đại lý thuế; đánh giá tác động của hội nhập quốc tế đến chính sách tài chính; phát triển nguồn nhân lực ngành Tài chính; hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với một số đơn vị, cục, vụ, viện thuộc Bộ Tài chính; đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020;... hay các đề án là những hoạt động phối hợp với các bộ, ngành khác, như: Mô hình quản lý đầu tư công (phối hợp với Bộ KHĐT); đổi mới cơ chế tài chính đối với một số lĩnh vực y tế (phối hợp với Bộ Y tế), giáo dục (phối hợp với Bộ GDĐT), khoa học công nghệ (phối hợp với Bộ KHCN); Đổi mới quy chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, cung cấp dịch vụ công sử dụng NSNN (phối hợp Bộ KHĐT);...

2.3. Nguyên tắc và phương pháp xác định thứ tự ưu tiên các đề án/hoạt động trong giai đoạn 2015 - 2017

Việc lựa chọn danh mục đề án và xác định thứ tự ưu tiên được thực hiện theo các tiêu chí, nguyên tắc và phương pháp đã được xác định tại Tài liệu MTAP (Ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-BTC). Cụ thể:

Các đề án được sắp xếp theo 8 nhóm giải pháp của Chiến lược Tài chính đến năm 2020. Trong mỗi nhóm giải pháp, xác định thứ tự ưu tiên đối với các đề án và các hoạt động của mỗi đề án. Trong đó, tiêu chí xác định thứ tự ưu tiên bao gồm:

Thứ nhất, căn cứ vào phạm vi (yêu cầu bắt buộc) hoặc thời gian phải hoàn thành của đề án. Căn cứ này dựa trên mốc thời gian phải hoàn thành đề án, đồng thời gắn với Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020,... Theo đó, các đề án có mức độ ưu tiên cao sẽ là các dự án luật, pháp lệnh, các đề án xác định là trọng tâm, các khâu đột phá...; các đề án cần thực hiện để tạo cơ sở, tiền đề cho các biện pháp cải cách trong các lĩnh vực khác có liên quan... Ngoài ra, đối với một số đề án do yêu cầu mới của Quốc hội, Chính phủ cũng thuộc nhóm ưu tiên cao.

Thứ hai, đối với đề án có cùng mốc thời gian thực hiện thì việc xác định thứ tự ưu tiên sẽ căn cứ vào các yếu tố/nhân tố như: Mục tiêu, hiệu quả, đánh giá tác động, nguồn lực và tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật của những đề án đó để quyết định thứ tự ưu tiên.

Ngoài ra, cũng cần nhắc tới các yếu tố khác khi xác định thứ tự ưu tiên của các đề án, các hoạt động của từng đề án, như: Quá trình hoàn thiện thể chế, luật pháp; các chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tài chính; điều kiện thực hiện (thời gian, địa điểm, sự kiện); các hạn chế, rủi ro có liên quan; tính kế thừa, có rà soát;... Bên cạnh đó, việc xác định thứ tự ưu tiên cũng được thực hiện trên cơ sở “dưới lên” theo đề xuất của các đơn vị trong Bộ cũng như rà soát “trên xuống” theo yêu cầu của lãnh đạo Bộ Tài chính.

Trên cơ sở các căn cứ lựa chọn đề án, rà soát danh mục đề án và nguyên tắc, tiêu chí xác định thứ tự ưu tiên trong giai đoạn 2015 - 2017, Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 được hình thành với 45 đề án, bao gồm 40 đề án đã được xác định tại Quyết định số 304/QĐ-BTC và 5 đề án bổ sung mới (trong đó, gồm 3 đề án từ Quyết định số 224/QĐ-BTC) (Bảng 5, Phần IV).

Phần thứ hai

**CÁC NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH
HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2015 - 2017**

CÁC NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2015 - 2017

I. MỤC TIÊU ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2015 - 2017

Mục tiêu của MTAP 2015 - 2017 là góp phần thực hiện mục tiêu tổng quát và 6 nhiệm vụ cụ thể đã được xác định tại Chiến lược Tài chính đến năm 2020, trong đó tập trung vào: Xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, đảm bảo giữ vững an ninh tài chính, ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính - tiền tệ, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, bảo đảm bình đẳng giới; huy động, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng; cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện; đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực của công tác quản lý, giám sát tài chính. Để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ này, Chiến lược Tài chính đã xác định 3 khâu đột phá, đó là:

- Đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế tài chính theo cơ chế thị trường định hướng XHCN với trọng tâm là nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính, nguồn lực từ tài nguyên, đất đai; đưa giá cả hàng hóa và dịch vụ vận hành theo cơ chế thị trường.

- Thực hiện có hiệu quả các yêu cầu về tái cơ cấu nền tài chính quốc gia theo hướng nâng cao vai trò điều tiết, định hướng của tài chính nhà nước, tăng cường tiềm lực tài chính dân cư và doanh nghiệp trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới cơ bản chính sách tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập để cơ cấu lại chi NSNN, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học công nghệ.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với hiện đại hóa công nghệ quản lý và tăng cường ứng dụng CNTT; thực hiện cải cách mạnh mẽ quy trình thủ tục hành chính, hình thành nền tài chính chuyên nghiệp, hiệu quả, hiện đại.

Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ và 3 khâu đột phá trên, trọng tâm ưu tiên trong giai đoạn 2015 - 2017 sẽ là:

- (1) Tái cơ cấu NSNN, nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia;
- (2) Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia;
- (3) Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công;

(4) Tiếp tục hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính góp phần đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ, kinh tế biển, các vùng và khu kinh tế, thu hút doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;

(5) Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động của các loại thị trường, trong đó phát triển đồng bộ, hiệu quả thị trường tài chính và dịch vụ tài chính;

(6) Tăng cường công tác kiểm soát thị trường, quản lý giá cả và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

II. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia

1.1. Các mục tiêu chính

Về chính sách thuế, phí, lệ phí và thu khác: Xây dựng một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, phù hợp với thông lệ quốc tế và có khả năng huy động đầy đủ, chủ động, hợp lý nguồn thu cho NSNN. Mở rộng cơ sở tính thuế, duy trì mức thuế suất hợp lý, đảm bảo công bằng, bình đẳng về thuế giữa các đối tượng nộp thuế; tạo động lực khuyến khích sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, đồng thời bảo hộ hợp lý và có chọn lọc theo mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên quốc gia, đảm bảo phù hợp với Luật Dầu khí, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ và phát triển rừng... với mục đích khuyến khích sử dụng tài nguyên có khả năng tái tạo, hạn chế, điều tiết hợp lý việc khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo. Hệ thống chính sách thu từ đất đai được hoàn thiện phù hợp với các quy định của Luật Đất đai (sửa đổi), đảm bảo huy động hiệu quả các nguồn lực từ đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, thực hiện đơn giản hóa hệ thống chính sách ưu đãi thuế.

Về quản lý thuế: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, chống thất thoát, gian lận thuế. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực ngành thuế; cải cách và hiện đại hóa công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; đổi mới và tăng cường năng lực công tác thanh tra, kiểm tra người nộp thuế; đổi mới và tăng cường năng lực công tác quản lý đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, chế độ kế toán thuế; đổi mới và tăng cường năng lực công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; hiện đại hóa công tác quản lý thuế trên cơ sở phát triển hệ thống CNTT gắn với hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật; hiện đại hóa cơ sở vật chất ngành thuế; phát triển Trường Nghiệp vụ thuế.

Một số chỉ tiêu định lượng: (i) Mở rộng cơ sở thuế để phát triển nguồn thu, bao quát các nguồn thu mới phát sinh và cơ cấu lại theo hướng tăng nguồn thu nội địa (không kể thu từ dầu thô) đến năm 2015 đạt trên 70% tổng thu NSNN và đến năm 2020 đạt trên 80% tổng thu NSNN; (ii) Tỷ lệ huy động thu NSNN giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 23 - 24% GDP; (iii) Tỷ lệ động viên từ thuế, phí và lệ phí khoảng 22 - 23% GDP; (iv) Tốc độ tăng trưởng số thu thuế, phí và lệ phí bình quân hàng năm từ 16 - 18%/năm.

1.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020;
- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020;
- Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30/5/2014 của Quốc hội điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015;
- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại;
- Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;
- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 22/12/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030;
- Nghị quyết số 535/NQ-UBTVQH13 ngày 12/10/2012 của UBTVQH về kết quả giám sát và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 08/11/2011 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015;
- Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH ban hành Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên;
- Quyết định số 2174/QĐ-TTg ngày 12/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai và TSNN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2013 - 2020”;
- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;
- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;
- Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;
- Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020;

- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020;

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

1.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2015 - 2017

Nhằm nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia giai đoạn 2015 - 2017, cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách huy động từ thuế, phí và lệ phí hợp lý nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước, khuyến khích xuất khẩu, khuyến khích đầu tư, nhất là đầu tư áp dụng công nghệ cao, đầu tư vào vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; hoàn thiện các chế độ, chính sách thu từ tài nguyên, khoáng sản quốc gia như thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thu đấu giá quyền khai thác khoáng sản và thu từ dầu khí...

Cải cách chính sách huy động nguồn lực tài chính quốc gia giai đoạn 2015 - 2017 tập trung vào các nội dung sau:

Một là, triển khai thực hiện tốt Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB để điều tiết tiêu dùng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; Luật Hải quan năm 2014 nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động XK - NK, quá cảnh hàng hóa; giảm chi phí, thời gian của người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hải quan, bảo đảm tính tương thích, chặt chẽ nhằm phục vụ yêu cầu đấu tranh phòng, chống các hành vi gian lận, trốn thuế làm thất thoát NSNN; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường. Đồng thời, định kỳ có đánh giá, tổng kết về quá trình thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế; Luật Hải quan năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB nhằm phát hiện các vấn đề phát sinh để trình các cấp có thẩm quyền kịp thời điều chỉnh, bổ sung, đảm bảo phù hợp với các diễn biến của bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.

Hai là, rà soát để sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về việc ban hành Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên nhằm thúc đẩy khai thác tài nguyên gắn liền với chế biến sâu, hạn chế tối đa xuất khẩu tài nguyên chưa qua chế biến; khuyến khích sử dụng sản phẩm thay thế tài nguyên thiên nhiên nhằm góp phần bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác tài nguyên; Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 về biểu thuế bảo vệ môi trường để điều chỉnh mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu đảm bảo cân đối NSNN, đồng thời khuyến khích người tiêu dùng sử dụng nhiên liệu sinh học.

Ba là, xây dựng Luật Phí, lệ phí để thay thế cho Pháp lệnh Phí, lệ phí hiện hành nhằm thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ về quản lý phí, lệ phí, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định của Luật NSNN (sửa đổi) và các văn bản pháp luật có liên quan; từng bước tập trung phản ánh kịp thời, đầy đủ nguồn thu từ phí, lệ phí, khắc phục hạn chế

trong quản lý nguồn thu từ phí, lệ phí; từng bước tính đúng, tính đủ các chi phí nhằm đáp ứng được các yêu cầu đặt ra đối với quá trình đổi mới cơ chế quản lý đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại dịch vụ công phù hợp với sự vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; đảm bảo chính sách phí, lệ phí công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính trong ngành, lĩnh vực cung cấp các dịch vụ có thu phí, lệ phí.

Bốn là, triển khai thực hiện tốt các Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Đất đai (sửa đổi), bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; xây dựng Luật Thuế BĐS theo hướng điều tiết đối với nhà, đất ở và tài sản có giá trị lớn; khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; điều tiết đối với những trường hợp sử dụng đất diện tích lớn, có tính chất đầu cơ; thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của thị trường BĐS, bảo đảm động viên nguồn thu hợp lý cho NSNN; xây dựng và hoàn thiện chính sách thu đối với đất đai theo hướng quy định mức thu theo mục đích sử dụng của đất đai, góp phần hình thành thị trường BĐS có tổ chức, quản lý hiệu quả, đồng thời mở rộng việc giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá; xây dựng Quỹ phát triển hạ tầng cơ sở nhằm huy động nguồn lực tài chính từ quỹ đất của các địa phương, tạo điều kiện cho các địa phương có được các nguồn lực cần thiết cho việc đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở trên địa bàn; bán quyền thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đối với những công trình có khả năng và điều kiện thu thuận lợi; cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông; chuyển nhượng có thời hạn kết cấu hạ tầng giao thông; khai thác quỹ đất hai bên đường để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông...

Năm là, đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Luật Thuế bảo vệ môi trường và Luật Thuế tài nguyên nhằm tiếp tục hoàn thiện theo hướng phù hợp với các thông lệ quốc tế và bối cảnh của Việt Nam.

1.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2015 - 2017

- Đề án 1: Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN năm 2013 và các nội dung liên quan đến thuế TNDN tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế.

Hoạt động của Đề án: Sơ kết, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật.

- Đề án 2: Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT năm 2013 và các nội dung liên quan đến thuế GTGT tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế.

Hoạt động của Đề án: Sơ kết, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật.

- Đề án 3: Triển khai thực hiện Luật Hải quan năm 2014.

Hoạt động của Đề án: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật.

- Đề án 4: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11; (ii) Xây dựng đề án sửa đổi một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; (iii) Tổ chức thực hiện Luật; (iv) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật.

- Đề án 5: Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổ chức thực hiện; (ii) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật.

- Đề án 6: Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN năm 2012 và các nội dung liên quan đến thuế TNCN tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế.

Hoạt động của Đề án: (i) Sơ kết, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN; (ii) Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo.

- Đề án 7: Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết, đánh giá triển khai thực hiện Luật Thuế tài nguyên và Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH ban hành Biểu thuế suất thuế tài nguyên; (ii) Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13.

- Đề án 8: Xây dựng Luật Phí, lệ phí.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Pháp lệnh Phí, lệ phí; (ii) Xây dựng Dự án Luật; (iii) Tổ chức thực hiện Luật; (iv) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật.

- Đề án 9: Xây dựng chính sách động viên từ đất đai.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nghị định, thông tư; (ii) Triển khai thực hiện Đề án khai thác nguồn lực từ đất đai và TSNN để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2013 - 2020 theo Quyết định số 2174/QĐ-TTg.

- Đề án 10: Xây dựng Luật Thuế BĐS.

Hoạt động của Đề án: Đánh giá chính sách thuế đối với BĐS.

- Đề án 11: Tổng kết, đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá thi hành 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; (ii) Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo.

- Đề án 12: Tổng kết, đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá thi hành 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường; (ii) Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo.

1.5. Trách nhiệm thực hiện

- Đề án 1, 2, 6, 11 và 12: TCT và Vụ CST chủ trì, phối hợp với Vụ PC, Cục KHTC, TCHQ và các đơn vị liên quan.

- Đề án 3: TCHQ chủ trì, phối hợp với Vụ CST, Vụ HTQT, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 4, 5, 7, 8 và 10: Vụ CST chủ trì, phối hợp với Vụ PC, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan.

- Đề án 9: Cục QLCS chủ trì, phối hợp với Vụ CST, TCT, Vụ PC và các đơn vị liên quan.

1.6. Yêu cầu nguồn lực

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

1.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2017

- Sơ kết 3 năm thực hiện Luật Hải quan năm 2014; Tổ chức tuyên truyền và tổng kết 3 năm Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Sơ kết 3 năm thực hiện Luật Thuế TTĐB; Sơ kết 3 năm thực hiện Luật Phí, lệ phí; Xây dựng và tổ chức thực hiện Luật Thuế BĐS...

- Triển khai giai đoạn 2 các nhiệm vụ có liên quan theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và các đề án bổ sung mới.

2. Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia

2.1. Các mục tiêu chính

- Xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, đảm bảo giữ vững an ninh tài chính, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, bình đẳng giới. Trong đó, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội một cách hiệu quả, công bằng.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính công, đặc biệt là nguồn vốn từ NSNN; tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN và thực hiện tái cấu trúc đầu tư công, tăng cường đầu tư phát triển con người, chú trọng đến các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như người nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số; cải cách cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công; cải cách tiền lương; củng cố hệ thống an sinh xã hội.

- Phát triển và hiện đại hóa quản lý ngân quỹ nhà nước hiệu lực, hiệu quả; đảm bảo gắn kết quản lý ngân quỹ nhà nước với quy trình quản lý NSNN, từ khâu lập dự toán, phân bổ, chấp hành, kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách; hoàn thiện chế độ thông tin, báo cáo tài chính; đổi mới công tác quản lý, kiểm soát chi qua KBNN trên cơ sở xây dựng cơ chế, quy trình quản lý, kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN phù hợp với thông lệ quốc tế để vận hành hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc.

- Sẵn sàng đáp ứng yêu cầu cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; phục vụ động viên công nghiệp; đảm bảo an ninh lương thực, an ninh năng lượng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

- Các chỉ tiêu định lượng: (i) Giảm mức bội chi NSNN xuống dưới 4,5% GDP vào năm 2015 (tính cả trái phiếu chính phủ) và giai đoạn 2016 - 2020 tương đương 4% GDP; (ii) Phấn đấu đến năm 2015, tổng mức dự trữ nhà nước đạt 0,8 - 1% GDP và đến năm 2020 đạt khoảng 1,5% GDP, đồng thời cơ cấu lại mặt hàng dự trữ, đảm bảo đáp ứng kịp thời các nhu cầu đột xuất, cấp bách của Nhà nước.

2.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020;
- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020;
- Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020;
- Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;
- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
- Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30/5/2014 của Quốc hội điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015;
- Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 08/11/2011 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015;
- Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020;
- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;
- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;
- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;
- Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020;
- Quyết định số 2091/QĐ-TTg ngày 28/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020.

2.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2015 - 2017

Một là, hoàn thiện khung pháp lý về phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính, trong đó nâng cao vai trò định hướng của nguồn lực tài chính nhà nước trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc xây dựng và triển khai thực hiện Luật NSNN (sửa đổi) phù hợp với yêu cầu cải cách và quản lý theo hướng đảm bảo nguồn lực cho ngân sách

địa phương để chủ động thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đồng thời tăng cường trách nhiệm trong quản lý ngân sách của chính quyền địa phương; đảm bảo tập trung, thống nhất vai trò chủ đạo và điều phối của ngân sách trung ương.

Hai là, cải cách quản lý ngân quỹ theo hướng an toàn, hiệu quả, gắn kết quản lý ngân quỹ với quản lý nợ chính phủ để nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính nhà nước và trả nợ vay, bao gồm: Thiết lập các công cụ quản lý ngân quỹ như hệ thống tài khoản thanh toán tập trung (TSA), quy trình dự báo luồng tiền, hệ thống quản lý và kiểm soát rủi ro ngân quỹ...

Ba là, đổi mới cơ cấu chi NSNN theo hướng tăng cường đầu tư cho con người, cơ cấu lại chi NSNN đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng phát triển kinh tế xanh, đảm bảo quốc phòng, an ninh, thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ; tăng cường dự phòng, dự trữ tài chính; thực hiện tái cấu trúc đầu tư công gắn với nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn vốn NSNN; hướng tới đổi mới kế hoạch đầu tư trung hạn trên cơ sở kế hoạch tài chính - ngân sách trung hạn, đảm bảo chi đầu tư từ NSNN được giới hạn trong khả năng nguồn lực và thống nhất với các ưu tiên chính sách của Quốc hội, Chính phủ.

Bốn là, đổi mới hoạt động lập và phân bổ dự toán NSNN, hướng tới phân bổ ngân sách theo trung hạn, gắn với kết quả hoạt động; thực hiện đổi mới quy trình ngân sách, trong đó có tính đến các khía cạnh giới có liên quan, áp dụng ngân sách trung hạn và thực hiện phân bổ ngân sách theo các ưu tiên chiến lược; nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo tài chính - ngân sách.

Năm là, tăng cường công tác quản lý tài sản công, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản quốc gia, tăng cường tiềm lực và hiệu quả quản lý dự trữ nhà nước.

Sáu là, tăng cường quản lý giá hàng hóa, dịch vụ theo cơ chế thị trường, đẩy mạnh thanh, kiểm tra và quản lý các yếu tố hình thành giá đối với các hàng hóa, dịch vụ độc quyền.

Bảy là, hoàn thiện khung pháp lý để thực hiện chức năng tổng kế toán nhà nước góp phần đánh giá nguồn lực tài chính quốc gia và hiệu quả chi tiêu công.

2.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2015 - 2017

- Đề án 1: Triển khai thực hiện Luật NSNN (sửa đổi) năm 2015 (được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIII, tháng 5/2015).

Hoạt động của Đề án: (i) Tổ chức thực hiện Luật NSNN (sửa đổi); (ii) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật.

- Đề án 2: Cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng nghị định về quản lý ngân quỹ và thông tư hướng dẫn thực hiện (về tài khoản thanh toán tập trung - TSA, hệ thống dự báo nguồn tiền, hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro ngân quỹ); (ii) Xây dựng các hoạt động hỗ trợ phục vụ triển khai nghị định; (iii) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và sơ kết đánh giá kết quả thực hiện nghị định.

- Đề án 3: Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng TSNN.

Hoạt động của Đề án: (i) Đăng ký đưa vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng TSNN; (ii) Xây dựng Dự án Luật và các văn bản hướng dẫn.

- Đề án 4: Mô hình Tổng kế toán nhà nước.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng hệ thống kế toán nhà nước thống nhất trên cơ sở áp dụng CNTT hiện đại, hạch toán theo thông lệ quốc tế, đảm bảo yêu cầu quản lý ngân sách và tài chính công; (ii) Xây dựng khung pháp lý để thực hiện chức năng tổng kế toán nhà nước; (iii) Tổ chức bộ máy và hệ thống thông tin.

- Đề án 5: Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật Giá.

2.5. Trách nhiệm thực hiện

- Đề án 1: Vụ NSNN chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan.

- Đề án 2: KBNN chủ trì, phối hợp với Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLN&TCĐN và các đơn vị liên quan.

- Đề án 3: Cục QLCS chủ trì, phối hợp với Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 4: KBNN chủ trì phối hợp với Vụ CDKT, Vụ NSNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 5: Cục QLG chủ trì, phối hợp với Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan.

2.6. Yêu cầu nguồn lực

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

2.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2017

Triển khai giai đoạn 2 các nhiệm vụ có liên quan theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và các đề án bổ sung mới.

3. Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công

3.1. Các mục tiêu chính

- Đổi mới căn bản cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cung cấp dịch vụ gắn với nhu cầu của xã hội, phù hợp với khả năng ngân sách, thúc đẩy xã hội hóa cũng như đảm bảo để các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo, nhất là phụ nữ và người dân tộc thiểu số được tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu.

- Đổi mới cơ chế giá dịch vụ, Nhà nước quy định khung giá sản phẩm dịch vụ đối với các loại dịch vụ cơ bản thiết yếu, đồng thời, cho phép các đơn vị sự nghiệp công từng bước tính đúng, tính đủ chi phí về tiền lương, chi phí khấu hao TSCĐ trong giá dịch vụ cung cấp.

- Tăng cường xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công nhằm đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư trong xã hội cho phát triển các lĩnh vực sự nghiệp công, đặc biệt là giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, khoa học công nghệ.

- Xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công theo 3 mức: (1) Mức giá tính đủ tiền lương; (2) Mức giá tính đủ tiền lương và chi phí quản lý; (3) Mức giá tính đủ lương, chi phí quản lý và khấu hao TSCĐ.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp cung cấp những dịch vụ sự nghiệp công có đủ điều kiện, trước hết là các đơn vị sự nghiệp kinh tế, thực hiện cơ chế hoạt động theo mô hình doanh nghiệp và từng bước cổ phần hóa theo quy định.

- Thực hiện cơ cấu lại và đổi mới phương thức đầu tư, cấp phát NSNN theo hướng: (i) NSNN đảm bảo kinh phí thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, biên giới và hải đảo; (ii) Từng bước chuyển từ việc giao dự toán ngân sách cho các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập như hiện nay sang thực hiện phương thức “đặt hàng”, “mua” dịch vụ.

- Đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công có khả năng xã hội hóa cao, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động (các trường đại học, bệnh viện và một số cơ sở dạy nghề) theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đồng bộ cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính, tài sản khi cung cấp dịch vụ gắn với nhu cầu xã hội.

- Quy định và thực hiện lộ trình đổi mới cơ chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; nghiên cứu để thực hiện khoán ổn định kinh phí hỗ trợ của Nhà nước trong một số năm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

3.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Kết luận số 63/KL-TW ngày 27/5/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020;

- Nghị quyết số 35/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế;

- Kết luận số 37-KL/TW ngày 26/5/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách phát triển y tế;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

3.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2015 - 2017

Một là, đổi mới phương thức đầu tư từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của các đơn vị, phù hợp với khả năng của NSNN và thực hiện việc cơ cấu lại chi NSNN đối với từng lĩnh vực cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cộng, ưu tiên cho các đơn vị sự nghiệp có nguồn thu thấp, không đảm bảo bù đắp chi phí hoạt động, như các trường tiểu học, các bệnh viện chữa trị bệnh phong, lao, tâm thần, các cơ sở y tế dự phòng, các đơn vị sự nghiệp công lập khác...

Hai là, đổi mới phương thức đầu tư từ NSNN đối với một số hoạt động sự nghiệp theo hướng chuyển đổi cơ chế phân bổ chi thường xuyên từ NSNN sang cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ có gắn với hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chí, tiêu chuẩn của từng loại hình dịch vụ cũng như số lượng, chất lượng sản phẩm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ; chuyển cơ chế cấp kinh phí trực tiếp cho các cơ sở cung ứng dịch vụ sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng dịch vụ.

Ba là, đổi mới cơ chế giá dịch vụ trong cung cấp dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp công lập. Nhà nước sẽ quy định khung giá dịch vụ đối với những dịch vụ cơ bản có vai trò quan trọng trong xã hội như quy định về khung học phí, viện phí trên cơ sở từng bước tính đúng, tính đủ chi phí tiền lương, chi phí hoạt động thường xuyên, chi phí khấu hao TSCĐ trong giá dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp.

Bốn là, các đơn vị sự nghiệp công lập được phép tính đủ chi phí (tiền lương và chi phí hoạt động thường xuyên...) trong giá dịch vụ trên cơ sở khung giá do Nhà nước quy định. Từ đó, hình thành cơ chế cạnh tranh trong việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công với mục đích cải thiện chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị này, hạn chế sự can thiệp của Nhà nước, cung - cầu dịch vụ được điều tiết bởi các lực lượng thị trường, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Năm là, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính khuyến khích việc huy động các nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển sự nghiệp công, nhất là sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, nghiên cứu khoa học và văn hóa - xã hội. Tiếp tục hoàn thiện quy định về việc các cơ sở công lập hợp tác, liên kết với địa phương, doanh nghiệp, cá nhân trong việc xây dựng cơ sở vật chất. Tiếp tục thực hiện việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất đối với các cơ sở ngoài công lập; các cơ sở ngoài công lập huy động vốn để đầu tư phát triển cơ sở vật chất.

3.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2015 - 2017

- Đề án 1: Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Hoạt động của Đề án: Tổ chức thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

- Đề án 2: Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Hoạt động của Đề án: (i) Hoàn thiện dự thảo nghị định; (ii) Ban hành thông tư hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

3.5. Trách nhiệm thực hiện

Đề án 1 và 2: Vụ HCSN chủ trì, phối hợp với Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan.

3.6. Yêu cầu nguồn lực

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

3.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2017

- Đánh giá tình hình đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế và khoa học công nghệ.

- Triển khai giai đoạn 2 các nhiệm vụ có liên quan theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và các đề án bổ sung mới.

4. Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN

4.1. Các mục tiêu chính

- DNNN có cơ cấu hợp lý hơn, tập trung vào ngành, lĩnh vực then chốt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội và quốc phòng, an ninh, làm nòng cốt để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng, điều tiết nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô.

- Nâng cao sức cạnh tranh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đối với doanh nghiệp kinh doanh; hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội, quốc phòng, an ninh đối với doanh nghiệp hoạt động công ích.

- Đổi mới, phát triển và tiến tới áp dụng đầy đủ khung quản trị hiện đại theo thông lệ tốt của kinh tế thị trường đối với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Thực hiện nghiêm pháp luật, kỷ cương hành chính nhà nước và kỷ luật thị trường, đổi mới hệ thống đòn bẩy khuyến khích bảo đảm DNNN hoạt động theo cơ chế thị trường và cạnh tranh bình đẳng như các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

- Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân; khuyến khích hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân có tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

4.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30/5/2014 của Quốc hội điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015;

- Kết luận số 74-KL/TW ngày 17/10/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014” và “Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế - xã hội, trọng tâm là ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng”;

- Kết luận số 50/KL-TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN”;

- Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2011;

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2012;

- Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 09/5/2012 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2012;

- Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015”;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

- Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh tái cơ cấu DNNN.

4.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2015 - 2017

Một là, triển khai thực hiện tốt Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13) và Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư... nhằm tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, ổn định, minh bạch, thông thoáng, cạnh tranh lành mạnh nhằm giải phóng, phát triển sức sản xuất của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; hạn chế độc quyền trong kinh doanh; chống tình trạng biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp.

Hai là, rà soát để tập trung phát triển DNNN trong những ngành, lĩnh vực quan trọng có ý nghĩa then chốt của nền kinh tế, đảm bảo cân đối lớn, ổn định vĩ mô, an ninh quốc phòng và trên một số địa bàn quan trọng. Xây dựng các tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh về tiềm lực tài chính, hiệu quả trong sản xuất - kinh doanh và làm tốt vai trò công cụ điều tiết vĩ mô. Nhà nước chỉ đầu tư vốn vào các tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong những lĩnh vực, ngành nghề then chốt sau khi cơ cấu lại. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước chỉ tập trung vào những ngành nghề kinh doanh chính; kiên quyết thực hiện thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần chi phối và thoái vốn đã đầu tư vào các hoạt động ngoài ngành kinh doanh chính.

Thiết lập và tăng cường kiểm tra, giám sát về tài chính đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; phát hiện xử lý và cảnh báo việc chấp hành chính sách pháp luật về tài chính và khả năng mất cân đối về tài chính của doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm túc việc kiểm toán bắt buộc đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; thực hiện công khai kết quả hoạt động của DNNN, đặt DNNN vào môi trường cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính để thực hiện việc sắp xếp, đổi mới DNNN (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước), chỉ duy trì DNNN trong những ngành, lĩnh vực then chốt mà Nhà nước cần nắm giữ chi phối, có ý nghĩa chiến lược đối với việc phát triển và ổn định kinh tế - xã hội. Thực hiện cổ phần hóa theo nguyên tắc thị trường, có chính sách thu hút và chọn lựa nhà đầu tư chiến lược phù hợp với từng doanh nghiệp.

Bốn là, thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa, đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị sự nghiệp công lập có thu thực hiện tốt cơ chế quản lý giá dịch vụ, có thể tiếp tục thực hiện chuyển đổi các đơn vị này sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Bước đầu, thực hiện trước đối với các đơn vị sự nghiệp kinh tế (các trung tâm giống, trung tâm ứng dụng, chuyên giao công nghệ...), sự nghiệp văn hóa (các nhà xuất bản, phát hành, các dịch vụ văn hóa nghệ thuật, giải trí...), lĩnh vực thể dục thể thao (trung tâm thể thao, câu lạc bộ thể thao...).

4.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2015 - 2017

- Đề án 1: Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13).

Hoạt động của Đề án: (i) Tổ chức thực hiện Luật; (ii) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật.

- Đề án 2: Thí điểm chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

Hoạt động của Đề án: Triển khai thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4.5. Trách nhiệm thực hiện

Đề án 1 và 2: Cục TCDN chủ trì, phối hợp với Vụ DT, Vụ NSNN, Vụ PC, Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan.

4.6. Yêu cầu nguồn lực

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

4.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2017

- Đánh giá 3 năm thực hiện Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Đánh giá 2 năm thực hiện Đề án thí điểm góp vốn cổ phần để thành lập mới đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa.

- Triển khai giai đoạn 2 các nhiệm vụ có liên quan theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và các đề án bổ sung mới.

5. Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính

5.1. Các mục tiêu chính

- Thực hiện phát triển đồng bộ các loại thị trường, tái cấu trúc thị trường tài chính và dịch vụ tài chính; mở rộng và đa dạng hóa các hình thức hoạt động trên thị trường để động viên các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển TTCK, thị trường trái phiếu ổn định, vững chắc, hoạt động hiệu quả, vận hành an toàn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường, có khả năng cạnh tranh trong khu vực; sử dụng TTCK như một công cụ quan trọng thúc đẩy tái cấu trúc DNNN, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, đầu tư công, tạo hiệu ứng lan tỏa minh bạch hóa cả nền kinh tế.

- Phát triển thị trường trái phiếu theo hướng hiện đại, hoàn chỉnh đi đôi với tái cấu trúc thị trường tài chính, đa dạng hóa các sản phẩm trên thị trường với trọng tâm là thị trường trái phiếu chính phủ để nâng cao hiệu quả hoạt động huy động vốn thông qua thị trường trái phiếu, đặc biệt là vốn trung và dài hạn.

- Phát triển bộ máy giám sát tài chính đồng bộ, có khả năng phân tích, đánh giá, cảnh báo trung thực mức độ rủi ro của toàn bộ hệ thống tài chính và từng phân đoạn trong hệ thống tài chính.

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kế toán, kiểm toán và thống kê, ban hành hệ thống chuẩn mực quốc gia phù hợp với hệ thống chuẩn mực quốc tế.

- Các chỉ tiêu định lượng: (i) Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu khoảng 50% GDP vào năm 2015 và 70% GDP vào năm 2020; (ii) Dư nợ thị trường trái phiếu đạt 30% GDP vào năm 2020; (iii) Tổng doanh thu ngành bảo hiểm đạt 2 - 3% GDP vào năm 2015 và 3 - 4% GDP vào năm 2020.

5.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30/5/2014 của Quốc hội điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015;

- Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 08/11/2011 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Quyết định số 261/QĐ-BTC ngày 01/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam đến năm 2020;

- Quyết định số 304/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia;

- Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 06/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cấu trúc TTCK và doanh nghiệp bảo hiểm”;

- Quyết định số 128/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

- Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

- Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 15/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

- Quyết định số 480/QĐ-TTg ngày 18/03/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 336/QĐ-TTg ngày 11/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển TTCK phái sinh Việt Nam;

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

5.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2015 - 2017

Một là, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý điều tiết hệ thống thị trường tài chính và dịch vụ tài chính, thúc đẩy sự phát triển của hệ thống các thị trường tài chính theo chiều sâu trên cơ sở đa dạng hóa các định chế tài chính, các hàng hóa trên thị trường tài chính, tăng cường quy mô, tính thanh khoản trên các thị trường tài chính. Trong đó: (i) Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về dịch vụ bảo hiểm; (ii) Nghiên cứu để sau năm 2015 sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm; (iii) Phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; đa dạng hóa dịch vụ thanh toán, đẩy mạnh ứng dụng thanh toán điện tử; (iv) Phát triển hệ thống quỹ hưu trí tự nguyện để mở rộng cơ sở nhà đầu tư vốn dài hạn trên thị trường tài chính; (v) Phát triển TTCK phái sinh phòng ngừa rủi ro cho TTCK, thị trường tài chính và các ngành kinh tế khác; (vi) Gắn cổ phần hóa, tái cấu trúc DNNN và hệ thống ngân hàng với niêm yết, đăng ký giao dịch để minh bạch hóa và nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp.

Hai là, hoàn thiện cấu trúc của TTCK, bao gồm: (i) Cơ cấu lại TTCK đảm bảo sự phát triển đồng bộ, cân đối giữa thị trường cổ phiếu, trái phiếu, thị trường các công cụ phái sinh; (ii) Đa dạng hóa các loại hình sản phẩm trên thị trường tài chính đạt mức độ tương

đương với các nước trong khu vực; (iii) Xây dựng và triển khai hoạt động công bố thông tin, quản trị công ty theo chuẩn mực quốc tế; (iv) Thúc đẩy hợp lý và đa dạng hóa các tổ chức đầu tư chuyên nghiệp trong nước, nhà đầu tư có tổ chức.

Ba là, tăng cường năng lực hoạt động của các tổ chức tham gia thị trường tài chính và dịch vụ tài chính. Trong đó: (i) Tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm; (ii) Hình thành và phát triển các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định mức tín nhiệm hoạt động trên thị trường vốn; (iii) Hoàn thiện mô hình doanh nghiệp kinh doanh xổ số, tăng cường sự kiểm soát của Nhà nước đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng, trong đó có casino; (iv) Tiếp tục phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động và vai trò của các hiệp hội nghề nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, giá, thuế và hải quan; (v) Thành lập Viện quản trị công ty để thúc đẩy công tác quản trị công ty.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với các ngân hàng chính sách (NHPTVN và NHCSXH).

Năm là, hoàn thiện hệ thống quy định, chuẩn mực về kế toán, kiểm toán: Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp; cập nhật và hoàn thiện toàn bộ hệ thống chuẩn mực kiểm toán độc lập; xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán công tại Việt Nam.

5.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2015 - 2017

- Đề án 1: Phát triển TTCK phái sinh.

Hoạt động của Đề án: (i) Hoàn thiện và trình Chính phủ ban hành Nghị định về chứng khoán phái sinh và TTCK phái sinh; (ii) Tổ chức triển khai, ban hành thông tư hướng dẫn Nghị định.

- Đề án 2: Quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.

Hoạt động của Đề án: (i) Tuyên truyền, phổ biến Nghị định quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm; (ii) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch dịch vụ xếp hạng tín nhiệm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; (iii) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm cho các doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 88/2014/NĐ-CP và quy hoạch phát triển dịch vụ xếp hạng tín nhiệm; (iv) Đánh giá quá trình cung cấp dịch vụ xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm.

- Đề án 3: Hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng Nghị định, Thông tư về thành lập và tổ chức hoạt động Quỹ Hưu trí tự nguyện; (ii) Tuyên truyền, phổ biến.

- Đề án 4: Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý TTCK.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của UBCKNN giai đoạn trước khi ban hành Luật Chứng khoán (sửa đổi); (ii) Kiện toàn tổ chức, nâng cao vị thế của UBCKNN trong hoạt động quản lý TTCK.

- Đề án 5: Hoàn thiện hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá, tổng kết việc thực hiện các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kiểm toán; (ii) Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung hệ thống chuẩn

mục kế toán doanh nghiệp, hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam; (iii) Tuyên truyền, phổ biến.

- Đề án 6: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán.

Hoạt động của Đề án: (i) Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán; (ii) Tổ chức thực hiện Luật; (iii) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật.

- Đề án 7: Luật Chứng khoán (sửa đổi).

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; (ii) Xây dựng Dự án Luật.

- Đề án 8: Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi).

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm; (ii) Xây dựng Dự án Luật.

- Đề án 9: Phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá quá trình triển khai Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp; (ii) Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 90/2011/NĐ-CP (về điều kiện phát hành và cơ chế công bố thông tin trước và sau phát hành); (iii) Tổ chức tuyên truyền và phổ biến Nghị định.

- Đề án 10: Hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với các ngân hàng chính sách.

Hoạt động của Đề án: (i) Hoàn thiện Nghị định thay thế Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và triển khai thực hiện; (ii) Xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động, hướng dẫn cơ chế tài chính và quy chế xử lý nợ của NHPTVN và triển khai thực hiện; (iii) Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và triển khai thực hiện; (iv) Xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH và Thông tư thay thế Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01/4/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg.

5.5. Trách nhiệm thực hiện

- Đề án 1, 4 và 7: UBCKNN chủ trì, phối hợp với Vụ PC, Vụ TCNH, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 2, 3, 9 và 10: Vụ TCNH chủ trì, phối hợp với UBCKNN, Cục TCDN, Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 5 và 6: Vụ CĐKT chủ trì, phối hợp với Cục TCDN, TCT, Vụ PC, Cục KHTC, KBNN và các đơn vị liên quan.

- Đề án 8: Cục QL&GSBH chủ trì, phối hợp với Vụ PC và các đơn vị liên quan.

5.6. Yêu cầu nguồn lực

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

5.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2017

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị định về phát triển hoạt động của đại lý thuế.
- Xây dựng Dự án Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi và tổ chức thực hiện.

- Đánh giá 2 năm thực hiện Nghị định về chứng khoán phái sinh và TTCK phái sinh; Nghị định quy định về điều kiện thành lập và hoạt động của tổ chức định mức tín nhiệm, gồm tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện Nghị định và sơ kết, đánh giá thực hiện; Nghị định thành lập và tổ chức hoạt động Quỹ Hưu trí tự nguyện; Nghị định quy định về dịch vụ định mức tín nhiệm...

- Đánh giá về việc cung cấp, sử dụng dịch vụ xếp hạng tín nhiệm trên thị trường.

- Triển khai giai đoạn 2 các nhiệm vụ có liên quan theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và các đề án bổ sung mới.

6. Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính

6.1. Các mục tiêu chính

- Thực hiện mở rộng đối thoại chính sách và trao đổi kinh nghiệm về tài chính - tiền tệ với các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế.

- Đa dạng hóa nội dung, hình thức và các đối tác hợp tác quốc tế, gắn hợp tác quốc tế với yêu cầu hiện đại hóa ngành Tài chính.

- Mở rộng các kênh khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong lĩnh vực tài chính, trong đó bao gồm hỗ trợ nâng cao năng lực đáp ứng các yêu cầu về lồng ghép giới trong quá trình thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020.

- Chủ động xây dựng chính sách hội nhập tài chính hiệu quả, nhất quán; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập, kịp thời điều chỉnh hợp lý, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đối với an ninh, an toàn tài chính và nền kinh tế trong nước.

6.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 05/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của WTO;

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế;

- Kết luận số 74-KL/TW ngày 17/10/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014” và “Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế - xã hội, trọng tâm là ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng”;

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế.

6.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2015 - 2017

Một là, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác tài chính:

- Chủ động đề xuất và tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế, nâng cao tiếng nói và vị thế của Việt Nam trên các diễn đàn hợp tác tài chính quốc tế. Từng bước tiếp cận với các thị trường tài chính tiên tiến;

- Mở rộng đối thoại chính sách và trao đổi kinh nghiệm về tài chính - tiền tệ với các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế. Đa dạng hóa nội dung, hình thức và các đối tác hợp tác quốc tế, gắn hợp tác quốc tế với yêu cầu hiện đại hóa ngành Tài chính;

- Mở rộng các kênh khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong lĩnh vực tài chính.

Hai là, củng cố và tăng cường hội nhập quốc tế về tài chính:

- Thực hiện điều chỉnh và xây dựng các cơ chế, chính sách tài chính phù hợp với các quy định và cam kết trong khuôn khổ đa biên, khu vực và điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Thực hiện có trách nhiệm các cam kết hội nhập trong lĩnh vực tài chính mà Việt Nam đã đưa ra;

- Chủ động xây dựng chính sách hội nhập tài chính hiệu quả, nhất quán; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập, kịp thời điều chỉnh hợp lý, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của quá trình này.

6.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2015 - 2017

Đề án 1: Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế.

Hoạt động của Đề án: (i) Đánh giá, tổng kết việc thực hiện các cam kết; (ii) Đề xuất các giải pháp tiếp theo; (iii) Triển khai thực hiện và sơ kết đánh giá.

6.5. Trách nhiệm thực hiện

Đề án 1: Vụ HTQT chủ trì, phối hợp với Cục QLN&TCĐN, Viện CL&CSTC, Vụ PC, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan.

6.6. Yêu cầu nguồn lực

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

6.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2017

- Nâng cao tiếng nói và vị thế của Việt Nam trên các diễn đàn hợp tác tài chính quốc tế.
- Tiếp tục mở rộng đối thoại chính sách và trao đổi kinh nghiệm về tài chính - tiền tệ với các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế.
- Tiếp tục mở rộng các kênh khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong lĩnh vực tài chính.
- Tiếp tục thực hiện điều chỉnh và xây dựng các cơ chế, chính sách tài chính phù hợp với các quy định và cam kết trong khuôn khổ đa biên, khu vực và điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam.
- Tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập, kịp thời điều chỉnh hợp lý, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực.
- Triển khai giai đoạn 2 các nhiệm vụ có liên quan theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và các đề án bổ sung mới.

7. Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia

7.1. Các mục tiêu chính

- Tạo khung pháp lý có giá trị cao và đồng bộ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Hoàn thiện cơ chế phát hiện và đấu tranh chống các hành vi gây lãng phí.
- Nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra của thanh tra ngành Tài chính; tăng cường chất lượng công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành Tài chính. Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của hệ thống giám sát nội bộ trong tất cả các lĩnh vực. Hoàn thiện cơ chế phối hợp thanh tra, giám sát giữa các cơ quan chức năng.
- Nâng cao kỷ luật tài khóa. Tăng cường thực hiện chế độ công khai tài chính, ngân sách.
- Tăng cường giám sát khu vực doanh nghiệp, đặc biệt là DNNN. Hoàn thiện theo lộ trình các cơ chế và hệ thống tiêu chí giám sát tài chính doanh nghiệp phù hợp với thông lệ quốc tế.
- Giám sát an toàn về nợ công, nợ quốc gia. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các công cụ quản lý nợ, quản lý rủi ro. Duy trì các chỉ số nợ ở mức an toàn theo các chỉ tiêu quy định và phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm an toàn nợ và an ninh tài chính quốc gia.
- Đổi mới và củng cố phương thức giám sát đối với thị trường tài chính và dịch vụ tài chính. Xác định rõ phạm vi, nhiệm vụ của Nhà nước trong việc tổ chức, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức tham gia thị trường tài chính, đảm bảo thị trường vận hành an toàn, lành mạnh, minh bạch, đồng thời bảo đảm lợi ích của người đầu tư. Hoàn thiện cơ chế giám sát và áp dụng các tiêu chí, chuẩn mực giám sát thị trường.

- Xây dựng và ứng dụng các mô hình phân tích và dự báo kinh tế - tài chính vĩ mô trong đó có phân tích, đánh giá tác động của chính sách đến các vấn đề an sinh xã hội như đối với người nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số...

- Các chỉ tiêu định lượng:

(i) Vay trong và ngoài nước để bù đắp bội chi NSNN theo hướng giảm dần bội chi NSNN, phần đầu đến năm 2015 (tính cả trái phiếu chính phủ) dưới 4,5% GDP, giai đoạn 2016 - 2020 tương đương khoảng 4% GDP và giai đoạn sau năm 2020 bình quân khoảng 3% GDP.

(ii) Tổ chức phát hành trái phiếu chính phủ để thực hiện chương trình đầu tư cho các công trình giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục để cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn trái phiếu giai đoạn 2011 - 2015 với tổng mức tối đa 225 nghìn tỷ đồng, bình quân 45 nghìn tỷ đồng/năm (chưa bao gồm 170.000 tỷ đồng phát hành bổ sung vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2014 - 2016 theo Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội về phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2014 - 2016).

(iii) Huy động vốn vay để bổ sung cho thực hiện Đề án xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 550 nghìn tỷ đồng, bình quân tối đa 55 nghìn tỷ đồng/năm.

(iv) Cơ cấu dư nợ nước ngoài của Chính phủ trong tổng số dư nợ của Chính phủ giảm xuống dưới 50%, đảm bảo duy trì cơ cấu dư nợ vay ODA tối thiểu đạt khoảng 60% so với tổng dư nợ nước ngoài của Chính phủ vào năm 2020.

(v) Giảm thiểu rủi ro về tái cấp vốn, thanh khoản, tỷ giá, đồng tiền, có cơ chế thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu chính phủ và phần đầu kéo dài thời hạn vay qua phát hành trái phiếu chính phủ trong nước giai đoạn 2011 - 2015 trung bình khoảng từ 4 - 6 năm và giai đoạn 2016 - 2020 lên khoảng từ 6 - 8 năm.

(vi) Nợ công (bao gồm nợ chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương) đến năm 2020 không quá 65% GDP, trong đó dư nợ chính phủ không quá 55% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP.

(vii) Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ (không kể cho vay lại) so với tổng thu NSNN hàng năm không quá 25% và nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm dưới 25% giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.

(viii) Đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ dự trữ ngoại hối nhà nước so với tổng dư nợ nước ngoài ngắn hạn hàng năm trên 200%.

(ix) Từng bước giảm dần nợ công, đến năm 2030, nợ công không quá 60% GDP, trong đó nợ chính phủ không quá 50% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 45% GDP.

7.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ về phòng, chống tham nhũng, lãng phí giai đoạn 2012 - 2016;

- Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30/5/2014 của Quốc hội điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015;

- Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21/8/2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí;

- Nghị quyết số 10/2011/QH13 ngày 08/11/2011 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015;

- Chỉ thị số 33/2008/CT-TTg ngày 20/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nghiêm chỉnh sách tài khóa và các kết luận, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 27/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013 của Quốc hội về phát hành bổ sung và phân bổ vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2014 - 2016;

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

7.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2015 - 2017

Một là, triển khai thực hiện tốt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi) và Chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ.

Hai là, tăng cường năng lực phân tích, đánh giá tác động, dự báo các vấn đề kinh tế tài chính. Cụ thể: Tập trung đào tạo nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức về các vấn đề kinh tế - tài chính nói chung. Hoàn thiện cơ sở thông tin dữ liệu và hệ thống hóa các chỉ tiêu thu thập thông tin, phân tích và xử lý các dữ liệu kinh tế - tài chính vĩ mô. Xây dựng và ứng dụng các mô hình phân tích và dự báo kinh tế - tài chính vĩ mô.

Ba là, tăng cường chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành Tài chính và công tác thanh tra, kiểm tra chuyên đề về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Cụ thể:

Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của hệ thống giám sát trong tất cả các lĩnh vực. Tăng cường thanh tra, kiểm tra tài chính đối với cơ quan, tổ chức sử dụng vốn NSNN. Áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong các khâu của công tác thanh tra, kiểm tra.

Bốn là, tăng cường giám sát nợ công. Cụ thể: Đánh giá việc thi hành các quy định về quản lý nợ công, nợ quốc gia. Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các công cụ quản lý nợ, đặc biệt là chiến lược nợ, chương trình quản lý nợ trung hạn. Chú trọng công tác quản lý rủi ro đối với danh mục nợ. Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả các dự án, chương trình sử dụng vốn vay nước ngoài. Công khai, cung cấp thông tin về tình hình vay, trả nợ trong nước và nước ngoài của Chính phủ. Xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ theo dõi, giám sát và đánh giá bền vững về nợ công. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công.

7.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2015 - 2017

- Đề án 1: Triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi).

Hoạt động của Đề án: (i) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật; (ii) Sơ kết 3 năm thực hiện Luật.

- Đề án 2: Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính.

Hoạt động của Đề án: (i) Phân tích dự báo và xây dựng mô hình; (ii) Đánh giá tác động chính sách.

- Đề án 3: Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

Hoạt động của Đề án: (i) Áp dụng thí điểm phương án được thông qua; (ii) Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về nợ công và nợ nước ngoài.

- Đề án 4: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công.

Hoạt động của Đề án: (i) Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Quản lý nợ công; (ii) Xây dựng Dự án Luật; (iii) Tổ chức thực hiện Luật.

7.5. Trách nhiệm thực hiện

- Đề án 1: Vụ PC chủ trì, phối hợp với Vụ ĐT, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Vụ TCNH, Vụ I, Cục QLN&TCĐN, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan.

- Đề án 2: Viện CL&CSTC chủ trì, phối hợp với Cục TH&TKTC, Cục KHTC, TCT, TCHQ, Vụ NSNN và các đơn vị liên quan.

- Đề án 3 và 4: Cục QLN&TCĐN chủ trì, phối hợp với Vụ NSNN, Vụ ĐT, Cục KHTC, Viện CL&CSTC, KBNN và các đơn vị liên quan.

7.6. Yêu cầu nguồn lực

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

7.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2017

- Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi); Chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí dài hạn của Chính phủ (2016 - 2020).

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các mô hình phân tích dự báo và mô hình đánh giá tác động chính sách.

- Đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Đề án xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ theo dõi, giám sát và đánh giá bền vững về nợ công.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và sơ kết 3 năm thực thi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công.

8. Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính

8.1. Các mục tiêu chính

- Xây dựng đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; tiếp tục cắt giảm và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; đơn giản hóa và công khai hóa quy trình, thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt là trong lĩnh vực hải quan, thuế và kho bạc. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật Hải quan năm 2014 và các quy trình, thủ tục quản lý thu NSNN. Thực hiện hiện đại hóa nền tài chính quốc gia với trọng tâm là đẩy mạnh ứng dụng CNTT, tích hợp và đồng bộ các hệ thống thông tin tài chính.

- Hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính, củng cố năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách. Phát triển công tác phân tích và dự báo tài chính - ngân sách. Nâng cao sự phối hợp và trao đổi thông tin giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa ngay từ khâu xây dựng và hoạch định chính sách. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin chính sách trong lĩnh vực tài chính.

- Tiếp tục thực hiện hiện đại hóa nền tài chính quốc gia với trọng tâm đẩy mạnh ứng dụng CNTT, cụ thể: Xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin lớn trong ngành Tài chính (ngân sách, kho bạc, thuế, hải quan, chứng khoán, dự trữ nhà nước, giá); tích hợp, đồng bộ các hệ thống thông tin tài chính; hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu tài chính quốc gia và xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; thiết lập hệ thống thông tin quản lý, tăng cường khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin và phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, bao gồm hệ thống thông tin quản lý tài chính chính phủ.

Một số chỉ tiêu định lượng:

- Về quản lý thuế: Năm 2015, (i) Rút ngắn thời gian nộp thuế còn không quá 121,5 giờ/năm, thời gian nộp bảo hiểm xã hội không quá 49,5 giờ/năm; (ii) Tỷ lệ doanh nghiệp

kê khai thuế điện tử đạt trên 95%; (iii) Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt tối thiểu 90%; (iv) Xây dựng và công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, bảo đảm ít nhất 90% hoàn thuế theo đúng thời gian quy định; Năm 2016 đạt mức ASEAN-4 về cải cách hành chính thuế đối với 3 nhóm chỉ tiêu mới là: Kiểm tra trước hoàn thuế; thực hiện quản lý rủi ro trong thanh tra, kiểm tra thuế; thời gian và kết quả xử lý những khiếu nại về thuế.

- *Về thủ tục hành chính hải quan:* Năm 2015, (i) Tiếp tục giảm mạnh thời gian thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu ngang bằng với các nước ASEAN-6, bảo đảm Hải quan Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn hải quan hiện đại; (ii) Thời gian hàng hóa xuất nhập khẩu giao lưu qua biên giới đạt mức tối đa 13 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, 14 ngày đối với hàng hóa nhập khẩu. Cơ bản hoàn thành và vận hành hiệu quả hải quan một cửa quốc gia, kết nối Bộ Tài chính (TCHQ) với các Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng (Bộ đội biên phòng), Bộ Công an (Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ TNMT, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ KH-CN... Năm 2016, giảm thời gian hoàn thành thủ tục xuất khẩu xuống còn dưới 10 ngày và thời gian nhập khẩu xuống còn dưới 12 ngày.

8.2. Căn cứ xác định thứ tự ưu tiên

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020;

- Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30/5/2014 của Quốc hội điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII năm 2014 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2015;

- Nghị quyết số 45/2013/QH13 ngày 18/6/2013 của Quốc hội điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII năm 2013 và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2014;

- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

- Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016;

- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020;

- Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020;
- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020;
- Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020.
- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;
- Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan;
- Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác thống kê bộ, ngành và Quyết định số 3036/QĐ-BTC ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Tài chính thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

8.3. Các giải pháp ưu tiên giai đoạn 2015 - 2017

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; Đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính; đơn giản hóa và công khai hóa quy trình, thủ tục hành chính theo hướng bình đẳng, minh bạch, khả thi, phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của Việt Nam và tiến trình hội nhập quốc tế.

Hai là, triển khai phương thức quản lý thuế, hải quan hiện đại; cải cách thủ tục hành chính để giảm chi phí tuân thủ pháp luật thuế, hải quan. Phát triển dịch vụ tư vấn thuế, đại lý hải quan theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.

Ba là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin chính sách đảm bảo tiếp cận thông tin đến các đối tượng vùng sâu, vùng xa, người nghèo, phụ nữ và dân tộc thiểu số. Hình thành hệ thống thu nhận thông tin phản hồi về các chính sách, cơ chế tài chính từ người dân và doanh nghiệp.

Bốn là, xây dựng hệ thống thông tin quản lý tài chính chính phủ và kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính nhằm cung cấp thông tin một cách đầy đủ và toàn diện để Bộ Tài chính, Chính phủ có thể đối chiếu, tổng hợp, đánh giá, giám sát và báo cáo các thông tin dữ liệu liên quan đến tài chính công của quốc gia một cách hiệu lực và hiệu quả.

Năm là, thiết lập cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, đảm bảo công tác điều hành giá cũng như thông tin công khai, minh bạch về giá cho người dân và doanh nghiệp.

8.4. Các đề án thực hiện giai đoạn 2015 - 2017

- Đề án 1: Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính.

Hoạt động của Đề án: Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Đề án 2: Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính.

Hoạt động của Đề án: Tổ chức công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính.

- Đề án 3: Xây dựng hệ thống thông tin quản lý tài chính chính phủ.

Hoạt động của Đề án: (i) Chuẩn bị đầu tư (giai đoạn trước khi triển khai); (ii) Thực hiện đầu tư (giai đoạn triển khai); (iii) Kết thúc đầu tư, đưa hệ thống vào sử dụng (giai đoạn sau khi triển khai).

- Đề án 4: Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

Hoạt động của Đề án: (i) Phát triển khung kiến trúc tác nghiệp, ứng dụng thông tin và hạ tầng cho ngành Tài chính; (ii) Phát triển khung giám sát, quản lý CNTT&TT ngành Tài chính; (iii) Đào tạo kỹ năng ứng dụng, nâng cao năng lực quản lý chiến lược và quản trị CNTT&TT ngành Tài chính.

- Đề án 5: Thiết lập cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Hoạt động của Đề án: (i) Áp dụng thí điểm phương án được thông qua tại một số đơn vị, địa phương; (ii) Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; (iii) Ban hành thông tư quy định về cơ sở dữ liệu giá và chế độ báo cáo giá hàng hóa, dịch vụ và tài sản.

- Đề án 6: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN.

Hoạt động của Đề án: (i) Nâng cấp, xây dựng phần mềm để cập nhật TSNN là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; (ii) Xây dựng dữ liệu đối với một số loại TSNN còn lại để kết nối vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN.

8.5. Trách nhiệm thực hiện

- Đề án 1 và 2: Vụ PC chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan.

- Đề án 3 và 4: Cục TH&TKTC chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan.

- Đề án 5: Cục QLGS chủ trì, phối hợp với Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương.

- Đề án 6: Cục QLCS chủ trì, phối hợp với Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương.

8.6. Yêu cầu nguồn lực

- Chi phí: (1) Chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế; (2) Hội nghị, hội thảo; (3) Điều tra, khảo sát (trong nước và quốc tế); (4) Đào tạo, bồi dưỡng (trong nước và quốc tế); (5) Hỗ trợ kỹ thuật/phần mềm ứng dụng.

- Nguồn lực: (1) Nguồn nhân lực: Cán bộ các đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các chuyên gia tư vấn; (2) Nguồn lực tài chính: NSNN và tài trợ nước ngoài.

8.7. Các đề án dự kiến triển khai sau năm 2017

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài chính quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tiếp tục đánh giá 2 năm triển khai áp dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.
- Tiếp tục xây dựng dữ liệu đối với một số loại TSNN còn lại để kết nối vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN.
- Nâng cấp trang thông tin điện tử về TSNN.

III. ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2020 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Việc triển khai đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược Tài chính giai đoạn 2011 - 2015 là một trong những nội dung quan trọng của Tài liệu MTAP, phù hợp với yêu cầu đánh giá, tổng kết định kỳ 5 năm của mỗi chiến lược, đồng thời thực hiện theo đúng yêu cầu đặt ra của Quyết định số 224/QĐ-BTC là định kỳ 5 năm tổng kết việc thực hiện Chương trình hành động theo từng giai đoạn 5 năm (2011 - 2015 và 2016 - 2020) gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ tài chính - ngân sách đặt ra cho từng giai đoạn. Trên cơ sở đó, Tài liệu MTAP sẽ tập trung vào 3 đề án lớn, bao gồm:

Một là, “Xây dựng Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 - 2020”, trong đó thực hiện: (i) Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2011 - 2015, xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tài chính - ngân sách giai đoạn 2016 - 2020; (ii) Hoàn thiện Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 - 2020. Đề án này sẽ do Vụ NSNN chủ trì, phối hợp với Vụ ĐT, Cục TCDN, Cục KHTC, Vụ HCSN và các đơn vị liên quan.

Hai là, “Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 - 2020” do Viện CL&CSTC chủ trì, phối hợp với Vụ NSNN, Vụ ĐT, Cục TCDN, Cục KHTC, Vụ TCNH, UBCKNN, Cục QLGSBH, Vụ CST, TCT, TCHQ, TCĐTNN và các đơn vị liên quan. Nhiệm vụ này đã được quy định tại Quyết định số 224/QĐ-BTC, đồng thời có ý nghĩa quan trọng gắn kết giữa đánh giá thực hiện kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 và 3 trọng tâm tái cơ cấu nền kinh tế là tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu hệ thống tài chính - ngân hàng và tái cơ cấu DNNN.

Ba là, “Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020” do Vụ PC chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan. Đây là một trong những đề án quan trọng để phục vụ Quốc hội khóa XIV. Trong đó, thực hiện khảo sát, đánh giá hệ thống pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2011 - 2015 để đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo việc triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 đạt hiệu quả cao.

Phần thứ ba

**TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ
GIÁM SÁT TÀI LIỆU MTAP
GIAI ĐOẠN 2015 - 2017**

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2015 - 2017

Để đảm bảo việc theo dõi và cập nhật tiến độ cũng như giám sát quá trình thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020, tương tự Tài liệu MTAP tại Quyết định số 304/QĐ-BTC, MTAP 2015 - 2017 sẽ được theo dõi và cập nhật phù hợp và đồng bộ với hệ thống theo dõi và thực hiện các hoạt động của Bộ Tài chính và Chương trình hành động của ngành Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 thông qua Nhóm điều phối cải cách, theo đó:

1. Phương thức hoạt động

- Định kỳ hàng năm, gắn với Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động (theo Quyết định số 224/QĐ-BTC), tiến hành cập nhật, bổ sung các đề án/hoạt động của Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017.

Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 cập nhật, bổ sung các đề án/hoạt động mới, cũng như điều chỉnh các đề án/hoạt động trong Tài liệu MTAP nhằm đảm bảo sự phù hợp với bối cảnh, hoàn cảnh cũng như các yêu cầu đặt ra của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính cũng như các Bộ, ngành có liên quan. Số liệu/chỉ tiêu kết quả và đầu ra hàng năm cũng sẽ được cập nhật.

2. Nâng cao năng lực về tổ chức, theo dõi và giám sát quá trình thực hiện Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017

Để đảm bảo quá trình triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020, trọng tâm là các kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2015 - 2017 đạt được hiệu quả cao, cần tiếp tục nâng cao năng lực cho Nhóm điều phối cải cách về tổ chức, theo dõi và giám sát quá trình thực hiện Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017, bao gồm: Năng lực xây dựng và lập kế hoạch; năng lực phân tích, dự báo; năng lực rà soát và lồng ghép giới trong quá trình thực hiện đề án; năng lực điều phối và triển khai trong quá trình thực hiện; năng lực giám sát, đánh giá quá trình thực hiện Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017.

3. Các bảng giám sát việc thực hiện Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017

3.1. Khung dự tính kết quả đầu ra của quá trình thực hiện Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 (Bảng 1)

Khung dự tính kết quả đầu ra của Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 sẽ cập nhật các kết quả đạt được qua các năm giúp các đơn vị của Bộ, Lãnh đạo Bộ cũng như các nhà tài trợ có thể theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính qua các năm và có cơ sở tham chiếu với mục tiêu của Chiến lược. Cụ thể:

- Đối với các kết quả đạt được qua các năm được cập nhật theo Báo cáo của các đơn vị liên quan trong Bộ Tài chính (Cục TCDN, TCT, Cục QLN&TCĐN, KBNN, TCT, TCHQ, UBCKNN,...); các báo cáo được trình ra Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các trang thông tin có liên quan.

- Đối với các chỉ tiêu mục tiêu:

+ Các chỉ tiêu tỷ trọng đầu tư toàn xã hội, tỷ trọng thu NSNN, dự trữ quốc gia trên GDP,... được cập nhật theo mục tiêu của Chiến lược Tài chính đến năm 2020 tại Quyết định số 450/QĐ-TTg và số liệu đã được tính toán trước đó tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, Chiến lược Tài chính đến năm 2020, các Chiến lược ngành và Báo cáo Chỉ tiêu công và trách nhiệm giải trình (PEFA).

+ Chỉ tiêu về cải cách hành chính thuế và hải quan, trình Bộ cập nhật theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016.

3.2. Bảng Chi tiết hoá và theo dõi thực hiện Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 (Bảng 2)

Bảng Chi tiết hoá và theo dõi thực hiện MTAP 2015 - 2017 là một phần rất quan trọng của Tài liệu MTAP và có thể xem là “Khung theo dõi quá trình triển khai Chiến lược Tài chính đến năm 2020”.

Bảng Chi tiết hoá và theo dõi thực hiện MTAP 2015 - 2017 sẽ giúp Bộ Tài chính theo dõi, đánh giá và giám sát việc triển khai thực hiện Chiến lược của từng đơn vị trong Bộ, đồng thời là căn cứ xác định và huy động nguồn lực cho việc thực hiện các nhiệm vụ để đạt được các mục tiêu của Chiến lược đã đề ra. Bảng Chi tiết hoá và theo dõi thực hiện MTAP 2015 - 2017 là một quá trình liên tục với phản hồi, giám sát và hiệu chỉnh thường xuyên khi các điều kiện và yêu cầu thay đổi.

3.3. Ước tính nguồn lực và chi phí thực hiện (Bảng 3)

Tương tự MTAP 2014 - 2016, để tính toán nguồn lực thực hiện đề án, Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 thực hiện phân nhóm nguồn lực thành 2 nguồn: Nguồn lực trong nước và nguồn lực từ bên ngoài.

Việc phân nhóm nguồn lực như vậy nhằm hình thành cơ sở để các nhà tài trợ xác định, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ tài chính theo một khuôn khổ đồng bộ và nhất

quán. Qua đó, góp phần huy động tốt nhất các nguồn lực trong và ngoài nước, phục vụ kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ triển khai Chiến lược Tài chính đến năm 2020.

Đối với việc xác định nguồn lực, cần đảm bảo nguyên tắc “huy động toàn bộ nguồn lực của các đơn vị chủ trì và tham gia thực hiện đề án”. Đồng thời, căn cứ vào thực tế triển khai của các dự án, đề án trong phê duyệt kinh phí từ nguồn NSNN của Bộ Tài chính và hỗ trợ của các tổ chức quốc tế (WB, ADB, EU, IMF, JICA,...).

Về cơ bản, các yêu cầu về hỗ trợ nguồn lực từ bên ngoài trong quá trình triển khai các đề án, hoạt động trong giai đoạn 2014 - 2016 chủ yếu tập trung vào: (i) Hỗ trợ triển khai các cuộc hội thảo, tọa đàm và khảo sát; (ii) Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ ngành Tài chính trong quá trình xây dựng và triển khai các đề án, hoạt động; (iii) Hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng các mô hình phân tích, đánh giá tác động; (iv) Hỗ trợ phần mềm liên quan đến một số đề án về hoàn thiện cơ sở dữ liệu của ngành và quốc gia. Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 cũng cập nhật tình hình tài trợ của các tổ chức quốc tế đối với những hoạt động, đề án đã và đang nhận được sự tài trợ của các tổ chức này (Phụ lục I).

Tuy nhiên, việc xác định nguồn lực cần phải tính đến các yếu tố đầu vào và bối cảnh xác định nguồn lực để đảm bảo các nguồn lực phải được điều chỉnh một cách liên tục và phù hợp với mỗi đề án, mỗi giai đoạn của đề án. Đồng thời, cũng cần phải có sự rà soát nguồn lực để tránh sự trùng lặp và đảm bảo sử dụng hiệu quả và hợp lý nhất các nguồn lực sẵn có.

3.4. Khung quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 (Bảng 4)

Khung quản lý rủi ro được rà soát cập nhật trên cơ sở MTAP 2014 - 2016 nhằm dự kiến trước một số thách thức lớn sẽ/có thể xảy ra và chuẩn bị các biện pháp hành động để đối phó, đồng thời xác định chủ thể chịu trách nhiệm thực hiện việc đối phó với các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động/đề án trong giai đoạn 2015 - 2017. Rủi ro có thể gặp phải trong quá trình thực hiện và triển khai đề án của Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017, bao gồm:

(1) *Rủi ro về nguồn lực tài chính*: Là rủi ro có thể gặp phải trong quá trình thực hiện khi không đủ kinh phí để thực hiện đề án, có thể do NSNN chưa bố trí đủ hoặc do chưa kêu gọi được sự hỗ trợ từ bên ngoài. Giải pháp để hạn chế rủi ro này là: *Đối với NSNN*, cần có sự rà soát và cập nhật để đảm bảo các đề án được bố trí, hỗ trợ nguồn lực một cách kịp thời trong quá trình thực hiện. *Đối với nguồn lực bên ngoài*, việc huy động các nguồn lực bên ngoài cần cân đối với các đề án và các hoạt động của đề án nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất của các nguồn lực này;

(2) *Rủi ro về nguồn nhân lực, bao gồm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực*: Nhiều đề án trong quá trình triển khai có thể không thực hiện được hoặc việc thực hiện không đảm bảo hiệu quả do hạn chế về nguồn nhân lực. Để hạn chế rủi ro này: (i) Về phía cán bộ tham gia đề án, cần chủ động học hỏi, trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ. Bên cạnh đó, các đơn vị cần tăng cường đào tạo nâng cao cán bộ có trình độ, kinh nghiệm. Đồng thời, có biện pháp động viên, khuyến khích tinh thần và vật chất phù hợp đối với các cán bộ làm công tác nghiên cứu và soạn thảo các văn bản pháp luật; tăng cường vai trò và

chức năng của lãnh đạo các cấp trong vấn đề bố trí nguồn nhân lực, phân công đầu mỗi đảm nhiệm các công việc của đề án và của mỗi hoạt động; (ii) Về nguồn nhân lực bên ngoài, tăng cường sử dụng các cơ chế tư vấn, các chuyên gia trong và ngoài nước; nâng cao vai trò và sự tham gia của cá nhân và cộng đồng xã hội trong việc thực hiện đề án; tận dụng tốt nhất các ý kiến đóng góp của cá nhân và cộng đồng. Điều này cũng đòi hỏi trách nhiệm của cá nhân và cộng đồng trong việc tham gia ý kiến để đảm bảo tính hiệu quả và thực tiễn đối với mỗi vấn đề của từng đề án cụ thể;

(3) *Rủi ro do không nhận được sự đồng thuận của các bên có liên quan hoặc mâu thuẫn về lợi ích*: Rủi ro này thường xảy ra đối với những đề án có tính nhạy cảm cao (ví dụ Luật đất đai, Thuế BĐS,...) hoặc có tác động đến lợi ích của các đối tượng có liên quan. Giải pháp để hạn chế rủi ro này là: (i) Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất phù hợp; (ii) Tiến hành phân tích tác động của các đề án đến các nhóm lợi ích khác nhau, xác định nhóm ưu tiên cụ thể, đồng thời đề ra phương án thực hiện phù hợp thực tiễn; (iii) Trong quá trình xây dựng cần tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan,...

(4) *Rủi ro trong quá trình phối hợp thực hiện giữa các đơn vị liên quan*: Việc thiếu sự phối hợp, chia sẻ thông tin có thể dẫn đến đề án/chính sách ban hành ra hoặc không có căn cứ thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả, thậm chí không triển khai được. Để hạn chế rủi ro này cần: (i) Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan; (ii) Nâng cao vị thế và tinh thần trách nhiệm của cơ quan điều phối; (iii) Đồng thời, quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị chủ trì và các đơn vị liên quan;

(5) *Rủi ro do số liệu thiếu tính tin cậy và không đầy đủ*: Việc đánh giá tổng kết đề án, đặc biệt là đánh giá tác động của đề án sẽ không hiệu quả và chính xác nếu các thông tin, số liệu đầu vào cho quá trình tổng kết đánh giá không đảm bảo chất lượng và thiếu tính tin cậy. Bên cạnh đó, chất lượng nguồn nhân lực thực hiện đánh giá, tổng kết cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện đánh giá, tổng kết đề án. Để hạn chế rủi ro này: (i) Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; (ii) Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; (iii) Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu; (iv) Áp dụng phương pháp thu thập và xử lý số liệu tiên tiến, phù hợp với thực tiễn; (v) Nâng cao và tăng cường đào tạo cán bộ trong công tác phân tích, dự báo và xử lý số liệu;

(6) *Rủi ro do đề án được ban hành không phù hợp với bối cảnh kinh tế hoặc thiếu hiệu lực pháp lý*: Một số đề án khi xây dựng xong có thể không triển khai được do tác động của các yếu tố từ bên ngoài như thay đổi về điều kiện kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, có thể việc ban hành đề án không đảm bảo tính đồng bộ với các đề án khác. Để hạn chế rủi ro này, cần: (i) Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế; (ii) Có cơ chế đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng sau khi văn bản pháp luật được ban hành; (iii) Tiến hành rà soát, xin ý kiến của các đơn vị liên quan tránh trùng lặp, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật,...

Bên cạnh đó, còn có những rủi ro đặc thù đối với từng đề án/hoạt động cụ thể (Bảng 4, Phần IV).

3.5. Các đề án triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 (theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và rà soát bổ sung mới) (Bảng 5)

Bảng này tập hợp: (i) 29 đề án đã hoàn thành trong giai đoạn 2011 - 2015; (ii) 05 đề án đã và đang phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan (Bộ Y tế, Bộ GDĐT, Bộ KH-CN, Bộ KHĐT); 32 Đề án sẽ triển khai trong giai đoạn 2018 - 2020 và 45 đề án được ưu tiên triển khai trong giai đoạn 2015 - 2017.

¹ Chưa loại trừ các yếu tố tăng/giảm do thực hiện chính sách.

² Chỉ số giá (CPI) tháng 12/2014 tăng 1,84% so với cùng kỳ năm 2013. CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013, mức tăng khá thấp trong 10 năm trở lại đây.

³ Theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020: Đến năm 2015 tối thiểu có: 60% doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ thuế điện tử; 50% doanh nghiệp đăng ký thuế, khai thuế qua mạng internet; 70% số người nộp thuế hài lòng với các dịch vụ mà cơ quan thuế cung cấp; tỷ lệ tờ khai thuế đã nộp trên tổng số tờ khai thuế phải nộp tối thiểu là 90%; tỷ lệ tờ khai thuế đúng hạn đạt tối thiểu là 85%; tỷ lệ tờ khai thuế được kiểm tra tự động qua phần mềm ứng dụng của cơ quan thuế đạt tối thiểu là 95%. Đến năm 2020 tối thiểu có: 90% doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ thuế điện tử; 65% doanh nghiệp đăng ký thuế, khai thuế qua mạng internet; 80% số người nộp thuế hài lòng với các dịch vụ mà cơ quan thuế cung cấp; tỷ lệ tờ khai thuế đã nộp trên tổng số tờ khai thuế phải nộp tối thiểu là 95%; tỷ lệ tờ khai thuế đúng hạn đạt tối thiểu là 95%; tỷ lệ tờ khai thuế được kiểm tra tự động qua phần mềm ứng dụng của cơ quan thuế là 100%.

⁴ Theo Chiến lược phát triển hải quan đến năm 2020: Đến năm 2015, có 100% cục hải quan tại các địa bàn trọng điểm (cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ quốc tế, các khu kinh tế trọng điểm), 60% các loại hình hải quan cơ bản, 70% kim ngạch xuất nhập khẩu, 60% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử. Đến 2020 có 100% các cục hải quan, 100% các chi cục hải quan, 100% các loại hình hải quan cơ bản, 90% kim ngạch xuất nhập khẩu, 80% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

⁵ (i) Các nghị quyết: Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21/8/2006 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;...

(ii) Các kết luận và thông báo: Kết luận số 50/KL-TW ngày 29/10/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đề án “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”; Kết luận số 63/KL-TW ngày 27/5/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và định hướng cải cách đến năm 2020; Kết luận số 37-KL/TW ngày 26/5/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công; Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả của công ty nông, lâm nghiệp; Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”;...

(iii) Các quyết định, chỉ thị: Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 về phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020; Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013 - 2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020; Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015”; Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2014 về việc đẩy mạnh tái cơ cấu DNNN; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 5/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư trung hạn 2016 - 2020; Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 5/8/2014 về tăng cường quản lý cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác thống kê bộ, ngành...

Phần thứ tư

CHI TIẾT HÓA VÀ THEO DÕI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP (CÁC BẢNG TÀI LIỆU MTAP)

Như đã đề cập ở phần thứ ba, Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017 gồm có 5 Bảng chi tiết hóa và theo dõi thực hiện, bao gồm: (1) Khung dự tính kết quả đầu ra quá trình thực hiện Tài liệu MTAP giai đoạn 2015 - 2017; (2) Chi tiết hóa và theo dõi thực hiện; (3) Ước tính nguồn lực và chi phí thực hiện; (4) Khung quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện; (5) Các đề án triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 (theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và rà soát bổ sung mới).

CHI TIẾT HÓA VÀ THEO DÕI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP (CÁC BẢNG TÀI LIỆU MTAP)

BẢNG 1. KHUNG DỰ TÍNH KẾT QUẢ ĐẦU RA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2015 - 2017 THEO CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHIẾN LƯỢC NGÀNH ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu	
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015	Mục tiêu 2016 - 2020	Mục tiêu
I. Mục tiêu tổng quát								
		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, đảm bảo giữ vững an ninh tài chính, ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính tiền tệ, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội trong đó có bình đẳng giới - Huy động, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng - Cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện - Đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực của công tác quản lý, giám sát tài chính 					Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012 về việc phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu		
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015	Mục tiêu 2016 - 2020	2011 - 2014	Mục tiêu
II. Mục tiêu cho các nhóm giải pháp									
II.1	Xử lý tốt mối quan hệ giữa tiết kiệm và đầu tư	- Khuyến khích đầu tư phát triển						Chiến lược Tài chính đến năm 2020	
		- Thu hút nguồn lực để đầu tư cho cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội						TCTK 2011, 2012, 2013; Năm 2014: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2014 và nhiệm vụ năm 2015 tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa VIII (ngày 20/10/2014)	Chiến lược Tài chính đến năm 2020
	Tỷ trọng đầu tư toàn xã hội/GDP	33,26%	31,12%	30,44%	31,00%	33,5 - 35% (năm 2015 theo Nghị quyết số 77/2014/QH13 là 30 - 32%)			Chiến lược Tài chính đến năm 2020
II.2	Đảm bảo an toàn tài chính quốc gia	- Giảm dần tỷ lệ bội chi ngân sách						Chiến lược Tài chính đến năm 2020	
		- Duy trì dự nợ chính phủ và nợ quốc gia trong giới hạn an toàn							Chiến lược Tài chính đến năm 2020
	Bội chi NSNN/GDP	4,4%	5,36%	5,5% (Ước lần 2)	5,30% (Ước lần 1)	< 4,5% (2015) (theo Nghị quyết số 78/2014/QH13 là 5% GDP)		Số liệu công khai NSNN, Bộ Tài chính	Chiến lược Tài chính đến năm 2020
	Nợ công so với GDP (bao gồm nợ chính)	50%	50,8%	54,2%	59,3%	≤ 65% (2015)	≤ 65% (2020)	Bộ Tài chính	2015: Chương trình quản lý nợ trung hạn

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra						Nguồn số liệu	
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu		2011 - 2014	Mục tiêu
						2011 - 2015	2016 - 2020		
	phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương)								2013 - 2015; 2016 - 2020; Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
	Dư nợ nước ngoài quốc gia/GDP	41,5%	42%	37,30%	39,90%	≤ 50% (2015)	≤ 50% (2020)		
	Dư nợ chính phủ /GDP	39,3%	39,4%	42,30%	47,1%	≤ 50% (2015)	≤ 55% (2020)		
	Tổng mức dự trữ nhà nước/GDP	0,33%	0,28%	0,24%	0,23%	0,8 - 1% (2015)	1,5% (2020)		Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020
	Cơ cấu dư nợ nước ngoài của Chính phủ trong tổng số dư nợ của Chính phủ	33,43%	31,41%	27,13%	23,14%	-	≤ 50% (2020)		Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
	Cơ cấu dư nợ vay ODA so với tổng dư nợ nước ngoài của Chính phủ	84,4%	85,1%	83,3%	81,9%	-	≥ 60% (2020)		

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra						Nguồn số liệu	
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu		2011 - 2014	Mục tiêu
						2011 - 2015	2016 - 2020		
		Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ (Không kể cho vay lại) so với tổng thu NSNN hàng năm	15,6%	14,6%	15,2%	14,2%	≤ 25%		
		Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm so với giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	36%	20,8%	23,1%	25,90%	≤ 25%	Bộ Tài chính	
		Tỷ lệ dự trữ ngoại hối nhà nước so với tổng dư nợ nước ngoài ngắn hạn hàng năm	209%	438%	299%	357%	> 200%		
II.3	Phát triển đồng bộ thị trường, dịch vụ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Tái cấu trúc thị trường tài chính - Phát triển thị trường trái phiếu - Hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với thị trường tài chính và dịch vụ tài chính - Phát triển bộ máy giám sát tài chính 						Chiến lược Tài chính đến năm 2020	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra							Nguồn số liệu	
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu		2011 - 2014	Mục tiêu	
						2011 - 2015	2016 - 2020			
	Tuân thủ các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành	29%	39%	42,30%	46%	50%	100%		Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020	
	Thời hạn vay qua phát hành trái phiếu chính phủ trong nước	3,91 năm	2,92 năm	3,21 năm	4,84 năm	4 - 6 năm	6 - 8 năm		Bộ Tài chính	
	Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu/GDP	19,34%	23,57%	26,48%	31%	50%	70%		Chiến lược Tài chính đến năm 2020	
	Dư nợ thị trường trái phiếu/GDP	11,87%	13,32%	17,02%	21,77%	-	30% ¹		Theo Chiến lược Tài chính đến năm 2020, mục tiêu về dư nợ thị trường trái phiếu/GDP	

¹ Theo Quyết định 261/QĐ-BTC ngày 01/02/2013 là 38%.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra							Nguồn số liệu	
							Mục tiêu		2011 - 2014	Mục tiêu
		2011	2012	2013	2014	2011 - 2015	2016 - 2020			
	Tổng doanh thu ngành Bảo hiểm/GDP	1,85%	1,94%	2,28%	2,44%	2 - 3%	3 - 4%			Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020
	Quy mô các quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm (đồng)	61.878 tỷ	69.011 tỷ	79.289 tỷ	97.099 tỷ	Tăng 2 lần so với năm 2010	Tăng 4,5 lần so với năm 2010		Bộ Tài chính	
	Tổng vốn huy động của các doanh nghiệp bảo hiểm (đồng)	83.439 tỷ	89.567 tỷ	113.682 tỷ	128.938 tỷ	Tăng 1,7 lần so với năm 2010	Tăng 3,5 lần so với năm 2010, tương đương 3% - 4% GDP			
	- Tiếp tục thực hiện cải cách hệ thống thuế, phí - Đổi mới chính sách thu đối với đất đai, tài nguyên									
II.4	Đạt mức độ huy động ngân sách hợp lý	Tỷ lệ huy động thu NSNN/GDP	28,5%	22,6%	22,9% (Ước lần 2)	21,6% (Ước lần 1)	23 - 24%	-		Bộ Tài chính
		Tổng thu NSNN từ thuế và phí/GDP	24,9%	19,9%	20,70% (Ước lần 2)	19,7% (Ước lần 1)	22 - 23%	21 - 22%		
		Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô) trong tổng thu NSNN	61,5%	64,9%	68,50% (Ước lần 2)	67,5% (Ước lần 1)	> 70% (2015)	> 80% (2020)		

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu			
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu		2011 - 2014	Mục tiêu	
						2011 - 2015	2016 - 2020			
		Phát hành trái phiếu chính phủ để thực hiện chương trình đầu tư cho các công trình giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục để đáp ứng nhu cầu vốn trái phiếu (đồng)	45 nghìn tỷ	45 nghìn tỷ	60 nghìn tỷ	100 nghìn tỷ	≤ 225 nghìn tỷ, trung bình 45 nghìn tỷ/năm (Chưa bao gồm 170 nghìn tỷ đồng bổ sung cho giai đoạn 2014 - 2016)	≤ 500 nghìn tỷ	Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 65/2013/QH13 ngày 28/11/2013	
II.5	Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính công	<ul style="list-style-type: none"> - Đổi mới cơ cấu chi NSNN theo hướng tái cơ cấu đầu tư công, tăng cường đầu tư phát triển con người, đảm bảo an sinh xã hội và bình đẳng giới - Cải cách cơ chế tài chính đối với lĩnh vực sự nghiệp công: Cơ chế giá dịch vụ; thực hiện cơ chế hoạt động theo mô hình doanh nghiệp và từng bước cổ phần hóa; tăng cường cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm;... - Tái cấu trúc DNNN 							Chiến lược Tài chính đến năm 2020	
II.6	Hoàn thiện thể chế tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành Tài chính - Nâng cao khả năng giám sát đối với khu vực doanh nghiệp, thị trường tài chính - Tăng cường công tác giám sát, quản lý rủi ro và bảo đảm an toàn về nợ quốc gia - Cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hiện đại hóa nền tài chính quốc gia - Tăng cường hội nhập quốc tế về tài chính 							Chiến lược Tài chính đến năm 2020	
		Thực hiện thủ tục hải quan điện tử	55,8% cục hải quan; 78,9% chi cục	61,8% cục hải quan; 91,23% chi cục	100% cục hải quan, 100% chi cục	100% cục hải quan, 100% chi cục	100% Cục hải quan, 100% Chi cục hải quan trọng điểm	100% Cục hải quan, 100% Chi cục hải quan trọng điểm	Bộ Tài chính	Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra						Nguồn số liệu	
		2011	2012	2013	2014	2011 - 2015	2016 - 2020	2011 - 2014	Mục tiêu
		chi cục hải quan; 96,3% doanh nghiệp	hải quan; 88,67% doanh nghiệp	hải quan, 90% các loại hình hải quan cơ bản, 95% kim ngạch XNK, 96% doanh nghiệp	hải quan, 100% các loại hình hải quan cơ bản, 100% kim ngạch XNK, 100% doanh nghiệp	60% các loại hình hải quan cơ bản 70% kim ngạch XNK	100% các loại hình hải quan cơ bản 90% kim ngạch XNK		
	Tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa	12,62%	11,46%	10,20%	10,12% (455,122 TK), tính từ 01/4 - 31/8 (thực hiện VNACC S) kiểm tra thực tế hàng hóa (Đo)	60% doanh nghiệp	80% doanh nghiệp		
	Tỷ lệ các giấy phép XNK thực hiện trong cơ chế một cửa hải quan quốc gia	Bắt đầu thống kê từ tháng 12/2014			<10%	<7%	50%	90%	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu		
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu		2011 - 2014	Mục tiêu
						2011 - 2015	2016 - 2020		
	Thời gian thông quan hàng hóa	-	-	21 ngày	-	13 ngày với xuất khẩu; 14 ngày với nhập khẩu (2015)	-	Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/03/2015
	Thời gian nộp thuế của doanh nghiệp	-	-	537 giờ/năm	247 giờ/năm	≤ 121,5 giờ/năm (2015)	Thời gian nộp thuế và bảo hiểm bắt buộc ≤ 168 giờ/năm (2016)	Nghị quyết 19/NQ-CP ngày 12/03/2015	Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/03/2015
	Thời gian nộp bảo hiểm xã hội	-	-	335 giờ/năm	235 giờ/năm	≤ 49,5 giờ/năm			
	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử	-	-	-	-	≥ 90% (2015)	-		
	Doanh nghiệp sử dụng dịch vụ thuế điện tử (kể khai thuế qua mạng)	17%	42%	66%	97%	95% (2015) ²	-	Bộ Tài chính	Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/03/2015

² Theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2010, mục tiêu về doanh nghiệp sử dụng dịch vụ thuế điện tử (kể khai thuế qua mạng) giai đoạn 2011 - 2015 là 60%, 2016 - 2020 là 90%.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu		
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu		2011 - 2014	Mục tiêu
						2011 - 2015	2016 - 2020		
	Doanh nghiệp đăng ký thuế qua Internet	Bắt đầu cung cấp dịch vụ này trong năm 2015	-	-	-	Đang thực hiện ³	50%	65%	Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020
	Người nộp thuế hài lòng với dịch vụ do cơ quan thuế cung cấp	-	-	-	Đang thực hiện ³	70%	80%		
	Tờ khai thuế đã nộp/Tổng tờ khai thuế phải nộp	89%	91%	91%	91%	≥ 90%	95%		
	PEFA PI 15 (i) Tỷ lệ % nợ đọng thuế (bao gồm cả các khoản thuế đang có khiếu nại)	6,5%	8,9%	10,1%	10,1%	C	B (Trong điều kiện nợ đọng còn cao (trên 2% tổng số thu hàng năm), đòi hỏi từ 75 - 90% số dư nợ đầu năm phải thu được trong năm)	Bộ Tài chính	PEFA - Tiến trình cải cách của Chính phủ
	Tỷ lệ tờ khai thuế đúng hạn	88%	92%	91%	94%	≥ 85%	95%		Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020
	Tỷ lệ tờ khai thuế được kiểm tra tự động	-	-	-	100%	≥ 95%	100%		

³ Dự kiến có kết quả chính thức trong tháng 5/2015.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015 2016 - 2020	
III. Mục tiêu của các đề án/sáng kiến							
A. CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ							
Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia							
A.1		Đảm bảo mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi nhằm khuyến khích sản xuất, kinh doanh đồng thời tăng thu cho NSNN, thông qua: - Hoàn thiện và đơn giản chính sách ưu đãi thuế TNDN - Phù hợp với thông lệ quốc tế - Thúc đẩy cải cách hành chính và hiện đại hoá công tác quản lý thuế - Giảm thuế suất sẽ khuyến khích mở rộng sản xuất kinh doanh và thành lập doanh nghiệp mới, qua đó tăng thu NSNN					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.1.8	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN	Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện. Thông qua: - Tạo điều kiện thuận lợi nhằm thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, nuôi dưỡng nguồn thu - Phù hợp với thông lệ quốc tế - Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.1.9	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT	Hoàn thiện chế độ quản lý nhà nước về Hải quan và hỗ trợ người nộp thuế, người làm thủ tục hải quan nhằm giảm chi phí thủ tục hành chính, bao gồm: - Triển khai phương thức quản lý hải quan hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế - Hoạt động có hiệu quả, hiệu lực, đáp ứng các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội - Nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan,....					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.1.10	Luật hải quan năm 2014	Sửa đổi bổ sung Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005, thông qua: - Đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Luật quản lý thuế, Luật hải quan và phù hợp với thông lệ quốc tế - Khắc phục hạn chế, bất cập, hỗ trợ tích cực cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế - Đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người nộp thuế					Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.1.11	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu						

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu	
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015	Mục tiêu 2016 - 2020	2011 - 2014
A.1.12	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTDD	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn sản xuất, tiêu dùng của xã hội, điều tiết thu nhập của người tiêu dùng một cách hợp lý - Tăng cường quản lý sản xuất, kinh doanh đối với một số hàng hoá và dịch vụ. Thuế suất cao áp dụng đối với nhiều mặt hàng như thuốc lá, rượu, bia, ô tô du lịch, kinh doanh vũ trường,... Không chỉ nhằm mục tiêu động viên nguồn thu cho NSNN mà còn thực hiện vai trò định hướng tiêu dùng 						Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.1.13	Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo các mục tiêu: Công bằng, hợp lý, đơn giản, minh bạch,.... - Phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam 						Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.1.14	Sửa đổi các quy định thuế từ khai thác tài nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ và khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với các quy định của Luật đầu tư, Luật tài nguyên nước, Luật khoáng sản, Luật bảo vệ và phát triển rừng,.... - Đảm bảo cân bằng sinh thái và bảo vệ môi trường - Đồng thời nuôi dưỡng nguồn thu cho NSNN, tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển bền vững 						Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013; Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/04/2011; Nghị quyết số 535/NQ-UBTVQH13 ngày 12/10/2012
A.1.15	Luật phí, lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước là đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công, nhưng vẫn phải đảm bảo công bằng xã hội và chú trọng đến lợi ích của các nhóm đối tượng như người nghèo, phụ nữ, dân tộc thiểu số,.... - Phân định rõ hơn theo bản chất của các khoản phí, lệ phí và gắn với tính chất hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp - Phù hợp với thông lệ quốc tế - Tăng cường phân cấp cho các địa phương trong quản lý nguồn thu phí và lệ phí - Nâng cao vai trò quản lý và thẩm quyền của các cơ quan có liên quan 						Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu	
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015	Mục tiêu 2016 - 2020	2011 - 2014
A.1.16	Xây dựng chính sách động viên từ đất đai	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo ổn định và phát triển nguồn thu NSNN - Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với người sử dụng đất; khuyến khích đầu tư, thông qua chính sách: (i) Thu tiền sử dụng đất; (ii) Thu tiền thuê đất hợp lý 						
A.1.17	Xây dựng Luật thuế BDS	<ul style="list-style-type: none"> - Có chính sách, mức thu hợp lý để nuôi dưỡng nguồn thu - Khuyến khích sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm; đối tượng chịu thuế bao gồm cả đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Hạn chế tính trạng đầu cơ BDS, giúp thị trường BDS minh bạch và người dân sẽ dễ dàng tiếp cận với các loại hình BDS hơn 						Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.1.18	Đề án tổng kết, đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo mục tiêu công bằng, hợp lý, đơn giản, minh bạch,.... - Phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam 						Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012
A.1.19	Đề án tổng kết, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật thuế bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo các mục tiêu: Xây dựng môi trường xanh, sạch - Phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam 						Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012
A.1.20	Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số Điều tại các Luật về thuế	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ phục hồi đa tăng trưởng trong thời gian tới - Thực hiện những chính sách hỗ trợ đối với nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế, hải quan 						
A.2	Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia							
A.2.12	Luật NSNN (sửa đổi)	<ul style="list-style-type: none"> - Khắc phục được những tồn tại cơ bản của Luật hiện hành, để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý NSNN, tạo động lực phát triển các nguồn lực, phân bổ ngân sách tập trung, hợp lý, đảm bảo công bằng, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước; ổn định và phát triển nền tài chính quốc gia, tăng trưởng kinh tế bền vững, thực hiện xóa đói giảm nghèo và đảm bảo bình đẳng giới 						Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu		
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015	Mục tiêu 2016 - 2020	2011 - 2014	Mục tiêu
		<p>- Làm rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của các bộ, ngành trung ương, HĐND, UBND các cấp và đơn vị sử dụng ngân sách trong lĩnh vực NSNN</p> <p>- Đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự điều tiết của Nhà nước và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>- Từng bước đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được NSNN cấp kinh phí</p>							
		PEFA PI - 1 Thực chi so với dự toán ngân sách gốc được phê duyệt					B (Thực chi chênh lệch một khoản tương đương trên 10% so với ngân sách chi tiêu, trong không quá 01 năm của 3 năm gần đây).	PEFA - Báo cáo đánh giá 2012	Mục 2.2 (Điểm 4) và PEFA 2012 (Tiến trình cải cách của Chính phủ)
		PEFA PI - 12 (i) Dự báo ngân sách và phân bổ ngân sách trung hạn					D	PEFA - Báo cáo đánh giá 2012	- Mục 2.2 (Điểm 3) và PEFA 2012 (Tiến trình cải cách của Chính phủ) - Dự thảo Luật NSNN sửa đổi có quy định về lập Kế hoạch tài chính - NSNN 5 năm được sử dụng

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra						Nguồn số liệu	
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015	Mục tiêu 2016 - 2020	2011 - 2014	Mục tiêu
									làm cơ sở để xây dựng dự toán NSNN hàng năm
	PEFA PI - 12 (iii) Chiến lược ngành và nhu cầu chi đầu tư và thường xuyên trong trung hạn								Mục 2.2 (Điểm 3 và 4)
	PEFA PI - 25 (ii) Mức độ kịp thời trong nộp báo cáo tài chính					C		PEFA - Báo cáo đánh giá 2012	
								PEFA - Báo cáo đánh giá 2012	Dự thảo Luật NSNN sửa đổi
									Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.2.13	Cải cách quản lý Ngân quỹ nhà nước	Đổi mới công tác quản lý ngân quỹ nhà nước trên cơ sở hoàn thiện khung khổ pháp lý với mục tiêu đảm bảo an toàn và hiệu quả, gắn quản lý ngân quỹ với quản lý nợ							
	PEFA PI - 16 (i) Mức độ dự báo và giám sát dòng tiền							PEFA - Báo cáo đánh giá 2012	PEFA 2012 (Tiến trình cải cách của Chính phủ)
						B ⁺			A (nâng cao tính kịp thời và mức độ chính xác trong dự báo dòng tiền ra - vào).

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu			
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu				
						2011 - 2015	2016 - 2020			
	PEFA PI - 17 (ii) Mức độ tổng hợp số dư tồn ngân của Chính phủ					A	A	PEFA - Báo cáo đánh giá 2012	Hệ thống tài khoản duy nhất TSA	
A.2.14	Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng TSNN	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác, sử dụng và quản lý có hiệu quả tài sản quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phát triển bền vững - Tất cả các TSNN đều được quản lý bằng pháp luật - Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức, sử dụng TSNN; triển khai cơ chế mua sắm TSNN theo phương thức tập trung trên phạm vi cả nước - Đổi mới cơ chế quản lý TSNN tại đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tách bạch phân cấp quản lý TSNN giữa khu vực hành chính và khu vực sự nghiệp; Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công 							Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013	
A.2.15	Mô hình Tổng kế toán nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng hệ thống kế toán nhà nước thống nhất, trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin hiện đại, đảm bảo yêu cầu quản lý ngân sách và tài chính công nhằm ghi nhận, tổng hợp và trình bày hệ thống thông tin tài chính nhà nước dưới hình thức báo cáo tài chính của Chính phủ (chính quyền địa phương), bao gồm đầy đủ các đối tượng KTTN; ... đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ, công khai, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế 							Quyết định 1188/QĐ-BTC ngày 25/4/2014	Chiến lược Phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020
A.2.16	Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật giá	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá đồng bộ chính xác tình hình triển khai thực hiện Luật - Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Luật trong giai đoạn tiếp theo 					B	B (Báo cáo hợp nhất được lập hàng năm, bao gồm các thông tin về thu, chi và tài sản tài chính/nghĩa vụ nợ)	PEFA - Báo cáo đánh giá 2012	

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu	
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015	Mục tiêu 2016 - 2020	2011 - 2014
A.3	Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hoá nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công							
A.3.5	Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cung cấp dịch vụ gắn với nhu cầu của xã hội - Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đối với dịch vụ công cơ bản, ở các địa bàn vùng sâu, đông bào dân tộc ít người, trong đó chú trọng đến các đối tượng là phụ nữ và trẻ em - Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng, đẩy mạnh thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ công 						
A.3.6	Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cung cấp dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác nhưng vẫn có cơ chế nhằm đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội - Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ, đẩy mạnh thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ 						
A.4	Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN							
A.4.6	Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào SXKD	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo lập cơ chế quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nhà nước - Điều chỉnh cơ cấu kinh tế, duy trì vai trò chủ đạo của Nhà nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn - Nâng cao vai trò và trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo toàn và gia tăng giá trị vốn đầu tư của Nhà nước 						Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu		
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015	Mục tiêu 2016 - 2020	2011 - 2014	Mục tiêu
A.4.7	Thí điểm chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành công ty cổ phần								Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.5	Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính								
A.5.12	Phát triển TTCK phái sinh	Ban hành, hoàn thiện khung pháp lý, các văn bản hướng dẫn thi hành phải được xây dựng một cách rõ ràng, chặt chẽ và toàn diện đảm bảo sự ra đời và phát triển của TTCK phái sinh được an toàn, lành mạnh, công bằng và bền vững							Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.5.13	Quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	- Xây dựng khung khổ pháp lý về thành lập và hoạt động của tổ chức định mức tín nhiệm - Từng bước đồng bộ các quy định về định mức tín nhiệm trong các văn bản quy phạm pháp luật, quy định về quản lý Nhà nước khác							Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.5.14	Hình thành và phát triển Chương trình huy trí tự nguyện	- Mở rộng cơ sở nhà đầu tư vốn dài hạn trên thị trường tài chính - Khuyến khích việc hình thành, tổ chức và hoạt động của các công ty định mức tín nhiệm tại Việt Nam							Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 6/12/2012
A.5.15	Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý thị trường chứng khoán	Củng cố vị thế của cơ quan quản lý TTCK, bảo đảm khác phục được sự chậm trễ trong điều hành thị trường, được trao quyền hướng dẫn các hoạt động về chứng khoán, quản lý toàn diện các đối tượng tham gia thị trường							Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.5.16	Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán	- Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung hệ thống Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp; đến năm 2015 hoàn thành việc cập nhật, hoàn thiện 26 chuẩn mực kế toán đã ban hành và đến năm 2020 ban hành bổ sung đầy đủ các chuẩn mực kế toán còn thiếu so với hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế							Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu										
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu		2011 - 2014	Mục tiêu								
						2011 - 2015	2016 - 2020										
		<p>- Cập nhật và hoàn thiện toàn bộ hệ thống chuẩn mực kiểm toán độc lập; nghiên cứu, ban hành bổ sung các chuẩn mực kiểm toán mà Việt Nam chưa ban hành để áp dụng thống nhất, đồng bộ, phù hợp với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế</p> <p>- Nghiên cứu, hướng dẫn áp dụng và xây dựng, ban hành, công bố hệ thống chuẩn mực kế toán công tại Việt Nam trên cơ sở hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế, đảm bảo đồng bộ với cải cách quản lý</p>															
	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kế toán	<p>- Xây dựng Luật, các Nghị định quy định chi tiết đảm bảo phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, đảm bảo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật, phù hợp với thông lệ phổ biến thế giới và các chuẩn mực kế toán quốc tế</p> <p>- Đảm bảo phù hợp với yêu cầu mở cửa, hội nhập với khu vực, thế giới và điều kiện phát triển công nghệ tin học kế toán</p>															
A.5.17		PEFA PI - 25 (iii) Các chuẩn mực kế toán được sử dụng						B	A (Các chuẩn mực kế toán công Việt Nam trên cơ sở Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) phù hợp với thực trạng Việt Nam)	PEFA - Báo cáo đánh giá 2012				Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013			
A.5.19	Luật chứng khoán (sửa đổi)	<p>- Rà soát, tạo lập một mặt bằng pháp lý mới chặt chẽ, minh bạch và phù hợp, đáp ứng yêu cầu hội nhập thị trường tài chính khu vực và thế giới</p> <p>- Giải quyết những vấn đề vướng mắc trong thực tiễn hoạt động của TTCK và thực tế thi hành Luật Chứng khoán, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển thị trường tài chính nói chung và Chiến lược phát triển TTCK Việt Nam đến năm 2020 nói riêng</p>															Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu		
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015	Mục tiêu 2016 - 2020	2011 - 2014	Mục tiêu
A.5.20	Luật kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi)								Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.5.21	Phát triển thị trường trái phiếu								
A.5.22	Hoàn thiện cơ chế chính sách đối với các ngân hàng chính sách								
A.6	Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính								
A.6.2	Kế hoạch hành động cấp nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế								Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.7	Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia								
A.7.6	Triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)								Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu		
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu		2011 - 2014	Mục tiêu
						2011 - 2015	2016 - 2020		
A.7.7	Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính								Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.7.8	Đề án xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ theo dõi, giám sát và đánh giá bền vững nợ công								Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 27/7/2012
A.7.9	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý nợ công								Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.8	Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính								
A.8.7	Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính								Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.8.8	Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính								Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu		
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015	Mục tiêu 2016 - 2020	2011 - 2014	Mục tiêu
A.8.9	Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ - GFMIS	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình và lộ trình triển khai, phát triển Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ (GFMIS) nhằm cung cấp thông tin một cách đầy đủ và toàn diện để Bộ Tài chính, Chính phủ có thể đối chiếu, tổng hợp, đánh giá, giám sát và báo cáo tất cả các thông tin dữ liệu liên quan đến tài chính công của quốc gia một cách hiệu lực và hiệu quả - Trong giai đoạn 2014 - 2016 thực hiện thiết kế và triển khai Mô đun Tổng hợp/tích hợp GFMIS cho phép thu thập và tổng hợp dữ liệu từ các ứng dụng phần mềm khác nhau được sử dụng tại các đơn vị thuộc Bộ Tài chính để lập các Báo cáo và phân tích theo các kịch bản, cung cấp báo cáo và phổ biến thông tin nhằm thiết lập hệ thống thông tin quản lý, tăng cường khai thác hiệu quả các thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, phân tích và dự báo - Mô đun Tổng hợp/tích hợp GFMIS là một hệ thống cơ sở dữ liệu tài chính quốc gia được thiết lập dựa trên nền tảng Tổng kho dữ liệu (Data Warehouse) 							Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.8.10	Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025	<ul style="list-style-type: none"> - Đổi mới cải cách toàn diện công tác quản lý tài chính, triển khai các hệ thống CNTT toàn diện, tập trung, thực hiện tốt Chiến lược Tài chính đến năm 2020 - Nâng cao năng lực của Bộ Tài chính trong công tác quản lý chiến lược, giám sát và quản lý CNTT&TT 							Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
A.8.11	Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đảm bảo tính đồng bộ, cập nhật, phục vụ công tác quản lý điều hành của Nhà nước - Từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, các chính sách quản lý và vận hành phục vụ thu thập, phân tích số liệu về giá 							
A.8.12	Hiện đại hóa công tác quản lý công sản	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN để cập nhật đầy đủ thông tin về loại TSNN - Ứng dụng CNTT và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN trong công tác quản lý tài sản - Công khai, minh bạch thông tin về quản lý, sử dụng TSNN 							

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Một số chỉ tiêu/kết quả đầu ra					Nguồn số liệu	
		2011	2012	2013	2014	Mục tiêu 2011 - 2015	Mục tiêu 2016 - 2020	2011 - 2014
B.	ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2010 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020							
B.1	Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý chi tiêu công, đầu tư công. Đảm bảo NSNN có tính đến an sinh xã hội và yếu tố giới - Đẩy mạnh cải cách thể chế tài chính - Chủ động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tài chính - Tăng cường công khai, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính 						Quyết định số 224/QĐ-BTC ngày 30/01/2013
B.2	Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 - 2015 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo việc thực hiện chiến lược tài chính đến 2020 gắn với 03 trọng tâm tái cấu trúc nền kinh tế là Tái cơ cấu đầu tư công; Tái cơ cấu hệ thống tài chính - ngân hàng; Tái cơ cấu DNNN - Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các đề án, sáng kiến thực hiện chiến lược tài chính giai đoạn 2016 - 2020 - Chú trọng các vấn đề về an sinh xã hội và lồng ghép giới trong quá trình xây dựng, triển khai thực hiện các đề án giai đoạn 2016 - 2020 						Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012
B.3	Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chương trình pháp luật ngành Tài chính phục vụ Quốc hội nhiệm kỳ XIV - Đảm bảo hoàn thiện hệ thống pháp luật để triển khai thực hiện chiến lược tài chính 2016 - 2020 đạt hiệu quả cao - Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong quá trình xây dựng pháp luật nói chung và pháp luật ngành Tài chính nói riêng 						Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012

BẢNG 2. CHI TIẾT HÓA VÀ THEO DÕI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2015 - 2017
(Ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-BTC ngày 17/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc		Đơn vị chịu trách nhiệm		
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Chủ trì	Phối hợp			
A.	CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ											
A.1	Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia											
A.1.8	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội											
A.1.8.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật									2013 - 2017	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Cục KHTC, các đơn vị liên quan
A.1.8.2	Hoạt động 2: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN									Đã hoàn thành	TCT	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.8.3	Hoạt động 3: Ban hành nghị định và thông tư hướng dẫn									Đã hoàn thành	Vụ CST, TCT	TCT, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.8.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật									Đã hoàn thành	TCT	Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.8.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật				- Tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện Luật - Sơ kết, đánh giá thực hiện sau 3 năm - Đề xuất giải pháp			2016 - 2017	TCT	Vụ CST và các đơn vị liên quan
A.1.9	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội									
A.1.9.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật							2013 - 2017	Vụ CST	TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.9.2	Hoạt động 2: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT							Đã hoàn thành	TCT	Vụ CST, TCHQ, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.9.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật							Đã hoàn thành	Vụ CST	TCT, TCHQ, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.9.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật							Đã hoàn thành	Vụ CST, TCT	TCHQ, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.9.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật							2016 - 2017	TCT, TCHQ	Vụ CST, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
Luật Hải quan năm 2014 Luật số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 của Quốc hội										
A.1.10								2013 - 2018	TCHQ	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.10.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật							Đã hoàn thành	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.10.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật hải quan năm 2014							Đã hoàn thành	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.10.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật							Đã hoàn thành	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.10.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật							2014 - 2015	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.10.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật						- Tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện Luật - Sơ kết, đánh giá 3 năm thực hiện Luật	2017 - 2018	TCHQ	Cục KHTC, các đơn vị liên quan
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu										
A.1.11								2015 - 2020	Vụ CST	TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.11.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu						2015	Vụ CST	TCHQ, Vụ PC, TCT, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, bao gồm: + Tờ trình và thuyết minh + Dự thảo Luật sửa đổi + Báo cáo đánh giá tác động + Báo cáo kinh nghiệm quốc tế + Giải trình tiếp thu ý kiến + Thẩm định và trình Quốc hội						2017 - 2020	Vụ CST	Vụ PC, TCHQ, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.11.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật			- Dự thảo (các) nghị định, thông tư hướng dẫn - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website - Gửi thẩm định và trình				2017	Vụ CST TCHQ	Vụ PC, Cục KHHC và các đơn vị liên quan
A.1.11.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật			Tổ chức các chương trình, hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến Luật				2017 - 2018	TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHHC và các đơn vị liên quan
A.1.11.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật							Dự kiến 2019/2020	Vụ CST TCHQ	Vụ PC, Cục KHHC và các đơn vị liên quan
A.1.12	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB Luật số 70/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội							2013 - 2019	Vụ CST	TCHQ, Vụ PC, Cục KHHC và các đơn vị liên quan
A.1.12.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật							Đã hoàn thành	TCT, TCHQ	Vụ CST, Vụ PC, Cục KHHC và các đơn vị liên quan
A.1.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế TTĐB							Đã hoàn thành, trình Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 8	Vụ CST	TCT, TCHQ, Cục KHHC, các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Dự thảo (các) nghị định, thông tư hướng dẫn - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website - Gửi thẩm định và trình						2014 - 2015	Vụ CST, TCT, TCHQ	Vụ PC, Cục KHHC, các đơn vị liên quan
A.1.12.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	- Tổ chức các chương trình, hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến Luật							TCT, TCHQ	Vụ CST, Cục KHHC, các đơn vị liên quan
A.1.12.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật							2018/2019	TCT, TCHQ	Vụ CST, Cục KHHC, các đơn vị liên quan
A.1.13	Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN							2016	TCT	Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.13.1	Hoạt động 1: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật			- Tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện Luật - Sơ kết, đánh giá thực hiện				2016	TCT	Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.13.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo			- Hội thảo - Đề xuất giải pháp - Triển khai thực hiện				2016	Vụ CST	Các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.14	Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên							2013 - 2016	Vụ CST	TCT, QLCS và các đơn vị liên quan
A.1.14.1	Hoạt động 1: Xây dựng biểu thuế suất thuế tài nguyên							Đã hoàn thành	Vụ CST	TCT, Cục QLCS, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.14.2	Hoạt động 2: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về biểu thuế suất thuế tài nguyên							Đã hoàn thành	TCT	Cục QLCS, Vụ CST và các đơn vị liên quan
A.1.14.3	Hoạt động 3: Sơ kết đánh giá 5 năm thực hiện Luật Thuế tài nguyên và thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về biểu thuế suất thuế tài nguyên						- Tổ chức khảo sát về tình hình triển khai - Sơ kết, đánh giá thực hiện Nghị quyết	2015	TCT	Cục QLCS, Vụ CST, các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.14.4	Hoạt động 4: Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 712/2013/UB TVQH							2015	Vụ CST	TCT, Cục QLCS, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.14.5	Hoạt động 5: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UB TVQH13							2018	TCT	Vụ CST, Cục QLCS, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.15	Luật Phí, lệ phí Được đẩy nhanh tiến độ theo Nghị quyết số 70/2014/QH13 ngày 30/5/2014							2015 - 2019	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Vụ HCSN, Cục TCDN, Vụ I, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá việc thực hiện Pháp lệnh Phí, lệ phí							Đã hoàn thành		

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng dự án Luật	- Xây dựng Dự thảo Luật và Nghị định quy định chi tiết - Đánh giá tác động - Kinh nghiệm quốc tế - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website - Gửi thẩm định và trình Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 10						2015	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Vụ HCSN, Cục TCDN, Vụ I, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.15.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	- Dự thảo (các) nghị định, thông tư hướng dẫn - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website - Gửi thẩm định và trình						2015 - 2016	Vụ CST, TCT	Vụ PC, Vụ HCSN, Cục TCDN, Vụ I, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.15.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật			Tổ chức các chương trình, hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến Luật				2016	TCT	TCT, Vụ HCSN, Cục TCDN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.15.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật							Dự kiến 2019/2020	TCT	Vụ CST, Vụ PC, Vụ HCSN, Cục TCDN, Vụ I, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.16	Xây dựng chính sách động viên từ đất đai							2013 - 2015	Cục QLCS	TCT, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.16.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về thu tiền sử dụng đất							Đã hoàn thành	Cục QLCS	TCT, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.16.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định về tiền thuê đất, thuê mặt nước							Đã hoàn thành	Cục QLCS, TCT	Vụ CST, Vụ PC, và các đơn vị liên quan
A.1.16.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các thông tư, nghị định						Tổ chức tuyên truyền, phổ biến	2014 - 2015	Cục QLCS, TCT	Vụ PC, Vụ CST và các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.16.4	Hoạt động 4: Triển khai thực hiện Đề án khai thác nguồn lực từ đất đai và TSNN						Triển khai thực hiện Đề án khai thác nguồn lực từ đất đai và TSNN để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2013 - 2020 tại Quyết định số 2174/QĐ-TTg ngày 12/11/2013	2014 - 2020	Cục QLCS	Vụ PC, TCT, Vụ CST và các đơn vị liên quan và địa phương

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.17	Xây dựng Luật Thuế BĐS							2016 - 2020	Vụ CST	TCT, Cục QLCS, Vụ PC, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.17.1	Hoạt động 1: Đánh giá chính sách thuế đối với BĐS			Báo cáo đánh giá tổng kết				2016	TCT	Vụ CST, Cục QLCS, Vụ PC, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.17.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật và nghị định quy định chi tiết							2017 - 2018	Vụ CST	TCT, Cục QLCS, Vụ PC, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.17.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật							2018 - 2019	Vụ CST, TCT	Các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.17.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật							2019	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.17.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật							Dự kiến 2021	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan và địa phương

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.18	Đề án tổng kết, đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp							2015 - 2016	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.18.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		- Tiến hành khảo sát và xây dựng báo cáo khảo sát - Báo cáo tổng hợp đánh giá - Hội thảo lấy ý kiến					2015	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.18.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo		- Hội thảo - Đề xuất giải pháp - Triển khai thực hiện					2016	Vụ CST	TCT và các đơn vị liên quan
A.1.19	Đề án tổng kết, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường							2015	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan
A.1.19.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường		- Tiến hành khảo sát và xây dựng báo cáo khảo sát - Báo cáo tổng hợp đánh giá - Hội thảo lấy ý kiến					2015	TCT	Vụ CST, các đơn vị liên quan
A.1.19.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo		- Hội thảo - Đề xuất giải pháp - Triển khai thực hiện					2015	Vụ CST	Các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.1.20	Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các luật về thuế							2014 - 2015	Vụ CST	Các đơn vị liên quan
A.1.20.1	Hoạt động 1: Xây dựng Dự án Luật và nghị định quy định chi tiết							Đã hoàn thành	Vụ CST	Các đơn vị liên quan
A.1.20.2	Hoạt động 2: Tổ chức thực hiện Luật							2014 - 2015	TCT, TCHQ	Các đơn vị liên quan
Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia										
A.2										
A.2.12	Luật NSNN (sửa đổi)							2013 - 2017	Vụ NSNN	Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ I, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.12.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật							Đã hoàn thành	Vụ NSNN	Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ I, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.2.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật NSNN (sửa đổi)	Trình Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 9						2015	Vụ NSNN	Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ I, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Nghị định quy định chi tiết - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website - Gửi thẩm định và trình 						2015	Vụ NSNN	Vụ HCSN, Vụ ĐT, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ NSNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.12.4	Hoạt động 4: Tuyên truyền, phổ biến	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hội thảo, hội nghị tuyên truyền, phổ biến - Tổ chức các khóa đào tạo cho các đơn vị liên quan 						2015 - 2016	Vụ NSNN	Vụ HCSN, Vụ ĐT, TCT, TCHQ, KBNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.13	Cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước							2013 - 2017	KBNN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.13.1	Hoạt động 1: Xây dựng nghị định về quản lý ngân quỹ	Hoàn thiện dự thảo nghị định (thực hiện sau khi Quốc hội thông qua Luật NSNN (sửa đổi))						2014 - 2016	KBNN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.2.13.2	Hoạt động 2: Xây dựng các thông tư hướng dẫn và các hoạt động bổ trợ phục vụ triển khai nghị định							2016 - 2018	KBNN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.13.3	Hoạt động 3: Xây dựng tổ chức bộ máy và đào tạo nguồn nhân lực							2014 - 2015 2014 - 2018	KBNN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.13.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và sơ kết đánh giá kết quả thực hiện nghị định							2016 - 2019	KBNN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.14	Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng TSNN							2013 - 2015	Cục QLCS	Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.2.14.1	Hoạt động 1: Đánh giá sơ kết 5 năm triển khai Luật Quản lý, sử dụng TSNN và đề xuất hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách							2015	Cục QLCS	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.14.2	Hoạt động 2: Tham khảo kinh nghiệm quốc tế							2014 - 2015	Cục QLCS	Các đơn vị liên quan
A.2.14.3	Hoạt động 3: Hội thảo để thảo luận về báo cáo đánh giá thực trạng chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng TSNN							2015	Cục QLCS	Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.14.4	Hoạt động 4: Đăng ký vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số							2015	Cục QLCS	Các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
	điều của Luật Quản lý, sử dụng TSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật									
A.2.14.5	Hoạt động 5: Xây dựng Dự án Luật		- Xây dựng các dự thảo, dự kiến gồm: + Luật sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng TSNN + Nghị định của Chính phủ + Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (về hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng TSNN) + Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính - Tham vấn ý kiến về dự thảo - Hoàn thiện Dự án và trình - Tập huấn, tuyên truyền					2015 - 2016	Cục QLCS	Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.14.6	Hoạt động 6: Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2009/NĐ-CP và tổ chức triển khai thực hiện							2015 - 2016	Cục QLCS	Vụ PC, Vụ HCSN và các đơn vị có liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.2.15	Mô hình Tổng kế toán nhà nước							2012 - 2020	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CĐKT, Vụ TCCB, Vụ PC, Viện L&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thi hành kế toán nhà nước							Đã hoàn thành	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CĐKT, Vụ TCCB, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng Mô hình Tổng kế toán nhà nước (về cơ chế chính sách)							2014 - 2016	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CĐKT, Vụ TCCB, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.15.3	Hoạt động 3: Xây dựng khung pháp lý để thực hiện chức năng tổng kế toán nhà nước							2014 - 2016	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CĐKT, Vụ TCCB, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.2.15.4	Hoạt động 4: Tổ chức bộ máy và hệ thống thông tin	- Xây dựng phương án tổ chức bộ máy - Tiến hành xây dựng tổ chức bộ máy - Tổ chức hệ thống thông tin						2014 - 2020	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CDKT, Vụ TCCB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.2.16	Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật Giá Luật số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội về Luật Giá								Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và ác đơn vị liên quan
A.2.16.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết việc thi hành Pháp lệnh Giá							Đã hoàn thành	Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.16.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật Giá							Đã hoàn thành	Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.16.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật							Đã hoàn thành	Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.16.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật							Đã hoàn thành	Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.2.16.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật		- Tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện Luật - Sơ kết, đánh giá thực hiện					2015 - 2016	Cục QLG	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công										
A.3										
A.3.5	Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập									
A.3.5.1	Hoạt động 1: Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (tổng kết, đánh giá									
								2012 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
								Đã hoàn thành	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm		
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp	
	Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006)										
A.3.5.2	Hoạt động 2: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ							2014 Đã trình Chính phủ	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	
A.3.5.3	Hoạt động 3: Ban hành thông tư hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện							2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	
Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác											
A.3.6								2013 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan	

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.3.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá hệ thống chính sách về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác							Đã hoàn thành		
A.3.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng nghị định							2014 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.3.6.3	Hoạt động 3: Ban hành thông tư hướng dẫn, tổ chức thực hiện							2015 - 2016	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC, và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.4	Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN									
A.4.6	Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội							2013 - 2017	Cục TCDN	Vụ DT, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá thực trạng chính sách, pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp							Đã hoàn thành		
A.4.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự thảo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp							- Đã hoàn thành - Trình Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 8	Cục TCDN	Vụ DT, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật							2015	Cục TCDN	Vụ DT, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm		
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp	
A.4.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật		- Xây dựng (các) số tay hướng dẫn - Tổ chức các chương trình, hội nghị tập huấn, thông báo qua đường công văn...					2015 - 2016	Cục TCDN	Cục KHTC và các đơn vị liên quan	
A.4.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật							2018 - 2019	Cục TCDN	Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	
A.4.7	Thí điểm chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành công ty cổ phần										
A.4.7.1	Hoạt động 1: Đánh giá thực trạng cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa									Cục TCDN	Vụ PC, Vụ HCSN, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.7.2	Hoạt động 2: Xây dựng nội dung và dự							Đã hoàn thành	Cục TCDN	Vụ PC, Vụ HCSN, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan	
								2015	Cục TCDN	Vụ PC, Vụ HCSN, Cục KHTC, Viện	

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
	thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế chuyên đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa	thông qua								CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.7.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ	- Xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện và quy trình giám sát						2014 - 2015	Cục TCDN	Vụ PC, Vụ HCSN, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.7.4	Hoạt động 4: Đánh giá sơ kết 2 năm thực hiện							2018	Cục TCDN, Vụ HCSN	Viện CL&CSTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính										
A.5	Phát triển thị trường chứng khoán phái sinh									
A.5.12	Phát triển thị trường chứng khoán phái sinh							2014 - 2016	UBCKNN	Vụ PC, các đơn vị liên quan
A.5.12.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về	Tình Chính phủ thông qua						2014 - 2015	UBCKNN	Vụ PC, các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
	chứng khoán phát sinh và TTCK phát sinh									
A.5.12.2	Hoạt động 2: Tổ chức triển khai, ban hành thông tư hướng dẫn Nghị định			- Dự thảo thông tư hướng dẫn - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến thông tư				2014 - 2016	UBCKNN	Vụ PC, các đơn vị liên quan
A.5.12.3	Hoạt động 3: Sơ kết 2 năm thực thi nghị định						Sơ kết, đánh giá 2 năm ban hành Nghị định	2017 - 2018	UBCKNN	Vụ PC, các đơn vị liên quan
A.5.13	Quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm							2013 - 2017	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.13.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm							Đã hoàn thành (Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 26/9/2014 quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm)	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.5.13.2	Hoạt động 2: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định		Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định					2014 - 2015	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.13.3	Hoạt động 3: Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch dịch vụ xếp hạng tín nhiệm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030							2015 - 2016		
A.5.13.4	Hoạt động 4: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm cho các doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 88/2014/NĐ-CP và quy hoạch phát triển dịch vụ xếp hạng tín nhiệm							2015 - 2016		

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.5.13.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực thi Nghị định				Sơ kết, đánh giá 2 năm ban hành Nghị định			2016 - 2017	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục TCDN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.14	Hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện							2013 - 2016	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.14.1	Hoạt động 1: Xây dựng Đề án hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện							Đã hoàn thành	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.14.2	Hoạt động 2: Xây dựng nghị định về thành lập và tổ chức hoạt động Quỹ hưu trí tự nguyện							2015	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.14.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nghị định							2014 - 2015	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.5.14.4	Hoạt động 4: Sơ kết 2 năm triển khai nghị định	- Tổ chức các chương trình, hội nghị tập huấn, tuyên truyền, phổ biến nghị định						2017	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.15	Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý TTCK							2015 - 2016	UBCKNN	Vụ TCNH, Viện CL&CSTC, và các đơn vị liên quan
A.5.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá vai trò, vị trí, chức năng nhiệm vụ của UBCKNN giai đoạn trước khi ban hành Luật Chứng khoán (sửa đổi)	- Xây dựng báo cáo đánh giá về kết quả, tồn tại nguyên nhân và các giải pháp đề xuất để tháo gỡ các vướng mắc						2014 - 2015	UBCKNN	Vụ TCNH, Viện CL&CSTC, và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
		<p>mắc về vai trò, chức năng và nhiệm vụ của UBCKNN là cơ quan quản lý TTCK trong giai đoạn 2007 - 2014</p> <p>- Căn cứ để đưa vào Luật Chứng khoán (sửa đổi)</p>								
A.5.15.2	<p>Hoạt động 2: Kiện toàn tổ chức nâng cao vị thế của UBCKNN trong hoạt động quản lý TTCK</p>							2015 - 2016	UBCKNN	Vụ TCNH, Viện CL&CSTC, và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm		
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp	
A.5.16	Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán										
A.5.16.1	<p>Hoạt động 1: Đánh giá, tổng kết việc thực hiện các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kiểm toán</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tổng kết hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp - Tổng kết việc thực hiện Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính 							2012 - 2020	Vụ CDKT	Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.16.2	<p>Hoạt động 2: Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo kinh nghiệm quốc tế - Xây dựng thông tư ban hành hệ thống các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp; thông tư ban hành hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website; tổng hợp và nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến đóng góp - Hoàn thiện dự thảo và trình 						2014 - 2015	Vụ CDKT	Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.5.16.3	Hoạt động 3: Tuyên truyền, phổ biến Hệ thống chuẩn mức kế toán doanh nghiệp mới			- Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến - Tổ chức các chương trình tập huấn				2016	Vụ CĐKT	Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.17	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán							2014 - 2018	Vụ CĐKT	Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.17.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Kế toán							Đã hoàn thành	Vụ CĐKT	Vụ PC, Vụ TCCB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.17.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán		- Hoàn thiện Dự án Luật - Trình UBNDTVQH và Quốc hội cho ý kiến và tiếp thu, chỉnh lý - Trình Quốc hội khóa XIII thông qua (tại kỳ họp thứ 10)					2014 - 2015	Vụ CĐKT	Vụ PC, Cục TCDN, Vụ TCNH, Cục QL&GSBH, TCT, Cục KHTC các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.5.17.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật		- Xây dựng nghị định, thông tư hướng dẫn - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website - Chuẩn bị hồ sơ và gửi thẩm định Bộ Tư pháp - Hoàn thiện hồ sơ và trình Chính phủ ban hành nghị định					2015 - 2016	Vụ CDKT	Vụ PC, Cục TCDN, Vụ TCNH, Cục QL&GSBH, TCT, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.17.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật				Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến			2016 - 2017	Vụ CDKT	Vụ PC, Cục TCDN, Vụ TCNH, Cục QL&GSBH, TCT, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.17.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực thi Luật							2019 - 2020	Vụ CDKT	Các đơn vị liên quan
A.5.19	Luật Chứng khoán (sửa đổi)							2017 - 2022	UBCKNN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.19.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi; bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán				Tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện Luật số 62/2010/QH13			2016 - 2017	UBCKNN	Vụ TCNH và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.5.19.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật					Dự án Luật Chứng khoán (sửa đổi) bao gồm: + Tờ trình và thuyết minh + Dự thảo Luật sửa đổi + Báo cáo đánh giá tác động; + Báo cáo kinh nghiệm quốc tế + Giải trình tiếp thu ý kiến + Thẩm định và trình Quốc hội	2017 - 2018	UBCKNN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan	
A.5.19.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật						2018	UBCKNN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan	
A.5.19.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật						2018 - 2019	UBCKNN	Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	
A.5.19.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực thi Luật						2021 - 2022	UBCKNN	Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	
A.5.20	Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi)						2017 - 2022	Cục QL&GSBH	Vụ PC và các đơn vị liên quan	
A.5.20.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm					Tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện Luật số 62/2010/QH13	2016 - 2017	Cục QL&GSBH	Vụ PC và các đơn vị liên quan	

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.5.20.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật					Dự án Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) bao gồm: + Tờ trình và thuyết minh + Dự thảo Luật sửa đổi + Báo cáo đánh giá tác động + Báo cáo kinh nghiệm quốc tế + Giải trình tiếp thu ý kiến + Thẩm định và trình Quốc hội	2017 - 2018	Cục QL& GSBH	Vụ PC và các đơn vị liên quan	
A.5.20.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật						2018	Cục QL& GSBH	Vụ PC và các đơn vị liên quan	
A.5.20.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật						2018 - 2019	Cục QL& GSBH	Vụ PC và các đơn vị liên quan	
A.5.20.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực thi Luật						2021 - 2022	Cục QL& GSBH	Vụ PC và các đơn vị liên quan	
A.5.21	Phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp						2015 - 2016	Vụ TCNH	UBCKNN và các đơn vị liên quan	
A.5.21.1	Hoạt động 1: Đánh giá quá trình triển khai Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp					Báo cáo đánh giá	2015	UBCKNN	Vụ TCNH và các đơn vị có liên quan	

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm		
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp	
A.5.21.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 90/2011/NĐ-CP	- Dự thảo nghị định, thông tư hướng dẫn - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website - Gửi thẩm định và trình						2015	Vụ TCNH	UBCKNN và các đơn vị liên quan	
A.5.21.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền và phổ biến Nghị định			- Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến - Tổ chức các chương trình tập huấn				2016	UBCKNN	Vụ TCNH và các đơn vị có liên quan	
A.5.22	Hoàn thiện cơ chế chính sách đối với các ngân hàng chính sách										
A.5.22.1	Hoạt động 1: Hoàn thiện nghị định thay thế Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu và triển khai thực hiện	- Đã trình Chính phủ (Tờ trình số 114/TTr-BTC ngày 22/9/2014 về Nghị định về tín dụng đầu tư của Nhà nước) - Ban hành thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện khi Nghị định được Chính phủ thông qua						2015 - 2016	Vụ TCNH	Các đơn vị có liên quan	

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.5.22.2	Hoạt động 2: Xây dựng quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động, hướng dẫn cơ chế tài chính và quy chế xử lý nợ của NHPTVN và triển khai thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo đánh giá tình hình nợ xấu tại NHCSXH và NHPTVN Xây dựng Dự thảo Quyết định Trình Thủ tướng Chính phủ Ban hành thông tư hướng dẫn và tổ chức thực hiện 				2015 - 2016	Vụ TCNH	NHCSXH, NHPTVN và các đơn vị có liên quan
A.5.22.3	Hoạt động 3: Xây dựng nghị định thay thế Nghị định số 78/2002/ND-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và triển khai thực hiện			<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị định số 78/2002/ND-CP Xây dựng dự thảo nghị định Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đăng website Gửi thẩm định và trình Ban hành thông tư hướng dẫn và tổ chức thực hiện 				2015 - 2016	Vụ TCNH	NHCSXH và các đơn vị có liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.5.22.4	<p>Hoạt động 4: Xây dựng quyết định thay thế Quyết định số 180/2002/QĐ -TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng về cơ chế tài chính của NHCSXH và Thông tư thay thế Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01/4/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn Quyết định số 180/2002/QĐ -TTg về cơ chế tài chính của NHCSXH</p>							2015 - 2016	Vụ TCNH	NHCSXH, NHPTVN và các đơn vị có liên quan
A.5.22.5	<p>Hoạt động 5: Tổng kết, đánh giá một số chính sách đối với các ngân hàng phát triển</p>							2018	Vụ TCNH	NHPTVN, NHCSXH và các đơn vị có liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm		
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp	
A.6		Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính									
A.6.2	Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế							2014 - 2016	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ CĐKT, Cục QL&GSBH, UBCKNN, Cục KHTC, TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan	
A.6.2.1	Hoạt động 1: Đánh giá, tổng kết việc thực hiện các cam kết							2014	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ CĐKT, Cục QL&GSBH, UBCKNN, Cục KHTC, TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan	
A.6.2.2	Hoạt động 2: Đề xuất các giải pháp tiếp theo để thực hiện cam kết trong giai đoạn mới							2015	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ CĐKT, Cục QL&GSBH, UBCKNN, Cục KHTC, TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan	

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.6.2.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện các giải pháp được đưa ra và sơ kết đánh giá	- Tổ chức phổ biến đến các đơn vị liên quan - Lên chương trình, phương án giám sát tình hình thực hiện - Xây dựng các phương án đàm phán hình thành FTA nhiều bên - Dự kiến sẽ ban hành thông tư hướng dẫn các FTA	- Kết quả điều tra, khảo sát - Báo cáo sơ kết thực hiện					2015 - 2016	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ CĐKT, Cục QL&GSBH, UBCKNN, Cục KHTC, TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan
Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia										
A.7		Triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)								
A.7.6		Luật số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội								
A.7.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2005								2013 - 2016	Các đơn vị liên quan
A.7.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)							Đã hoàn thành	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
								Đã hoàn thành	Vụ PC	Các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.7.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật							Đã hoàn thành (Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014)	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.7.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến						2014 - 2015	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.7.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật						- Tổ chức khảo sát về tình hình triển khai thực hiện luật - Sơ kết, đánh giá thực hiện	2017 - 2018	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.7.7	Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính							2011 - 2020	Viện CL&CSTC	Các đơn vị liên quan
A.7.7.1	Hoạt động 1: Phân tích, dự báo và xây dựng mô hình	Xây dựng mô hình dự báo và đánh giá tác động	- Tổ chức hội thảo - Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực phân tích, dự báo	Ứng dụng mô hình				2015 - 2016	Viện CL&CSTC	Cục TH&TKTC, TCT, TCHQ, Vụ NSNN, Vụ TCNH, Vụ PC, Cục KHHC, Cục QLGV và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.7.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá tác động chính sách	Xây dựng và lựa chọn phương pháp đánh giá tác động	Tổ chức hội thảo		- Tổ chức các khóa đào tạo - Ứng dụng mô hình đánh giá tác động chính sách			2015 - 2017	Viện CL&CSTC	Cục TH&TKTC, TCT, TCHQ, Vụ NSNN, Vụ TCNH, Vụ PC, Cục KHTC, Cục QLГ và các đơn vị liên quan
A.7.8	Đề án xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ theo dõi, giám sát và đánh giá bền vững nợ công							2014 - 2018	Cục QLН&TCĐN	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan
A.7.8.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có	Tiếp tục rà soát						2015 - 2017	Cục QLН&TCĐN	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương
A.7.8.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu	Hoàn thiện phần mềm cơ sở dữ liệu						2015	Cục QLН&TCĐN	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị liên quan
A.7.8.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua	- Tổ chức tập huấn hướng dẫn thực hiện - Áp dụng thí điểm, thường xuyên thu thập ý kiến phản hồi - Tổng kết đánh giá và nâng cấp hệ thống						2015 - 2016	Cục QLН&TCĐN	Cục TH&TKTC, các bộ, ngành và địa phương

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.7.8.4	Hoạt động 4: Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về nợ công và nợ nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện hệ thống khung cơ sở dữ liệu - Hoàn thiện phương án phối hợp và làm rõ vai trò trách nhiệm của các đơn vị liên quan - Trình, thông qua phương án áp dụng - Xây dựng các văn bản hướng dẫn kê khai, đăng ký, cảm nang hướng dẫn sử dụng... - Tổ chức các hội nghị công bố, chương trình tập huấn, triển khai thực hiện - Tổ chức đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên trách 						2015 - 2017	Cục QLN&TCĐN	Cục TH&TKTC, các bộ ngành và địa phương
A.7.8.5	Hoạt động 5: Sơ kết 5 năm thực hiện							2020	Cục QLN&TCĐN	Cục TH&TKTC, các bộ, ngành và địa phương
A.7.9	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công							2016 - 2022		
A.7.9.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Quản lý nợ công			Tổng kết, đánh giá việc triển khai thực hiện Luật số 62/2010/QH13				2016	Cục QLN&TCĐN	Các đơn vị liên quan, các bộ, ngành và địa phương
A.7.9.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật			Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công, bao gồm: + Tờ trình và thuyết minh + Dự thảo Luật sửa đổi + Báo cáo đánh giá tác động + Giải trình tiếp thu ý kiến + Thẩm định và trình Quốc hội				2016 - 2017	Cục QLN&TCĐN	Vụ PC, các đơn vị liên quan, các bộ, ngành và địa phương
A.7.9.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật					Xây dựng Nghị định hướng dẫn thi hành Luật		2017 - 2018	Cục QLN&TCĐN	Các đơn vị liên quan, các bộ, ngành và địa phương

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.7.9.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật							2018	Cục QLN&TCĐN	Các đơn vị liên quan, các bộ, ngành và địa phương
A.7.9.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực thi Luật							2021 - 2022	Cục QLN&TCĐN	Các đơn vị liên quan, các bộ, ngành và địa phương
A.8	Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính									
A.8.7	Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính									
A.8.7.1	Hoạt động 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế							Đã hoàn thành	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.8.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế						- Điều tra khảo sát tình hình triển khai thực hiện Luật - Tổng kết đánh giá	2016 - 2017	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.8.8	Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính									
								2013 - 2015	Vụ PC	VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.8.8.1	Hoạt động 1: Tổ chức công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách, pháp luật tài chính	- Xây dựng số tay hướng dẫn - Thực hiện công tác tuyên truyền						2013 - 2015	Vụ PC	VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.8.9	Hệ thống Thông tin quản lý tài chính chính phủ - GFMIS							2013 - 2018	Cục TH&TKTC	Ban Quản lý Dự án Tài chính công, KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLN&TCĐN, Cục QLGC, Cục QLCS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan
A.8.9.1	Hoạt động 1: Nghiên cứu mô hình và lộ trình xây dựng Hệ thống thông tin quản lý tài chính chính phủ							Đã hoàn thành	Cục TH&TKTC	Ban quản lý dự án Tài chính công, KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLN&TCĐN, Cục QLGC, Cục QLCS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.8.9.2	Hoạt động 2: Trình và phê duyệt mô hình và lộ trình triển khai xây dựng Hệ thống thông tin quản lý tài chính chính phủ							Đã hoàn thành	Cục TH&TKTC	Ban quản lý dự án Tài chính công, KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLNN&TCĐN, Cục QLGC, Cục QLCS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan
A.8.9.3	Hoạt động 3: Chuẩn bị đầu tư (giai đoạn trước khi triển khai)							2014 - 2015	Cục TH&TKTC	KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLNN&TCĐN, Cục QLGC, Cục QLCS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.8.9.4	Hoạt động 4: Thực hiện đầu tư (giai đoạn triển khai)		<ul style="list-style-type: none"> - Khởi động dự án - Nghiên cứu chi tiết hiện trạng - Thiết kế hệ thống và phê duyệt - Thẩm định/thử nghiệm phần mềm - Số hóa dữ liệu và chuyển dữ liệu - Quản lý thay đổi - Đào tạo/xây dựng năng lực: Đào tạo giảng viên, đào tạo người sử dụng - Cung cấp và vận hành cơ sở hạ tầng CNTT: Cung cấp hạ tầng CNTT và toàn bộ bản quyền phần mềm hệ thống; vận hành toàn bộ CNTT - Đưa vào vận hành chính thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Khởi động dự án - Nghiên cứu chi tiết hiện trạng - Thiết kế hệ thống và phê duyệt - Thẩm định/thử nghiệm phần mềm - Số hóa dữ liệu và chuyển dữ liệu - Quản lý thay đổi - Đào tạo/xây dựng năng lực: Đào tạo giảng viên, đào tạo người sử dụng - Cung cấp và vận hành cơ sở hạ tầng CNTT: Cung cấp hạ tầng CNTT và toàn bộ bản quyền phần mềm hệ thống; vận hành toàn bộ CNTT - Đưa vào vận hành chính thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền, phổ biến - Tập huấn, đào tạo - Ứng dụng 	2015 - 2017	Cục TH&TKTC	KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLN&TĐN, Cục QLGS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan		
A.8.9.5	Hoạt động 5: Kết thúc đầu tư, đưa Hệ thống vào sử dụng (giai đoạn sau khi triển khai)							2017 - 2018	Cục TH&TKTC	KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLN&TĐN, Cục QLGS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan
A.8.10	Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025							2014 - 2020	Cục TH&TKTC	KBNN, TCT, TCHQ, UBCKNN, TCĐTNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.8.10.1	Hoạt động 1: Đánh giá kết quả triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2011- 2015							Đã hoàn thành	Cục TH&TKTC	KBNN, TCT, TCHQ, UBCKNN, TCDTN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.8.10.2	Hoạt động 2: Phát triển tầm nhìn CNTT&TT và kế hoạch tổng thể về CNTT&TT của ngành Tài chính							Đã hoàn thành	Cục TH&TKTC	Các đơn vị liên quan
A.8.10.3	Hoạt động 3: Phát triển khung kiến trúc tác nghiệp, ứng dụng, thông tin và hạ tầng cho ngành Tài chính							2014 - 2015	Cục TH&TKTC	Các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.8.10.4	Hoạt động 4: Phát triển khung giám sát, quản lý CNTT&TT ngành Tài chính	Xây dựng khung giám sát quản lý CNTT&TT						2015	Cục TH&TKTC	Các đơn vị liên quan
A.8.10.5	Hoạt động 5: Đào tạo kỹ năng ứng dụng và nâng cao năng lực quản lý chiến lược và quản trị CNTT&TT ngành Tài chính							2015 - 2020	Cục TH&TKTC	Các đơn vị liên quan
Thiết lập cơ sở dữ liệu quốc gia về giá										
A.8.11								2014 - 2018	Cục QLГ	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương
A.8.11.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có							Đã hoàn thành	Cục QLГ	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương
A.8.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu							Đã hoàn thành	Cục QLГ	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.8.11.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua tại một số đơn vị, địa phương	- Tổ chức tập huấn hướng dẫn thực hiện - Áp dụng thí điểm, thường xuyên thu thập ý kiến phản hồi - Tổng kết, đánh giá và nâng cấp hệ thống						2015	Cục QLG	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương
A.8.11.4	Hoạt động 4: Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	- Hoàn thiện hệ thống khung cơ sở dữ liệu - Hoàn thiện phương án phối hợp và làm rõ vai trò trách nhiệm của các đơn vị liên quan - Trình, thông qua phương án áp dụng - Xây dựng các văn bản hướng dẫn kê khai, đăng ký, cầm nang hướng dẫn sử dụng... - Tổ chức các hội nghị công bố, chương trình tập huấn, triển khai thực hiện; tổ chức đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên trách						2015 - 2016	Cục QLG	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương
A.8.11.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện							2017 - 2018	Cục QLG	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương
A.8.11.6	Hoạt động 6: Xây dựng dự thảo thông tư quy định về cơ sở dữ liệu về giá và chế độ báo cáo giá hàng hoá, dịch vụ và tài sản							2015	Cục QLG	Cục TH&TKTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.8.12	Hiện đại hóa công tác quản lý công sản							2012 - 2018	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương
A.8.12.1	Hoạt động 1: Rà soát, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quốc gia hiện có							Đã hoàn thành	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương
A.8.12.2	Hoạt động 2: Nâng cấp lần 1 phần mềm đăng ký quản lý TSNN hiện hành: Cập nhật tất cả TSNN đủ điều kiện là TSCĐ tại khu vực hành chính sự nghiệp vào phần mềm							Đã hoàn thành	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương
A.8.12.3	Hoạt động 3: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 2) để cập nhật TSNN là công trình cấp nước sạch nông thôn							Đã hoàn thành	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
A.8.12.4	Hoạt động 4: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 3) để cập nhật TSNN là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ							2013 - 2016	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các bộ, ngành và địa phương
A.8.12.5	Hoạt động 5: Xây dựng dữ liệu đối với một số loại TSNN còn lại để kết nối vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN							2016 - 2018	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị, địa phương có liên quan
A.8.12.6	Hoạt động 6: Nâng cấp trang thông tin điện tử về TSNN							2015	Cục QLCS	Cục TH&TK và các đơn vị liên quan
B.	ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2020 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020									
B.1	Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 - 2020							2015	Vụ NSNN	Cục QLN&TCĐN, Cục TCDN, Cục KHTC, các địa phương, Bộ KHĐT và các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
B.1.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết thực hiện Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2011 - 2015	- Đánh giá tổng kết - Tổ chức hội thảo lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương có liên quan						2015	Vụ NSNN	Các đơn vị liên quan
B.1.2	Hoạt động 2: Xây dựng khung căn đối NSNN 5 năm 2016 - 2020							2015 - 2016	Vụ NSNN	Các đơn vị liên quan
B.2	Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 - 2015 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 - 2020									
B.2.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 - 2015	- Tiến hành khảo sát và xây dựng báo cáo khảo sát - Báo cáo tổng hợp đánh giá - Hội thảo lấy ý kiến						2015 - 2016	Viện CL&CSSTC	Các đơn vị liên quan

TT UT	Đề án/Hoạt động	2015		2016		2017		Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
		Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12	Tháng 1 - 6	Tháng 7 - 12		Chủ trì	Phối hợp
B.2.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2016 - 2020		- Hội thảo - Đề xuất giải pháp - Triển khai thực hiện					2015 - 2016	Viện CL& CSTC	Các đơn vị liên quan
B.3	Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020									
B.3.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật giai đoạn 2011 - 2015 triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020		- Báo cáo đánh giá - Hội thảo lấy ý kiến - Kiến nghị cho giai đoạn sau					2015 - 2020	Vụ PC	VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
B.3.2	Hoạt động 2: Xây dựng “Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020”		- Hoàn thiện Chương trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp - Trình Chính phủ, UBNDTVQH, Quốc hội					2011 - 2015	Vụ PC	Các đơn vị liên quan

BẢNG 3. ƯỚC TÍNH NGUỒN LỰC VÀ CHI PHÍ THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP GIAI ĐOẠN 2015 - 2017
(Ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.	CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ			
A.1	Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia			
A.1.8	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội			
A.1.8.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn	Tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến, tập huấn cho các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp do nữ làm chủ	
A.1.8.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	Sơ kết, đánh giá 3 năm	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới - Ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ
A.1.9	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội			
A.1.9.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn		
A.1.9.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	Sơ kết, đánh giá 3 năm	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới - Ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.1.10	Luật Hải quan năm 2014			
A.1.10.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn	- Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.1.10.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn		
A.1.11	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu			
A.1.11.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	Đánh giá, tổng kết	Nâng cao năng lực cán bộ trong phân tích đánh giá	
A.1.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	Xây dựng Dự án	- Chuyên gia quốc tế - Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế	
A.1.11.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn	- Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.1.11.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn		
A.1.12	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTDB			
A.1.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế TTDB	Xây dựng Dự án	- Chuyên gia quốc tế - Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.1.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn	- Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.1.12.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn		
A.1.13	Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN			
A.1.13.1	Hoạt động 1: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật	Sơ kết, đánh giá 2 năm	- Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước	Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới
A.1.14	Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên			
A.1.14.3	Hoạt động 3: Sơ kết, đánh giá 5 năm thực hiện Luật Thuế tài nguyên và thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về biểu thuế suất thuế tài nguyên	Đánh giá, tổng kết	- Khảo sát trong nước - Khảo sát quốc tế - Hội thảo trong nước	
A.1.14.4	Hoạt động 4: Sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH	Xây dựng giải pháp	- Hội thảo quốc tế - Hội thảo trong nước - Khảo sát quốc tế	
A.1.15	Luật Phí, lệ phí			
A.1.15.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Pháp lệnh Phí, lệ phí	Đánh giá, tổng kết	Khảo sát, đánh giá tác động của Pháp lệnh hiện hành từ góc độ xã hội và giới	
A.1.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật	Xây dựng Dự án	- Chuyên gia quốc tế - Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	Có thực hiện rà soát, lồng ghép giới trong quá trình xây dựng Dự án Luật

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.1.16	Xây dựng chính sách động viên từ đất đai			
A.1.16.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về thu tiền sử dụng đất	Sửa đổi Nghị định số 120/2010/NĐ-CP	- Hội thảo trong nước - Chuyên gia trong nước	Có thuê chuyên gia rà soát về vấn đề giới trong quá trình xây dựng
A.1.16.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định về tiền thuê đất, thuê mặt nước	Sửa đổi Nghị định số 121/2010/NĐ-CP	- Hội thảo trong nước - Chuyên gia trong nước	
A.1.16.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nghị định, thông tư	Tổ chức thực hiện	Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.1.16.4	Hoạt động 4: Triển khai thực hiện Đề án khai thác nguồn lực từ đất đai và TSNN	Tổ chức thực hiện	- Các hội thảo, hội nghị - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.1.17	Xây dựng Luật Thuế BĐS			
A.1.17.1	Hoạt động 1: Đánh giá chính sách thuế đối với BĐS	Đánh giá chính sách	- Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước	- Có thuê chuyên gia rà soát về vấn đề giới trong quá trình xây dựng - Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới
A.1.18	Đề án tổng kết, đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
A.1.18.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Đánh giá, tổng kết	- Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước	Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới
A.1.18.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo	Xây dựng giải pháp	- Hội thảo quốc tế - Hội thảo trong nước - Khảo sát quốc tế	
A.1.19	Đề án tổng kết, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường			
A.1.19.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường	Đánh giá, tổng kết	- Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.1.19.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo	Xây dựng giải pháp	- Hội thảo quốc tế - Hội thảo trong nước - Khảo sát quốc tế	
A.1.20	Đề án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các luật về thuế			
A.1.20.1	Hoạt động 1: Xây dựng Dự án Luật và Nghị định quy định chi tiết	Xây dựng Dự án Luật		
A.1.20.2	Hoạt động 2: Tổ chức thực hiện Luật	Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn		
A.2	Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia			
A.2.12	Luật NSNN (sửa đổi)			
A.2.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật NSNN (sửa đổi)	Xây dựng Dự án Luật NSNN	- Chuyên gia quốc tế - Chuyên gia trong nước - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế	
A.2.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn	- Hội thảo trong nước - Thuê chuyên gia trong nước và quốc tế	Rà soát các vấn đề giới có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Luật
A.2.12.4	Hoạt động 4: Tuyên truyền, phổ biến	Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn	Hội thảo phổ biến, cung cấp thông tin về kết quả rà soát các vấn đề giới trong quá trình triển khai thực hiện Luật	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.2.13	Cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước			
A.2.13.1	Hoạt động 1: Xây dựng và hoàn thành Nghị định về quản lý ngân quỹ	- Xây dựng Nghị định		
A.2.13.2	Hoạt động 2: Xây dựng các thông tư hướng dẫn và các hoạt động hỗ trợ phục vụ triển khai Nghị định	- Xây dựng Thông tư và các quy trình nghiệp vụ - Hạ tầng kỹ thuật dự báo luồng tiền	- Tư vấn quốc tế - Tư vấn trong nước - Khảo sát nước ngoài - Đào tạo trong và ngoài nước	Đang đề nghị WB và Seco hỗ trợ qua chương trình AAA
A.2.13.3	Hoạt động 3: Xây dựng tổ chức bộ máy và đào tạo nguồn nhân lực	-	- Đào tạo trong và ngoài nước - Giảng viên trong nước và quốc tế	
A.2.13.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định	- Hội thảo phổ biến - Tập huấn hướng dẫn triển khai - Hội thảo sơ kết, đánh giá	Tư vấn trong nước	
A.2.14	Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng TSNN			
A.2.14.2	Hoạt động 2: Tham khảo kinh nghiệm quốc tế	Xây dựng chương trình khảo sát	- Khảo sát nước ngoài - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.2.14.3	Hoạt động 3: Hội thảo đề thảo luận về Báo cáo đánh giá thực trạng chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng TSNN	Xây dựng chương trình hội thảo	- Hội thảo quốc tế - Hội thảo trong nước	
A.2.14.4	Hoạt động 4: Đăng ký vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng TSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật		-	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.2.14.5	Hoạt động 5: Xây dựng Dự án Luật	Xây dựng văn bản pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia quốc tế - Chuyên gia trong nước - Đào tạo - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế 	
A.2.15	Mô hình Tổng kế toán nhà nước			
A.2.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng Mô hình Tổng Kế toán nhà nước (về cơ chế chính sách)	Xây dựng mô hình Tổng kế toán nhà nước, các văn bản hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát nước ngoài - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế 	
A.2.15.3	Hoạt động 3: Xây dựng khung pháp lý để thực hiện chức năng Tổng Kế toán nhà nước	Xây dựng (các) thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát nước ngoài - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế 	
A.2.15.4	Hoạt động 4: Tổ chức bộ máy và hệ thống thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức bộ máy - Trang bị hệ thống thông tin 		
A.2.16	Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật Giá Luật số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội về Luật Giá			
A.2.16.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật	Sơ kết, đánh giá 2 năm	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước 	Có đánh giá tác động của Luật đến vấn đề bình đẳng giới

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.3	Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hoá nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công			
A.3.5	Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập			
A.3.5.2	Hoạt động 2: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ	Xây dựng nội dung sửa đổi	- Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	- Có thuê chuyên gia rà soát về vấn đề giới trong quá trình sửa đổi, ban hành Nghị định, Thông tư - Ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ
A.3.5.3	Hoạt động 3: Ban hành Thông tư hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện	- Ban hành Thông tư hướng dẫn - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến		
A.3.6	Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác			
A.3.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định	Xây dựng Nghị định, Thông tư hướng dẫn	- Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	- Có thuê chuyên gia rà soát về vấn đề giới trong quá trình sửa đổi, ban hành Nghị định, Thông tư - Ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ
A.3.6.3	Hoạt động 3: Ban hành Thông tư hướng dẫn, tổ chức thực hiện	- Ban hành Thông tư hướng dẫn - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến		
A.4	Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN			
A.4.6	Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp			
A.4.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự thảo Luật	Xây dựng Dự thảo Luật	- Chuyên gia trong nước	- Trong quá trình xây dựng Luật có rà soát đánh giá tác động xã hội và giới

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế - Khảo sát nước ngoài - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Có chú trọng vấn đề lồng ghép giới trong quá trình xây dựng Luật
A.4.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Xây dựng Nghị định, Thông tư hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước 	
A.4.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Xây dựng chương trình tuyên truyền, phổ biến Luật	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ 	
A.4.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	Sơ kết, đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước 	Có rà soát các quy định của Luật từ góc độ giới
A.4.7	Thí điểm chuyên một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành công ty cổ phần			
A.4.7.2	Hoạt động 2: Xây dựng nội dung và Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa	Xây dựng Đề án	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ 	Có rà soát các vấn đề giới có liên quan trong quá trình xây dựng và triển khai Đề án
A.4.7.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Xây dựng chương trình triển khai thực hiện		
A.4.7.4	Hoạt động 4: Đánh giá, sơ kết 2 năm thực hiện	Sơ kết, đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo trong nước - Hội nghị trong nước 	
A.5	Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính			
A.5.12	Phát triển TTCK phái sinh			
A.5.12.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về chứng khoán phái sinh và TTCK phái sinh	Xây dựng Nghị định	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế 	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.5.12.2	Hoạt động 2: Tổ chức triển khai, ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định	Ban hành Thông tư hướng dẫn	- Hội thảo trong nước - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.5.13	Quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm			
A.5.13.2	Hoạt động 2: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định	Xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn và chương trình phổ biến	Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.5.13.3	Hoạt động 3: Trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch dịch vụ xếp hạng tín nhiệm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Sơ kết, đánh giá	- Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước	
A.5.14	Hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện			
A.5.14.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định về thành lập và tổ chức hoạt động Quỹ hưu trí tự nguyện	Xây dựng Nghị định	- Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế	
A.5.14.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định	Xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn và chương trình phổ biến	Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.5.14.4	Hoạt động 4: Sơ kết 2 năm triển khai Nghị định	Sơ kết, đánh giá	- Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước	
A.5.15	Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý TTCK			
A.5.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của UBCKNN giai đoạn trước khi ban hành Luật Chứng khoán (sửa đổi)	Báo cáo đánh giá về vai trò, chức năng nhiệm vụ của UBCKNN	Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.5.15.2	Hoạt động 2: Kiến toàn tổ chức, nâng cao vị thế của UBCKNN trong hoạt động quản lý TTCK	Xây dựng đề án về nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý TTCK	- Khảo sát nước ngoài - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài - Hội thảo trong nước	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.5.16	Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán			
A.5.16.1	Hoạt động 1: Đánh giá, tổng kết việc thực hiện các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kiểm toán	Đánh giá, tổng kết		
A.5.16.2	Hoạt động 2: Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung Hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Xây dựng và ban hành hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát quốc tế - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ - Chuyên gia trong nước - Hội thảo trong nước 	
A.5.16.3	Hoạt động 3: Tuyên truyền, phổ biến Hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp mới	Tổ chức hội nghị, xây dựng chương trình tập huấn		
A.5.17	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán			
A.5.17.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Kế toán	Đánh giá, tổng kết		
A.5.17.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán	Xây dựng Dự án Luật	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ - Hội thảo trong nước - Khảo sát quốc tế 	
A.5.17.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Hội thảo trong nước	
A.5.17.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Xây dựng số tay hướng dẫn, chương trình tuyên truyền, phổ biến	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài 	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.5.19	Luật Chứng khoán (sửa đổi)			
A.5.19.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán	Đánh giá, tổng kết		
A.5.19.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật	Xây dựng Dự án Luật	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ - Hội thảo trong nước - Khảo sát quốc tế 	
A.5.19.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Hội thảo trong nước	
A.5.19.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Xây dựng số tay hướng dẫn, chương trình tuyên truyền, phổ biến	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài 	
A.5.19.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực thi Luật	Khảo sát, đánh giá		
A.5.20	Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi)			
A.5.20.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm	Đánh giá, tổng kết		
A.5.20.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật	Xây dựng Dự án Luật	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ - Hội thảo trong nước - Khảo sát quốc tế 	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.5.20.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Hội thảo trong nước	
A.5.20.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Xây dựng số tay hướng dẫn, chương trình tuyên truyền, phổ biến	- Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài	
A.5.20.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực thi Luật	Khảo sát, đánh giá		
A.5.21	Phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp			
A.5.21.1	Hoạt động 1: Đánh giá quá trình triển khai Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp	Báo cáo, đánh giá	Hội thảo trong nước	
A.5.21.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 90/2011/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định	Hội thảo trong nước	
A.5.21.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định	Chương trình tuyên truyền, phổ biến		
A.5.22	Hoàn thiện cơ chế chính sách đối với các ngân hàng chính sách			
A.5.22.1	Hoạt động 1: Hoàn thiện Nghị định thay thế Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu và triển khai thực hiện	Dự thảo Nghị định	Hội thảo trong nước	
A.5.22.2	Hoạt động 2: Xây dựng Quyết định của Thủ tướng chính phủ ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động, hướng dẫn cơ chế tài chính và quy chế xử lý nợ của NHPTVN và triển khai thực hiện	Dự thảo Quyết định	Hội thảo trong nước	
A.5.22.3	Hoạt động 3: Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, triển khai thực hiện	Dự thảo Nghị định	Hội thảo trong nước	
A.5.22.4	Hoạt động 4: Xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng về cơ chế tài chính của NHCSXH và Thông tư thay thế thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01/4/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg về cơ chế tài chính của NHCSXH	Dự thảo Quyết định	Hội thảo trong nước	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.5.22.5	Hoạt động 5: Tổng kết, đánh giá một số chính sách đối với các ngân hàng phát triển	Báo cáo, đánh giá	Hội thảo trong nước	
A.6	Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính			
A.6.2	Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế			
A.6.2.1	Hoạt động 1: Đánh giá, tổng kết việc thực hiện các cam kết	Đánh giá, tổng kết	Hội thảo trong nước - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.6.2.2	Hoạt động 2: Đề xuất các giải pháp tiếp theo để thực hiện cam kết trong giai đoạn mới	Đề xuất giải pháp	Chuyên gia trong nước Chuyên gia nước ngoài	
A.6.2.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện các giải pháp được đưa ra và sơ kết, đánh giá	Triển khai thực hiện và sơ kết, đánh giá	Hội thảo trong nước Hội thảo quốc tế	
A.7	Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia			
A.7.6	Triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi) Luật số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội			
A.7.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Xây dựng Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Hội thảo trong nước	
A.7.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Tổ chức hội thảo, hội nghị, chương trình tập huấn		
A.7.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	Sơ kết, đánh giá 3 năm	Khảo sát trong nước Hội thảo trong nước Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.7.7	Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính			
A.7.7.1	Hoạt động 1: Phân tích dự báo và xây dựng mô hình	Xây dựng mô hình phân tích dự báo	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài - Hội thảo quốc tế - Hội thảo trong nước - Mua phần mềm - Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo ứng dụng phần mềm 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đánh giá đến tác động xã hội, bao gồm yếu tố giới cán bộ nữ - Ưu tiên nâng cao năng lực - Khuyến khích cán bộ đăng ký một số khoá học có liên quan của IMF, ADB, WB...
A.7.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá tác động chính sách	Xây dựng và lựa chọn phương pháp đánh giá tác động	<ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ 	
A.7.8	Đề án xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ theo dõi, giám sát và đánh giá bên vững nợ công			
A.7.8.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có	Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có; xây dựng quy trình dữ liệu		
A.7.8.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu	Xây dựng các phương án cho hệ thống cơ sở dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát nước ngoài - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài - Hội thảo trong nước - Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo ứng dụng phần mềm 	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.7.8.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua	Xây dựng chương trình và tổ chức triển khai thí điểm	Hội thảo trong nước - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.7.8.4	Hoạt động 4: Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về nợ công và nợ nước ngoài	Xây dựng chương trình và tổ chức triển khai		
A.7.9	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công			
A.7.9.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Quản lý nợ công	Đánh giá, tổng kết		
A.7.9.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật	Xây dựng Dự án Luật	- Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ - Hội thảo trong nước - Khảo sát quốc tế	
A.7.9.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Ban hành Nghị định, Thông tư hướng dẫn	Hội thảo trong nước	
A.7.9.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Xây dựng số tay hướng dẫn, chương trình tuyên truyền, phổ biến	- Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài	
A.7.9.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực thi Luật	Khảo sát, đánh giá		
A.8	Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính			
A.8.7	Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính			
A.8.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế	Đánh giá, tổng kết	- Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.8.8	Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính			
A.8.8.1	Hoạt động 1: Tổ chức công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính	Xây dựng số tay hướng dẫn, chương trình tuyên truyền, phổ biến	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức các hội nghị, hội thảo tuyên truyền, phổ biến Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo tiếp cận thông tin đến các đối tượng vùng sâu, vùng xa, người nghèo, phụ nữ và dân tộc thiểu số Ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ
A.8.9	Hệ thống Thông tin quản lý tài chính chính phủ - GFMS			
A.8.9.2	Hoạt động 2: Trình và phê duyệt mô hình và lộ trình triển khai xây dựng Hệ thống Thông tin quản lý tài chính chính phủ (GFMS)		Tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến	
A.8.9.3	Hoạt động 3: Chuẩn bị đầu tư (Giai đoạn trước khi triển khai)		<ul style="list-style-type: none"> Phản ứng và hạ tầng CNTT và truyền thông Chuyên gia tư vấn quản lý 	
A.8.9.4	Hoạt động 4: Thực hiện đầu tư (Giai đoạn triển khai)		<ul style="list-style-type: none"> Thiết kế hệ thống và phê duyệt Chi phí bảo trì trong 3 năm Chi phí học tập và đào tạo 	
A.8.10	Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025			
A.8.10.1	Hoạt động 1: Đánh giá kết quả triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2011 - 2015	Đánh giá, tổng kết	Tổ chức khảo sát trong nước	
A.8.10.2	Hoạt động 2: Phát triển tầm nhìn CNTT&TT và kế hoạch tổng thể về CNTT&TT của ngành Tài chính	Xây dựng bản kế hoạch tổng thể	<ul style="list-style-type: none"> Chuyên gia trong nước Chuyên gia nước ngoài 	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.8.10.3	Hoạt động 3: Phát triển khung kiến trúc tác nghiệp, ứng dụng, thông tin và hạ tầng cho ngành Tài chính	Xây dựng khung	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến - Đào tạo chuyên gia - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài; Phần mềm triển khai và ứng dụng - Tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến - Đào tạo chuyên gia 	
A.8.10.4	Hoạt động 4: Phát triển khung giám sát, quản lý CNTT&TT ngành Tài chính	Xây dựng khung	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước - Phần mềm triển khai và ứng dụng - Tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến - Đào tạo chuyên gia 	
A.8.10.5	Hoạt động 5: Đào tạo kỹ năng ứng dụng và nâng cao năng lực quản lý chiến lược và quản trị CNTT&TT ngành Tài chính	Xây dựng chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các chương trình đào tạo, chương trình tập huấn 	
A.8.11	Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá			
A.8.11.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có	Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có; xây dựng quy trình dữ liệu		

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.8.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu	Xây dựng các phương án cho hệ thống cơ sở dữ liệu	- Khảo sát nước ngoài - Chuyên gia trong nước - Chuyên gia nước ngoài - Hội thảo trong nước - Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo ứng dụng phần mềm	
A.8.11.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua tại một số đơn vị, địa phương	Xây dựng chương trình và tổ chức triển khai thí điểm	- Hội thảo trong nước - Tăng cường đào tạo năng lực cán bộ	
A.8.11.4	Hoạt động 4: Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	Xây dựng chương trình và tổ chức triển khai		
A.8.11.6	Hoạt động 6: Xây dựng dự thảo Thông tư quy định về cơ sở dữ liệu giá và chế độ báo cáo giá hàng hoá, dịch vụ và tài sản	Xây dựng dự thảo Thông tư	Hội thảo trong nước, chuyên gia trong nước	
A.8.12	Hiện đại hóa công tác quản lý công sản			
A.8.12.2	Hoạt động 2: Nâng cấp lần 1 phần mềm đăng ký quản lý TSNN hiện hành, mục đích cập nhật tất cả TSNN đủ điều kiện là TSCĐ tại khu vực hành chính sự nghiệp vào phần mềm	Nâng cấp phần mềm, xây dựng vấn bản hướng dẫn triển khai	Chuyên gia, tư vấn trong nước	
A.8.12.3	Hoạt động 3: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 2) để cập nhật TSNN là công trình cấp nước sạch nông thôn	- Xây dựng phần mềm - Triển khai nhập dữ liệu, kết nối dữ liệu	Chuyên gia, tư vấn trong nước	
A.8.12.4	Hoạt động 4: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 3) để cập nhật TSNN là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	- Xây dựng phần mềm - Triển khai nhập dữ liệu, kết nối dữ liệu	- Xây dựng cẩm nang hướng dẫn - Chuyên gia, tư vấn trong nước	

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
A.8.12.5	Hoạt động 5: Xây dựng dữ liệu đối với một số loại TSNN còn lại để kết nối vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN	- Xây dựng phần mềm - Triển khai nhập dữ liệu, kết nối dữ liệu	Chuyên gia, tư vấn trong nước	
A.8.12.6	Hoạt động 6: Nâng cấp trang thông tin điện tử về TSNN			
B.	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2020 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020			
B.1	Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 - 2020			
B.1.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết thực hiện Kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm 2011 - 2015	Đánh giá, tổng kết	- Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước - Hội thảo quốc tế	Có khảo sát, đánh giá tác động xã hội và giới
B.1.2	Hoạt động 2: Xây dựng khung cân đối NSNN 5 năm 2016 - 2020	Xây dựng kế hoạch tài chính ngân sách	- Hội thảo quốc tế - Hội thảo trong nước và hội thảo chuyên đề (tác động xã hội, giới...) - Khảo sát quốc tế - Chuyên gia quốc tế - Chuyên gia trong nước	Trong quá trình xây dựng có tính đến các vấn đề xã hội và giới
B.2	Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 - 2015 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 - 2020			
B.2.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 - 2015	Đánh giá, tổng kết	- Khảo sát trong nước - Hội thảo trong nước	Có khảo sát, đánh giá tác động xã hội và giới
B.2.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2016 - 2020	Xây dựng giải pháp	- Hội thảo quốc tế - Hội thảo trong nước và hội thảo chuyên đề (tác động xã hội, giới...) - Khảo sát quốc tế	Trong quá trình xây dựng có tính đến các vấn đề xã hội và giới

TT UT	Đề án/Hoạt động	Nguồn lực trong nước	Nguồn lực nước ngoài	Ghi chú
B.3	Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020			
B.3.1	Hoạt động 1: Đánh giá tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật giai đoạn 2011 - 2015 triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020	Đánh giá, tổng kết	- Hội thảo quốc tế - Hội thảo trong nước	Có tổng kết, đánh giá về vấn đề lồng ghép giới trong quá trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Ngành tài chính
B.3.2	Hoạt động 2: Xây dựng “Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020”	Xây dựng chương trình	Hội thảo trong nước	Trong quá trình xây dựng có tính đến các vấn đề xã hội và lồng ghép giới

BẢNG 4. KHUNG QUẢN LÝ RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TÀI LIỆU MTAP 2015 - 2017
(Ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
CÁC RỦI RO CHUNG						
(1)		Rủi ro về nguồn lực tài chính (BU)				<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước - Lên phương án thực hiện phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Lên chương trình xây dựng đề án phù hợp, tránh tạo ra áp lực tài chính trong một giai đoạn ngắn
(2)		Rủi ro về nguồn nhân lực, bao gồm số lượng và chất lượng nguồn nhân lực (HR)				<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phổi hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Có phương án dự phòng nguồn nhân lực thiếu hụt, nhân lực không đạt yêu cầu chất lượng - Có biện pháp động viên, khuyến khích tinh thần và vật chất phù hợp
(3)		Rủi ro do không nhận được sự đồng thuận của các bên có liên quan hoặc mâu thuẫn về lợi ích (SC)				<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp - Tiến hành phân tích tác động của các đề án đến các nhóm lợi ích khác nhau, xác định nhóm ưu tiên cụ thể đồng thời đề ra phương án thực hiện phù hợp thực tiễn - Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan
(4)		Rủi ro trong quá trình phối hợp thực hiện giữa các đơn vị liên quan (CO)				<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Nâng cao vị thế và tinh thần trách nhiệm của cơ quan điều phối - Quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị chủ trì và các đơn vị liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
(5)		Rủi ro do số liệu thiếu tính tin cậy và không đầy đủ (DT)				<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát - Tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu - Có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Áp dụng phương pháp thu thập và xử lý số liệu tiên tiến, phù hợp với thực tiễn
(6)		Rủi ro do đề án được ban hành không phù hợp với bối cảnh kinh tế hoặc thiếu hiệu lực pháp lý (FS)				<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế - Có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng sau khi văn bản pháp luật được ban hành - Tiến hành rà soát, xin ý kiến của các đơn vị liên quan; tránh trùng lặp, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật
A.	CÁC GIẢI PHÁP CỤ THỂ					
A.1	Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia					
A.1.8	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN					
A.1.8.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	Đã thực hiện				
A.1.8.2	Hoạt động 2: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN	Đã thực hiện				
A.1.8.3	Hoạt động 3: Ban hành Nghị định và Thông tư hướng dẫn	Đã thực hiện				

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.8.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	- SC - Mâu thuẫn giữa hạ thuế suất để tăng cường tính cạnh tranh của nền kinh tế và yêu cầu đảm bảo nguồn thu ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ chi	Cao trong giai đoạn đầu triển khai Luật	Cao trong giai đoạn đầu triển khai Luật	TCT, Vụ CST	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.1.8.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Cao	Trung bình	TCT, Vụ CST, Vụ HTQT, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương
A.1.9	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT					
A.1.9.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	Đã thực hiện				
A.1.9.2	Hoạt động 2: Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT	Đã thực hiện				
A.1.9.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Đã thực hiện				
A.1.9.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	- SC - Không đảm bảo lộ trình và cách thức thực hiện đồng nhất biểu thuế theo mục tiêu của Chiến lược Tài chính đến năm 2020	Trung bình	Cao	TCT, TCHQ, Vụ CST, Cục KHTC	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.9.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	BU, HR	Cao	Trung bình	TCT, TCHQ, Vụ CST, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.1.10 Luật Hải quan năm 2014						
A.1.10.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	Đã thực hiện				
A.1.10.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật Hải quan năm 2014	Đã thực hiện				
A.1.10.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Đã thực hiện				
A.1.10.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	<ul style="list-style-type: none"> - SC - Thiếu sự đồng bộ với các pháp luật có liên quan và mâu thuẫn giữa các đơn vị liên quan, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện 	Trung bình	Cao	TCHQ, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.1.10.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Cao	Trung bình	TCHQ, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.11	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế XK-NK					
A.1.11.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	BU, CO, DT, HR	Cao	Trung bình	TCHQ, Vụ CST, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.1.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế XK-NK	- CO; FS, HR, SC - Những tác động bất lợi từ quá trình hội nhập quốc tế	Cao	Trung bình	Vụ CST, TCHQ, Vụ PC, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án có đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nội riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Đánh giá, dự báo để xác định những bất lợi của quá trình hội nhập quốc tế để có phương án điều chỉnh kịp thời
A.1.11.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	CO, HR	Trung bình	Trung bình	TCHQ, Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.11.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	- SC - Hành vi gian lận trong áp mã tính thuế đối với một số mặt hàng XK-NK	Trung bình	Cao	TCHQ, Vụ CST, Cục KHTC	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Xây dựng hệ thống kiểm soát chặt chẽ trong áp mã tính thuế; có biện pháp chế tài xử lý đủ sức răn đe
A.1.11.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	TCHQ, Vụ CST, Vụ PC, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.1.12 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTDB						
A.1.12.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	Đã thực hiện				
A.1.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTDB	Đã thực hiện				
A.1.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	CO, HR	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.1.12.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	SC	Trung bình	Trung bình	TCT, TCHQ, Cục KHTC	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.12.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	TCT, Vụ TCHO, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.1.13	Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN					
A.1.13.1	Hoạt động 1: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	TCT, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.1.14	Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên					
A.1.14.1	Hoạt động 1: Xây dựng biểu thuế suất thuế tài nguyên	Đã thực hiện				
A.1.14.2	Hoạt động 2: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH về biểu thuế suất thuế tài nguyên	Đã thực hiện				
A.1.14.3	Hoạt động 3: Sơ kết, đánh giá 5 năm thực hiện Luật Thuế tài nguyên và thực	BU, CO, DT, HR	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, TCT, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thuế/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.14.4	Hoạt động 4: Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13	CO, FS, HR, SC	Trung bình	Thấp	Vụ CST, TCT, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.1.14.5	Hoạt động 5: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13					
A.1.15	Luật Phí, Lệ phí					
A.1.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá việc thực hiện Pháp lệnh phí, lệ phí	BU, CO, DT, HR	Cao	Trung bình	TCT, Vụ CST, Vụ HCSN, Cục TCDN, TCHQ, Vụ TCNH, Vụ HTQT,	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật	- CO, FS, HR, SC - Rủi ro trong xác định danh mục phí, lệ phí; khó khăn trong việc xác định thẩm quyền ban hành giữa Trung ương và địa phương	Cao	Cao	Cục KHTC Vụ CST, Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Rà soát để đảm bảo danh mục phí, lệ phí phù hợp với điều kiện và bối cảnh của Việt Nam, đồng thời đảm bảo lộ trình cải cách; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương
A.1.15.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	CO, HR	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.1.15.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	SC	Trung bình	Trung bình	TCT, Vụ CST, Vụ KHTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.15.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	TCT, Vụ CST, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.1.16 Xây dựng chính sách động viên từ đất đai						
A.1.16.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về thu tiền sử dụng đất	Đã thực hiện				
A.1.16.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định về tiền thuê đất, thuê mặt nước	Đã thực hiện				
A.1.16.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các thông tư, nghị định	- CO, FS - Sự thiếu đồng bộ về cơ sở dữ liệu dẫn đến việc phức tạp trong triển khai thực hiện	Trung bình	Cao	Cục QLCS, TCT	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường tuyên truyền, phổ biến Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan Tăng cường đầu tư để hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đất
A.1.16.4	Hoạt động 4: Triển khai thực hiện Đề án khai thác nguồn lực từ đất đai và TSNN	CO, HR	Trung bình	Trung bình	Cục QLCS, TCT	<ul style="list-style-type: none"> Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.1.17 Xây dựng Luật Thuế BĐS						
A.1.17.1	Hoạt động 1: Đánh giá chính sách thuế đối với BĐS	BU, CO, DT, HR	Cao	Trung bình	TCT, Vụ CST, Cục QLCS và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.17.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật và Nghị định quy định chi tiết	CO, FS, HR, SC	Cao	Trung bình	Vụ CST, Cục QLCS, Vụ PC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.1.17.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	CO, HR	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, TCT, Vụ PC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan Tăng cường tuyên truyền, phổ biến Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan Rà soát nhằm đảm bảo sự đồng bộ giữa các hệ thống văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.1.17.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	- SC - Rủi ro do tính nhạy cảm và sự thiếu đồng bộ trong triển khai thực hiện	Trung bình	Cao	Vụ CST, TCT và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường tuyên truyền, phổ biến Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan Rà soát nhằm đảm bảo sự đồng bộ giữa các hệ thống văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.1.17.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	TCT, Vụ CST và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.18	Đề án tổng kết, đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
A.1.18.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá 5 năm triển khai thực hiện Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	BU, CO, DT, HR	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, TCT, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phổi hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.1.18.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo	CO, FS, HR, SC	Trung bình	Thấp	Vụ CST, TCT, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phổi hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.1.19	Đề án tổng kết, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường					
A.1.19.1	Hoạt động 1: Tổng kết đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường	BU, CO, DT, HR	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, TCT, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phổi hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.1.19.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn tiếp theo	CO, FS, HR, SC	Trung bình	Thấp	Vụ CST, TCT và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đẩy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
Đề án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về Thuế						
A.1.20	Hoạt động 1: Xây dựng Dự án Luật và Nghị định quy định chi tiết	Đã thực hiện				
A.1.20.1	Hoạt động 2: Tổ chức thực hiện Luật	CO, HR	Trung bình	Trung bình	Vụ CST, TCT và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.2	Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia					
A.2.12	Luật NSNN (sửa đổi)					
A.2.12.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Luật	Đã thực hiện				

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.2.12.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật NSNN (sửa đổi)	Đã thực hiện	Cao	Cao	Vụ NSNN, Vụ PC Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ I, TCT, TCHQ, KBNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Tiến hành đánh giá tác động đầy đủ đối với các mặt mà Luật có thể liên quan tới; đối với những vấn đề dự kiến có những tác động rộng lớn cần tham khảo, lấy ý kiến rộng rãi trong xã hội, đặc biệt của các bên có liên quan
A.2.12.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	CO, HR	Trung bình	Trung bình	Vụ NSNN, Vụ PC Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ I, TCT, TCHQ, KBNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.2.12.4	Hoạt động 4: Tuyên truyền, phổ biến	SC	Trung bình	Trung bình	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.2.13	Cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước					
A.2.13.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định về quản lý ngân quỹ	FS	Cao	Thấp	KBNN	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường rà soát đối chiếu với hệ thống văn bản pháp luật có liên quan - Đánh giá tác động của Nghị định trong quá trình xây dựng và trình phê duyệt Nghị định - Xin ý kiến các đơn vị, bộ, ngành địa phương có liên quan để đảm bảo tính khả thi của Nghị định
A.2.13.2	Hoạt động 2: Xây dựng các Thông tư hướng dẫn và các hoạt động hỗ trợ phục vụ triển khai Nghị định	FS	Trung bình	Cao	KBNN	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường rà soát, đối chiếu với hệ thống văn bản pháp luật có liên quan - Đánh giá tác động của các thông tư trong quá trình xây dựng và trình phê duyệt - Xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan để đảm bảo tính khả thi của Thông tư
A.2.13.3	Hoạt động 3: Xây dựng tổ chức bộ máy và đào tạo nguồn nhân lực	HR	Trung bình	Trung bình	KBNN	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát kinh nghiệm quốc tế - Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ - Có cơ chế đãi ngộ phù hợp để giữ nguồn nhân lực có chất lượng
A.2.13.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị định	- Phổ biến tập huấn không hiệu quả dẫn đến việc không hoặc chậm triển khai thực hiện công tác cải cách quản lý ngân quỹ - Sơ kết, đánh giá không đầy đủ dẫn đến việc điều chỉnh nghị định, thông tư, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ không hiệu quả	Trung bình	Thấp	KBNN	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, tập huấn - Xác định rõ phạm vi, đa dạng hóa hình thức thu thập thông tin đánh giá, tăng cường chất lượng công tác tổng hợp thông tin, đánh giá

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.2.14	Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng TSNN					
A.2.14.1	Hoạt động 1: Đánh giá sơ kết 5 năm triển khai Luật Quản lý, sử dụng TSNN và đề xuất hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách	Chưa thực hiện do Quốc hội ưu tiên các Luật khác, vì vậy sẽ đăng ký vào chương trình họp Quốc hội năm 2016				
A.2.14.2	Hoạt động 2: Tham khảo kinh nghiệm quốc tế	Chưa thực hiện do Quốc hội ưu tiên các Luật khác, vì vậy sẽ đăng ký vào chương trình họp Quốc hội năm 2016				
A.2.14.3	Hoạt động 3: Hội thảo đề thảo luận về Báo cáo đánh giá thực trạng chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng TSNN	Chưa thực hiện do Quốc hội ưu tiên các Luật khác, vì vậy sẽ đăng ký vào chương trình họp Quốc hội năm 2016				
A.2.14.4	Hoạt động 4: Đăng ký vào chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng TSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật	SC	Cao	Thấp	Cục QLCS	- Cần rà soát kỹ nội dung trình cấp trên phải đảm bảo là văn bản cần ban hành giải quyết được thực tiễn vướng mắc đang gặp phải - Cử cán bộ hiểu biết về lĩnh vực và giới thuyết trình đi trình

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.2.14.5	Hoạt động 5: Xây dựng Dự án Luật	FS	Cao	Trung bình	Cục QLCS, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> Sâu sát ngay từ khâu xây dựng đề án, định kỳ kiểm tra tiến độ và chất lượng của đề án trong quá trình xây dựng, tổ chức hội thảo tham khảo ý kiến chuyên gia và dư luận về nội dung của Đề án Giao nhiệm vụ, quy trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận tham gia xây dựng đề án; Tổ chức các chương trình đào tạo về lý luận, pháp luật; tổng kết, rút kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ thiết kế và xây dựng đề án
A.2.14.6	Hoạt động 6: Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2009/NĐ-CP và tổ chức triển khai thực hiện					
A.2.15	Mô hình Tổng kế toán nhà nước					
A.2.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá, tổng kết việc thi hành kế toán nhà nước	Đã thực hiện				
A.2.15.2	Hoạt động 2: Xây dựng Mô hình Tổng kế toán nhà nước (về cơ chế chính sách)	<ul style="list-style-type: none"> - FS - Rủi ro đây là vấn đề mới, phức tạp, phạm vi ảnh hưởng lớn 	Cao	Cao	KBNN, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> Sâu sát ngay từ khâu xây dựng đề án, định kỳ kiểm tra tiến độ và chất lượng của đề án trong quá trình xây dựng, tổ chức hội thảo tham khảo ý kiến chuyên gia và dư luận về nội dung của Đề án Giao nhiệm vụ, quy trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận tham gia xây dựng đề án Tổ chức các chương trình đào tạo về lý luận, pháp luật; tổng kết, rút kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ thiết kế và xây dựng đề án Tăng cường nghiên cứu phương pháp luận phù hợp, học tập kinh nghiệm quốc tế đối với vấn đề có liên quan; trong quá trình xây dựng, đề cao công tác đánh giá tác động đối với các đối tượng thụ hưởng và đối tượng chịu tác động, xây dựng các phương án khác nhau nhằm xin ý kiến rộng rãi trong xã hội và các bên liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.2.15.3	Hoạt động 3: Xây dựng khung pháp lý để thực hiện chức năng Tổng kế toán nhà nước	- FS - Rủi ro đây là vấn đề mới, phức tạp, phạm vi ảnh hưởng lớn	Cao	Cao	KBNN, Cục KHTC	- Sâu sát ngay từ khâu xây dựng đề án, định kỳ kiểm tra tiến độ và chất lượng của đề án trong quá trình xây dựng, tổ chức hội thảo tham khảo ý kiến chuyên gia và dự luận về nội dung của Đề án - Giao nhiệm vụ, quy trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận tham gia xây dựng đề án - Tổ chức các chương trình đào tạo về lý luận, pháp luật; tổng kết, rút kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ thiết kế và xây dựng đề án - Tăng cường nghiên cứu phương pháp luận phù hợp, học tập kinh nghiệm quốc tế đối với vấn đề có liên quan; trong quá trình xây dựng, đề cao công tác đánh giá tác động đối với các đối tượng thụ hưởng và đối tượng chịu tác động, xây dựng các phương án khác nhau nhằm xin ý kiến rộng rãi trong xã hội và các bên liên quan
A.2.15.4	Hoạt động 4: Tổ chức bộ máy và hệ thống thông tin	BU, HR	Trung bình	Thấp	KBNN, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ trong và ngoài nước - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo
A.2.16	Đánh giá 2 năm triển khai thực hiện Luật Giá					
A.2.16.1	Hoạt động 1: Đánh giá, tổng kết việc thi hành Pháp lệnh giá	Đã thực hiện				
A.2.16.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật Giá	Đã thực hiện				
A.2.16.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Đã thực hiện				
A.2.16.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	Đã thực hiện				

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.2.16.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	Cục QLGS Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.3	Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công					
A.3.5	Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập					
A.3.5.1	Hoạt động 1: Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Tổng kết, đánh giá Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006)	Đã thực hiện				
A.3.5.2	Hoạt động 2: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ	Đã thực hiện				

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.3.5.3	Hoạt động 3: Ban hành Thông tư hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện	CO, FS	Trung bình	Trung bình	Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.3.6	Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác					
A.3.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá hệ thống chính sách về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	Đã thực hiện				
A.3.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định	- CO; FS; HR; SC - Rủi ro do có sự phân hóa, khác biệt về đặc thù giữa các ngành, lĩnh vực, vùng miền khiến cho Nghị định khó đảm bảo tính toàn diện, bao trùm trong quá trình áp dụng	Cao	Cao	Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án đẩy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Gắn với tình hình, đặc điểm trong và ngoài nước và tùy thuộc từng thời kỳ để điều chỉnh thứ tự ưu tiên các hoạt động nói riêng và Đề án nói chung một cách kịp thời, đồng thời chọn thời điểm ban hành phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Xem xét khả năng ứng dụng của Nghị định đối với các đối tượng thụ hưởng khác nhau, sớm tìm ra những điểm bất hợp lý, tiến hành sửa đổi kịp thời, cân đối giữa mục tiêu cải cách và nhiệm vụ cần đảm bảo của các đơn vị chịu tác động

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.3.6.3	Hoạt động 3: Ban hành Thông tư hướng dẫn, tổ chức thực hiện	CO, FS	Trung bình	Trung bình	Vụ HCSN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.4	Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN					
A.4.6	Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp					
A.4.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá thực trạng chính sách, pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp	Đã thực hiện				
A.4.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự thảo Luật	Đã thực hiện				
A.4.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	CO, HR	Trung bình	Trung bình	Cục TCDN, VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.4.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	Cục TCDN, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.4.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	Cục TCDN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.4.7	Thí điểm chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành công ty cổ phần					
A.4.7.1	Hoạt động 1: Đánh giá thực trạng cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa	Đã thực hiện				
A.4.7.2	Hoạt động 2: Xây dựng nội dung và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tập đoàn, tổng công ty khi cổ phần hóa	- FS, HR - Rủi ro do không nhận được sự đồng thuận hoặc không phù hợp với điều kiện thực tế của các đơn vị thụ hưởng	Cao	Cao	Cục TCDN, Cục KHTC, Ban soạn thảo Quyết định	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Trong quá trình xây dựng, đề cao mục tiêu cải cách, đảm bảo lợi ích chính đáng, hợp lý của các đối tượng có liên quan; xây dựng cơ chế phù hợp và có lộ trình đảm bảo tính hiệu lực trong quá trình thực hiện
A.4.7.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	CO, HR	Trung bình	Trung bình	Cục TCDN, Cục KHTC	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.4.7.4	Hoạt động 4: Đánh giá sơ kết 02 năm thực hiện Quyết định	SC	Trung bình	Trung bình	Cục TCDN, Cục KHTC	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.5	Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính					
A.5.12	Phát triển TTCK phái sinh					
A.5.12.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị định và chứng khoán phái sinh và TTCK phái sinh	- FS, HR, SC - Rủi ro do điều kiện thị trường trong nước chưa phù hợp, hệ thống các định chế tài chính phát triển chưa hoàn thiện	Trung bình	Cao	UBCKNN	- Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Tăng cường rà soát hồ sơ, đảm bảo sự đồng bộ và cơ sở pháp lý của văn bản - Trong quá trình xây dựng, chú trọng nghiên cứu các điều kiện đảm bảo sự phát triển của TTCK phái sinh; xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, pháp luật cần thiết
A.5.12.2	Hoạt động 2: Tổ chức triển khai, ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định	CO, FS	Trung bình	Trung bình	UBCKNN	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.5.12.3	Hoạt động 3: Sơ kết 2 năm thực thi Nghị định	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	UBCKNN	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.5.13	Quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm					
A.5.13.1	Hoạt động 1: Xây dựng Nghị	Đã thực hiện				

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
	định quy định về thành lập và hoạt động của tổ chức định mức tín nhiệm					
A.5.13.2	Hoạt động 2: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định	SC	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.5.13.3	Hoạt động 3: Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch dịch vụ xếp hạng tín nhiệm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	- FS, HR, SC - Rủi ro do điều kiện thị trường trong nước chưa phù hợp, hệ thống các định chế tài chính phát triển chưa hoàn thiện	Trung bình	Cao	Vụ TCNH, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Tăng cường rà soát hồ sơ, đảm bảo sự đồng bộ và cơ sở pháp lý của văn bản - Trong quá trình xây dựng, chú trọng nghiên cứu các điều kiện đảm bảo sự phát triển của thị TTCK phái sinh; xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, pháp luật cần thiết
A.5.13.4	Hoạt động 4: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm cho các doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 88/2014/NĐ-CP và quy hoạch phát triển dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	CO, FS	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.5.13.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện Nghị định	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	Vụ TCNH, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.5.14 Hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện						
A.5.14.1	Hoạt động 1: Xây dựng Đề án hình thành và phát triển Chương trình hưu trí tự nguyện	Đã thực hiện			Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	
A.5.14.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định về Quỹ hưu trí tự nguyện	FS, HR, SC	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Tăng cường rà soát hồ sơ, đảm bảo sự đồng bộ và cơ sở pháp lý của văn bản
A.5.14.3	Hoạt động 3: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định	CO, FS	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.5.14.4	Hoạt động 4: Sơ kết 2 năm triển khai Nghị định	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.5.15 Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý TTCK						
A.5.15.1	Hoạt động 1: Đánh giá vai trò, vị trí, chức năng	- BU, CO, DT, HR - Phụ thuộc vào quan điểm của Chính phủ	Cao	Trung bình	UBCKNN Vụ TCNH và các đơn	- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
	nhiệm vụ của UBCKNN giai đoạn trước khi ban hành Luật Chứng khoán (sửa đổi)	và tiến trình sửa đổi Luật Chứng khoán			vi liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Tăng cường tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan liên quan; tạo điều kiện, theo dõi chặt chẽ tiến trình xây dựng Luật Chứng khoán (sửa đổi)
A.5.15.2	Hoạt động 2: Kiện toàn tổ chức nâng cao vị thế của UBCKNN trong hoạt động quản lý TTCK	BU, CO, HR, SC	Trung bình	Trung bình	UBCKNN, Vụ TCNH và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường nâng cao năng lực của tổ chức, hoàn thiện cơ sở pháp lý về vai trò vị thế của UBCKNN, rà soát về chức năng nhiệm vụ và mô hình quản lý để phù hợp với thực tiễn và yêu cầu trong quản lý. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài
A.5.16	Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán					
A.5.16.1	Hoạt động 1: Đánh giá, tổng kết việc thực hiện các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kiểm toán	BU, CO, DT, HR	Cao	Trung bình	Vụ CDKT, Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.5.16.2	Hoạt động 2: Cập nhật, hoàn thiện và bổ sung Hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp, Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	- CO, FS, HR, SC - Rủi ro từ lộ trình, cách thức, biện pháp áp dụng	Trung bình	Thấp	Vụ HTQT, Cục KHTC, Vụ CDKT	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Trong quá trình xây dựng, đề ra các phương án khác nhau phù hợp với những điều kiện, mục tiêu khác nhau; tham khảo, lấy ý kiến rộng rãi trong xã hội, đặc biệt là của các đối tượng trực tiếp thụ hưởng và bị tác động; đảm bảo các điều kiện, nhân lực để tiến hành các chương trình phổ biến có hiệu quả
A.5.16.3	Hoạt động 3: Tuyên truyền, phổ biến	SC	Trung bình	Trung bình	Vụ CDKT, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.5.17	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán					
A.5.17.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Kế toán	BU, CO, DT, HR	Cao	Trung bình	Vụ CDKT, Vụ PC, Cục TCDN, Vụ TCNH, Cục QL&GSBH, TCT, Cục KHTC, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyên chọn tư vấn trong và ngoài nước - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.5.17.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán	- CO, FS, HR, SC - Rủi ro đến từ phạm vi tác động rộng của Luật, mức độ phức tạp trong hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan	Trung bình	Thấp	Vụ CDKT, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Tiến hành đánh giá tác động đầy đủ ở nhiều mặt và đối với nhiều đối tượng chịu tác động khác nhau; rà soát nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống văn bản có liên quan
A.5.17.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	CO, HR	Trung bình	Trung bình	Vụ CDKT, Cục KHTC	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến
A.5.17.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	CO, BU, HR, SC	Trung bình	Trung bình	Vụ CDKT, Cục KHTC	- Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương
A.5.17.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực thi Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	Vụ CDKT, Cục KHTC	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.5.19	Luật Chứng khoán (sửa đổi)					
A.5.19.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán	BU, CO, DT, HR	Cao	Trung bình	UBCKNN và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước; đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.5.19.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật	<ul style="list-style-type: none"> - CO, FS, SC - Rủi ro đến từ phạm vi tác động rộng của Luật, mức độ phức tạp trong hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan 	Trung bình	Thấp	UBCKNN và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Tiến hành đánh giá tác động đầy đủ ở nhiều mặt và đối với nhiều đối tượng chịu tác động khác nhau; rà soát nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống văn bản có liên quan
A.5.19.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	CO, HR	Trung bình	Trung bình	UBCKNN và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.5.19.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	BU, CO, HR, SC	Trung bình	Trung bình	UBCKNN và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương
A.5.19.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực thi Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	UBCKNN và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.5.20	Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi)					
A.5.20.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm	BU, CO, DT, HR	Cao	Trung bình	Cục QL&GSBH và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.5.20.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật	- CO, FS, HR, SC - Rủi ro đến từ phạm vi tác động rộng của Luật, mức độ phức tạp trong hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan	Trung bình	Thấp	Cục QL&GSBH và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lắng ý kiến của các bên liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
						<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Tiến hành đánh giá tác động đầy đủ ở nhiều mặt và đối với nhiều đối tượng chịu tác động khác nhau; rà soát nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống văn bản có liên quan
A.5.20.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	CO, HR	Trung bình	Trung bình	Cục QL&GSBH và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.5.20.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	BU, CO, HR, SC	Trung bình	Trung bình	Cục QL&GSBH và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương
A.5.20.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	Cục QL&GSBH và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.5.21	Phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp					
A.5.21.1	Hoạt động 1: Đánh giá quá trình triển khai Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	UBCKNN	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.5.21.2	Hoạt động 2: Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 90/2011/NĐ-CP	- FS, HR, SC - Rủi ro do điều kiện thị trường trong nước chưa phù hợp, hệ thống các định chế tài chính phát triển chưa hoàn thiện	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Tăng cường rà soát hồ sơ, đảm bảo sự đồng bộ và cơ sở pháp lý của văn bản - Trong quá trình xây dựng, chú trọng nghiên cứu các điều kiện đảm bảo sự phát triển của TTCK phái sinh; xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, pháp luật cần thiết
A.5.21.3	Hoạt động 3: ô chức tuyên truyền, phổ biến Nghị định	CO, FS	Thấp	Trung bình	UBCKNN	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.5.22	Hoàn thiện cơ chế chính sách đối với các ngân hàng chính sách					
A.5.22.1	Hoạt động 1: Hoàn thiện Nghị định thay thế Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu và triển khai thực hiện	- FS, HR, SC - Rủi ro do điều kiện thị trường trong nước chưa phù hợp, hệ thống các định chế tài chính phát triển chưa hoàn thiện	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án có đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Tăng cường rà soát hồ sơ, đảm bảo sự đồng bộ và cơ sở pháp lý của văn bản - Trong quá trình xây dựng, chú trọng nghiên cứu các điều kiện đảm bảo sự phát triển của TTCK phái sinh; xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, pháp luật cần thiết
A.5.22.2	Hoạt động 2: Xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	- FS, HR, SC - Rủi ro do điều kiện thị trường trong nước chưa phù hợp, hệ	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
	ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động, hướng dẫn cơ chế tài chính và quy chế xử lý nợ của NHPTVN và triển khai thực hiện	thống các định chế tài chính phát triển chưa hoàn thiện				<ul style="list-style-type: none"> áp dụng - Tăng cường rà soát hồ sơ, đảm bảo sự đồng bộ và cơ sở pháp lý của văn bản - Trong quá trình xây dựng, chú trọng nghiên cứu các điều kiện đảm bảo sự phát triển của TTCK phái sinh; xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, pháp luật cần thiết
A.5.22.3	Hoạt động 3: Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và triển khai thực hiện	- FS, HR, SC - Rủi ro do điều kiện thị trường trong nước chưa phù hợp, hệ thống các định chế tài chính phát triển chưa hoàn thiện	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Tăng cường rà soát hồ sơ, đảm bảo sự đồng bộ và cơ sở pháp lý của văn bản - Trong quá trình xây dựng, chú trọng nghiên cứu các điều kiện đảm bảo sự phát triển của TTCK phái sinh; xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, pháp luật cần thiết
A.5.22.4	Hoạt động 4: Xây dựng Quyết định thay thế Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng về cơ chế tài chính của NHCSXH và Thông tư thay thế thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01/4/2005	- FS, HR, SC - Rủi ro do điều kiện thị trường trong nước chưa phù hợp, hệ thống các định chế tài chính phát triển chưa hoàn thiện	Trung bình	Trung bình	Vụ TCNH	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Xây dựng đề án có đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Tăng cường rà soát hồ sơ, đảm bảo sự đồng bộ và cơ sở pháp lý của văn bản - Trong quá trình xây dựng, chú trọng nghiên cứu các điều kiện đảm bảo sự phát triển của TTCK phái sinh; xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, pháp luật cần thiết

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.5.22.5	<p>của Bộ Tài chính hướng dẫn Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg về cơ chế tài chính của NHCSXH</p> <p>Hoạt động 5: Tổng kết, đánh giá một số chính sách đối với các ngân hàng phát triển</p>	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	Vụ TCNH	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.6	Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính					
A.6.2	Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế					
A.6.2.1	<p>Hoạt động 1: Đánh giá, tổng kết việc thực hiện các cam kết</p>	BU, CO, DT, HR	Cao	Trung bình	Vụ HTQT và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.6.2.2	<p>Hoạt động 2: Đề xuất các giải pháp tiếp theo để thực hiện cam kết trong giải đoạn mới</p>	CO, FS, HR, SC	Trung bình	Thấp	Vụ HTQT và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.6.2.3	Hoạt động 3: Triển khai thực hiện các giải pháp được đưa ra và sơ kết đánh giá	BU, CO, DT, HR, SC	Trung bình	Trung bình	Vụ HTQT và các đơn vị liên quan	<p>cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp. Trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.7	Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia					
A.7.6	Triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)					
A.7.6.1	Hoạt động 1: Đánh giá triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2005	Đã thực hiện				
A.7.6.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)	Đã thực hiện				
A.7.6.3	Hoạt động 3: Tổ chức thực hiện Luật	Đã thực hiện				

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.7.6.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	SC	Trung bình	Trung bình	Vụ PC, Cục KHTC	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường tuyên truyền, phổ biến Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan
A.7.6.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	Vụ PC, VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.7.7	Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính					
A.7.7.1	Hoạt động 1: Phân tích, dự báo và xây dựng mô hình	BU, CO, DT, FS, HR	Cao	Trung bình	Viện CL&CSTC, Cục TH&TKTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo; có chính sách thu hút nhân tài trong lĩnh vực có liên quan Xây dựng mô hình đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu quả trong áp dụng Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án xây dựng mô hình phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu
A.7.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá tác động chính sách	BU, CO, DT, FS, HR	Cao	Trung bình	Viện CL&CSTC, Cục TH&TKTC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan Thực hiện đánh giá đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu quả trong áp dụng; thực hiện giám sát chặt chẽ các bước trong toàn bộ quá trình

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.7.8	Đề án xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ theo dõi, giám sát và đánh giá bền vững môi trường công					
A.7.8.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có	Đã thực hiện				
A.7.8.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở dữ liệu	- CO, FS, HR - Hệ thống cơ sở hạ tầng không đáp ứng	Cao	Trung bình	Cục QLN&TCĐN, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phù hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng, có khả năng nâng cấp cho phù hợp với sự phát triển nâng cấp của hệ thống cơ sở hạ tầng - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.7.8.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm phương án được thông qua	- Không nhận được sự đồng thuận phối hợp của các đơn vị thụ hưởng - Kết quả thí điểm không đạt yêu cầu	Trung bình	Cao	Cục QLN&TCĐN, Cục TH&TKTC, các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan	- Tăng cường cơ chế phối hợp và nâng cao tính khả thi, tính hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan - Nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở dữ liệu ngay từ khâu xây dựng; không ngừng hoàn thiện và nâng cấp trong quá trình thực hiện thí điểm - Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ là đối tượng thụ hưởng trước và trong khi thực hiện
A.7.8.4	Hoạt động 4: Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về nợ công và nợ nước ngoài	- Không nhận được sự đồng thuận phối hợp của các đơn vị thụ hưởng - Kết quả áp dụng không đạt yêu cầu - Hệ thống cơ sở hạ tầng không đáp ứng	Cao	Cao	Cục QLN&TCĐN, Cục TH&TKTC, các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan	- Tăng cường cơ chế phối hợp và nâng cao tính khả thi, tính hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan - Nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở dữ liệu ngay từ khâu xây dựng; thông qua thí điểm áp dụng, khắc phục kịp thời những bất cập; không ngừng hoàn thiện và nâng cấp trong quá trình thực hiện - Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ là đối tượng thụ hưởng trước và trong khi thực hiện - Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phù hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng, có khả năng nâng cấp cho phù hợp với sự phát triển nâng cấp của hệ thống cơ sở hạ tầng

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.7.8.5	Hoạt động 5: Sơ kết 5 năm thực hiện	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	Cục QLN& TCDN, Cục TH&TKTC, các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.7.9	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công					
A.7.9.1	Hoạt động 1: Tổng kết việc triển khai thực hiện Luật Quản lý nợ công	BU, CO, DT, HR	Cao	Trung bình	Cục QLN& TCDN và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.7.9.2	Hoạt động 2: Xây dựng Dự án Luật	- CO, FS, HR, SC - Rủi ro đến từ phạm vi tác động rộng của Luật, mức độ phức tạp trong hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan	Trung bình	Thấp	Cục QLN& TCDN và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.7.9.3	Hoạt động 3: ổ chức thực hiện Luật	CO, HR	Trung bình	Trung bình	Cục QLN&TCĐN và các đơn vị liên quan	- Tiến hành đánh giá tác động đầy đủ ở nhiều mặt và đối với nhiều đối tượng chịu tác động khác nhau; rà soát nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống văn bản có liên quan
A.7.9.4	Hoạt động 4: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật	BU, CO, HR, SC	Trung bình	Trung bình	Cục QLN&TCĐN và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương
A.7.9.5	Hoạt động 5: Sơ kết 3 năm thực hiện Luật	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	Cục QLN&TCĐN và các đơn vị liên quan	- Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát
A.8	Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính					
A.8.7	Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính					
A.8.7.1	Hoạt động 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế	Đã thực hiện				
A.8.7.2	Hoạt động 2: Đánh giá 3 năm triển khai thực	BU, CO, DT, HR	Trung bình	Trung bình	Vụ PC và các đơn vị liên quan	- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
	hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế					<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.8.8	Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính					
A.8.8.1	Hoạt động 1: Tổ chức công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách, pháp luật tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - BU, CO, HR, SC - Cách thức tổ chức tuyên truyền không phù hợp, thiếu hiệu quả, không phù hợp với đối tượng thụ hưởng 	Trung bình	Trung bình	Vụ PC, VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Xây dựng các chương trình tuyên truyền phù hợp với thực tiễn, trình độ, năng lực, nhu cầu của đối tượng thụ hưởng, đồng thời đảm bảo tính hiệu quả, phù hợp với các nguồn lực hiện có
A.8.9	Hệ thống Thông tin Quản lý Tài chính Chính phủ - GFMS					
A.8.9.2	Hoạt động 2: Trình và phê duyệt mô hình và lộ trình triển khai xây dựng Hệ thống thông tin quản lý Tài chính công (GFMS)	Đã thực hiện				

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.8.9.3	Hoạt động 3: Chuẩn bị đầu tư (Giai đoạn trước khi triển khai)	Đã thực hiện				
A.8.9.4	Hoạt động 4: Thực hiện đầu tư (Giai đoạn triển khai)	<ul style="list-style-type: none"> - Không nhận được sự đồng thuận phối hợp của các đơn vị thụ hưởng - Kết quả thí điểm không đạt yêu cầu mong đợi - Hệ thống công nghệ cao nhưng phức tạp dẫn đến người dùng không sử dụng hệ thống 	Trung Bình	Trung Bình	Cục TH&TKTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường cơ chế phối hợp và nâng cao tính khả thi, tính hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan - Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin ngay từ khâu xây dựng; không ngừng hoàn thiện và nâng cấp trong quá trình thực hiện thí điểm - Dự án nên hướng tới yêu cầu nghiệp vụ hơn là yêu cầu về công nghệ và nên chú trọng vào tính đơn giản, dễ sử dụng
A.8.10	Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025					
A.8.10.1	Hoạt động 1: Đánh giá kết quả triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2011 - 2015	Đã thực hiện				
A.8.10.2	Hoạt động 2: Phát triển tầm nhìn CNTT&TT và kế hoạch tổng thể về CNTT&TT của ngành Tài chính	Đã thực hiện				

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.8.10.3	Hoạt động 3: Phát triển khung kiến trúc tác nghiệp, ứng dụng, thông tin và hạ tầng cho ngành Tài chính	- CO, FS, HR - Các bên liên quan không thể hiện sự quan tâm nhiều đến kiến trúc ứng dụng CNTT Bộ Tài chính	Trung Bình	Trung Bình	Cục TH&TKTC và các đơn vị liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Cần liên tục tham khảo ý kiến các bên liên quan và tất cả ý kiến cần được thảo luận để đưa ra quyết định - Việc định hướng triển khai theo công nghệ cần phù hợp với hiện trạng của ngành, tận dụng tối đa nguồn lực đã đầu tư; chú trọng vào tính đơn giản, dễ sử dụng - Nên lựa chọn công nghệ dựa trên các yêu cầu nghiệp vụ và các kỹ năng
A.8.10.4	Hoạt động 4: Phát triển khung giám sát, quản lý CNTT&TT ngành Tài chính	- Hệ thống công nghệ cao nhưng phức tạp - Công nghệ không phù hợp	Trung Bình	Trung Bình	Cục TH&TKTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Việc định hướng triển khai theo công nghệ cần phù hợp với hiện trạng của ngành, tận dụng tối đa nguồn lực đã đầu tư; chú trọng vào tính đơn giản, dễ sử dụng
A.8.10.5	Hoạt động 5: Đào tạo kỹ năng ứng dụng và nâng cao năng lực quản lý chiến lược và quản trị CNTT&TT ngành Tài chính	- CO, FS - Hệ thống công nghệ cao nhưng phức tạp	Trung Bình	Trung Bình	Cục TH&TKTC và các đơn vị liên quan	- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến - Chú trọng hài hòa lợi ích của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bên có liên quan - Việc định hướng triển khai theo công nghệ cần phù hợp với hiện trạng của ngành, tận dụng tối đa nguồn lực đã đầu tư; chú trọng vào tính đơn giản, dễ sử dụng
A.8.11	Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá					
A.8.11.1	Hoạt động 1: Rà soát cơ sở dữ liệu hiện có	Đã thực hiện				
A.8.11.2	Hoạt động 2: Xây dựng phần mềm, hệ thống cơ sở	Đã thực hiện				

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
	dữ liệu					
A.8.11.3	Hoạt động 3: Áp dụng thí điểm, phương án được thông qua tại một số đơn vị, địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Không nhận được sự đồng thuận phối hợp của các đơn vị thụ hưởng - Kết quả thí điểm không đạt yêu cầu mong đợi - Nguồn nhân lực của địa phương không đáp ứng 	Trung bình	Cao	<p>Cục QLGC, Cục TH&TKTC, Cục KHHC, các bộ, ngành và địa phương liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường cơ chế phối hợp và nâng cao tính khả thi, tính hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan - Nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở dữ liệu ngay từ khâu xây dựng; không ngừng hoàn thiện và nâng cấp trong quá trình thực hiện thí điểm - Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ là đối tượng thụ hưởng trước và trong khi thực hiện
A.8.11.4	Hoạt động 4: Áp dụng rộng rãi cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	<ul style="list-style-type: none"> - Không nhận được sự đồng thuận phối hợp của các đơn vị thụ hưởng - Kết quả áp dụng không đạt yêu cầu mong đợi - Nguồn nhân lực của địa phương không đáp ứng - Hệ thống cơ sở hạ tầng không đáp ứng 	Cao	Cao	<p>Cục QLGC, Cục TH&TKTC, Cục KHHC, các bộ, ngành và địa phương liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường cơ chế phối hợp và nâng cao tính khả thi, tính hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan - Nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở dữ liệu ngay từ khâu xây dựng - Thông qua thí điểm áp dụng, khắc phục kịp thời những bất cập; không ngừng hoàn thiện và nâng cấp trong quá trình thực hiện - Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ là đối tượng thụ hưởng trước và trong khi thực hiện - Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phù hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng, có khả năng nâng cấp cho phù hợp với sự phát triển nâng cấp của hệ thống cơ sở hạ tầng
A.8.11.5	Hoạt động 5: Sơ kết 2 năm thực hiện	BU, DT, HR	Thấp	Trung bình	<p>Cục QLGC, Cục KHHC, các bộ, ngành và địa phương liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường vận động tài trợ từ bên ngoài - Đề cao nguồn lực tại chỗ; tăng cường nguồn lực phối hợp từ các bộ, ngành, địa phương - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.8.11.6	Hoạt động 6: Xây dựng dự thảo Thông tư quy định về cơ sở dữ liệu về giá và chế độ báo cáo giá hàng hóa, dịch vụ và tài sản					
A.8.12	Hiện đại hóa công tác quản lý công sản					
A.8.12.1	Hoạt động 1: Rà soát, chuẩn hóa Cơ sở dữ liệu quốc gia hiện có	Đã thực hiện				
A.8.12.2	Hoạt động 2: Nâng cấp lần 1 phần mềm đăng ký quản lý TSNN hiện hành: Cập nhật tất cả TSNN đủ điều kiện là TSCĐ tại khu vực hành chính sự nghiệp vào phần mềm	Đã thực hiện				
A.8.12.3	Hoạt động 3: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 2) để cập nhật TSNN là công trình cấp nước sạch nông thôn	Đã thực hiện				

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
A.8.12.4	Hoạt động 4: Nâng cấp, xây dựng phần mềm (lần 3) để cập nhật TSNN là công trình kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	CO, FS, HR	Cao	Trung bình	Cục QLCS, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị, địa phương liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.8.12.5	Hoạt động 5: Xây dựng dữ liệu đối với một số loại TSNN còn lại để kết nối vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN	CO, FS, HR	Cao	Trung bình	Cục QLCS, Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị, địa phương có liên quan	- Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
A.8.12.6	Hoạt động 6: Nâng cấp trang thông tin điện tử về TSNN					
B.	ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2015 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020					
B.1	Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2016 - 2020					
B.1.1	Hoạt động 1: Đánh giá, tổng kết thực hiện Kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm 2011 - 2015	BU, CO, DT, HR	Trung bình	Trung bình	Vụ NSNN, các đơn vị liên quan	- Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
B.1.2	Hoạt động 2: Xây dựng khung căn đối NSNN 5 năm 2016 - 2020					
B.2	Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 - 2015 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 - 2020					
B.2.1	Hoạt động 1: Tổng kết, đánh giá triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 - 2015	BU, CO, DT, HR	Trung bình	Trung bình	Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan
B.2.2	Hoạt động 2: Đề xuất giải pháp thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2016 - 2020	CO, FS, HR, SC	Trung bình	Thấp	Viện CL&CSTC, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan

STT	Đề án/Hoạt động	Rủi ro	Tác động	Khả năng xảy ra	Trách nhiệm quản lý rủi ro	Các biện pháp kiểm soát rủi ro
B.3	Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 (Phục vụ Quốc hội nhiệm kỳ XIV)					
B.3.1	Hoạt động 1: Đánh giá, tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật giai đoạn 2011 - 2015 triển khai thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020	- BU, CO, DT, HR - Chương trình gắn với các định hướng lớn về cải cách thể chế	Trung bình	Trung bình	Vụ PC, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thuê/Tuyển chọn tư vấn trong và ngoài nước - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Đề cao nguồn lực tại chỗ; nguồn lực phối hợp - Tăng cường vận động các nguồn lực trong và ngoài nước; lên phương án thực hiện đánh giá phù hợp, hiệu quả và tiết kiệm chi phí - Đảm bảo quy mô, chất lượng điều tra, khảo sát; tăng cường cơ chế phối hợp với các đơn vị cung cấp số liệu; có phương án dự phòng và kiểm tra độ xác thực của số liệu - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan - Xây dựng chương trình dựa trên các định hướng cải cách thể chế của Chính phủ, đồng thời có định hướng, yêu cầu rõ ràng trong quá trình xây dựng
B.3.2	Hoạt động 2: Xây dựng “Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020”	CO, FS, HR, SC	Trung bình	Thấp	Vụ PC, các đơn vị liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đề cao nguồn lực tại chỗ, nguồn lực phối hợp - Tăng cường công tác đào tạo và tự đào tạo - Nghiên cứu đầy đủ phương pháp luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế, có hệ thống đảm bảo tính thực thi và hiệu lực áp dụng - Dựa vào điều kiện thực tế, bối cảnh trong nước, thông lệ và các cam kết quốc tế để xây dựng các đề xuất sao cho phù hợp; trong quá trình xây dựng, không ngừng tham khảo, lấy ý kiến của các bên liên quan - Tăng cường cơ chế phối hợp thường xuyên và tạm thời giữa các bên có liên quan

BẢNG 5. CÁC ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2020
(theo Quyết định số 224/QĐ-BTC và rà soát bổ sung mới)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm		
					Chủ trì	Phối hợp	
A.		CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN					
A.1		Nhóm giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia					
A.1.1	03	Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Đã hoàn thành chiến lược, triển khai thực hiện chiến lược - Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011 - 2020 	2011 - 2020	TCT	Vụ CST, Cục KHTC, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan	
A.1.2	04	Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Đã hoàn thành chiến lược, triển khai thực hiện chiến lược - Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Hải quan đến năm 2020 	2011 - 2020	TCHQ	Vụ CST, Cục KHTC, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan	
A.1.3	05	Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	<ul style="list-style-type: none"> - Đã hoàn thành chiến lược, triển khai thực hiện chiến lược - Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 27/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 	2012 - 2020	Cục QL&TCDN	Vụ NSNN, Vụ ĐT, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan	
A.1.4	06	Luật Thuế TNCN	<ul style="list-style-type: none"> - Đã hoàn thành, triển khai thực hiện Luật - Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN 	2011 - 2012	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan	

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.1.5	14	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện Luật - Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế	2012 - 2013	TCT	TCHQ, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.6	16	Quyết định triển khai hạ tầng cơ sở	Đang hoàn thiện	2012 - 2013	Vụ TCNH	Cục QLN&TCĐN, Vụ ĐT, Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.1.7	17	Khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai TSNN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020	- Đã hoàn thành các nghị định về chính sách tài chính đất đai - Tiếp tục xây dựng các nghị định về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông	2012 - 2013 2012 - 2018	Cục QLCS	Vụ CST, Vụ ĐT, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.1.8	07	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2017	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Cục KHTC, các đơn vị liên quan
A.1.9	08	Triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2017	Vụ CST	TCT, TCHQ, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.10	15	Xây dựng Luật Hải quan năm 2014	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2018	TCHQ	Vụ PC, Cục KHTC các đơn vị liên quan
A.1.11	9	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế XK, thuế NK	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2017	Vụ CST, TCHQ	Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.12	10	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTDB	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2019	Vụ CST	TCT, TCHQ, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.13		Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2015 - 2016	TCT	Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.1.14	13	Sửa đổi các quy định đối với các khoản thu từ khai thác tài nguyên	- Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên - MTAP 2014 - 2016 triển khai thực hiện Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 - MTAP 2015 - 2017	2013 - 2016	Vụ CST	TCT, QLCS và các đơn vị liên quan
A.1.15	11	Xây dựng Luật Phí, lệ phí	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2016 - 2019	Vụ CST	TCT, Vụ PC, Vụ HCSN, Cục TCDN, Vụ I, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.1.16	Mới	Xây dựng chính sách động viên từ đất đai	Bổ sung mới; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2015	Cục QLCS	TCT, Vụ CST, Vụ PC, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.17	12	Xây dựng Luật Thuế BDS	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2016 - 2020	Vụ CST	TCT, Cục QLCS, Vụ PC, Cục KHTC, các đơn vị liên quan và địa phương
A.1.18	Mới	Tổng kết, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2015	Vụ CST	TCT, các đơn vị liên quan
A.1.19	Mới	Tổng kết, đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2015	Vụ CST	TCT, các đơn vị liên quan
A.1.20	Mới	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế	Bổ sung mới, MTAP 2015 - 2017	2014 - 2015	Vụ CST	TCT, các đơn vị liên quan
A.2		Nhóm giải pháp số 2: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia				
A.2.1	01	Xây dựng khung cân đối NSNN 5 năm 2016 - 2020	MTAP 2015 - 2017	2015	Vụ NSNN	Các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.2.2	18	Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020	- Đã hoàn thành và triển khai đề án - Quyết định số 138/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2020	2011 - 2020	KBNN	Vụ NSNN, Vụ HCSN, Vụ ĐT, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.2.3	20	Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020	- Đã hoàn thành và triển khai đề án - Quyết định số 2091/QĐ-TTg ngày 28/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020	2011 - 2020	TCĐTNN	Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục KHTC, Vụ PC, Vụ I, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.2.4	24	Luật Dự trữ quốc gia	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện Luật - Luật số 22/2012/QH13 của Quốc hội ngày 20/11/2012 về Luật Dự trữ quốc gia	2011 - 2012	TCĐTNN	Vụ NSNN, Cục QL.G, Vụ PC, Vụ I và các đơn vị liên quan
A.2.5	25	Đề án tạo nguồn cải cách tiền lương	Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2011 - 2013	Vụ NSNN	Vụ HCSN, Vụ PC, Vụ I, Cục TCDN, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.2.6	26	Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan quản lý Nhà nước	Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2020	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.7	27	Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng TSNN - Chưa hoàn thành	Luật Quản lý tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành	2014 - 2016	Cục QLCS	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.8	28	Mô hình quản lý đầu tư công (Số 28)	Phối hợp với bộ KHĐT	2012 - 2013	Bộ KHĐT	Vụ ĐT, Vụ NSNN, KBNN và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.2.9	29	Thực hiện cơ chế giá thị trường đối với dịch vụ kết cấu hạ tầng	<p>Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên</p> <p>- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên</p> <p>- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn</p>	2012 - 2013	Cục QLGS và Cục QLCS	Vụ DT, Vụ CST và các đơn vị liên quan
A.2.10	30	Quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của nhà nước, xây dựng lộ trình điều chỉnh giá một số mặt hàng thiết yếu		2012	Cục QLGS, Vụ HCSN	Cục TCDN và các đơn vị liên quan
A.2.11	35	Đổi mới quy chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, cung cấp dịch vụ công sử dụng NSNN	Phối hợp với Bộ KHĐT trong việc xây dựng Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 về Luật Đầu thầu	2014 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.2.12	21	Luật NSNN (sửa đổi)	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2017	Vụ NSNN	Vụ HCSN, Vụ DT, Vụ I, Cục KHTC, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ NSNN và các đơn vị liên quan
A.2.13	22	Cải cách quản lý ngân quỹ nhà nước	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2017	KBNN	Vụ NSNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.14	27	Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về sở hữu, quản lý và sử dụng TSNN	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2015	Cục QLCS	Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.2.15	19	Mô hình Tổng kế toán nhà nước	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2012 - 2020	KBNN	Vụ NSNN, Vụ CDKT, Vụ TCCB, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.2.16	23	Đánh giá 3 năm triển khai thực hiện Luật Giá	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2015	Cục QLGS	Vụ HCSN, Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.2.17	24	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế quản lý tài chính và biên chế của TCT, TCHQ năm 2016 và các năm tiếp theo	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2015		TCT, TCHQ
A.3		Nhóm giải pháp số 3: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hoá nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công				
A.3.1	32	Đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực y tế	- Phối hợp với Bộ Y tế - Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập	2012 - 2013	Bộ Y tế	Vụ HCSN, Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.3.2	33	Đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo	Phối hợp với Bộ GDĐT	2012 - 2013	Bộ GDĐT	Vụ HCSN, Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.3.3	34	Đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ	Phối hợp với Bộ KHHCN	2012 - 2013	Bộ KHHCN	Vụ HCSN, Vụ NSNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.3.4	37	Tiêu chí xác định đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện được nhà nước xác định giá trị tài sản để giao vốn cho đơn vị quản lý theo cơ chế	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2009/NĐ-CP	2015	Cục QLCS	Vụ HCSN và các đơn vị liên quan
A.3.5	31	Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp khác	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2012 - 2015	Vụ HCSN	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHHCN, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Đơn vị chịu trách nhiệm	
				Chủ trì	Phối hợp
A.3.6	Mới	Cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2015	Vụ NSNN, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4		Nhóm giải pháp số 4: Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc DNNN			
A.4.1	38	Tái cấu trúc DNNN, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện đề án - Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015	2012 - 2015	Vụ TCNH, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.2	39	Hoàn thiện cơ chế quản lý đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện đề án - Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp - Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ - Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 về quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước	2012 - 2013	Vụ PC, Vụ NSNN, Vụ ĐT, Vụ TCNH, UBCKNN và các đơn vị liên quan
A.4.3	41	Hoàn thiện cơ chế hoạt động của SCIC	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện đề án - Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC	2012 - 2013	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.4.4	43	Tái cơ cấu và nâng cao năng lực DATC để thực hiện xử lý nợ, tái cơ cấu các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện đề án - Quyết định số 1905/QĐ-BTC ngày 09/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu DATC	2012 - 2013	Cục TCDN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.4.5	42	Hoàn thiện cơ chế xử lý nợ trong quá trình tái cơ cấu DNNN	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện đề án - Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	2013	Cục TCDN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.4.6	40	Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất - kinh doanh tại doanh nghiệp	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2017	Cục TCDN	Vụ ĐT, Vụ PC, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.4.7	36	Thí điểm chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành công ty cổ phần	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2016	Cục TCDN	Vụ PC, Vụ HCSN, Cục KHTC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.5	Nhóm giải pháp số 5: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính					
A.5.1	44	Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020	- Đã hoàn thành, triển khai chiến lược - Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 15/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020	2012 - 2020	Cục QL&GSBH	Vụ TCNH, UBCKNN, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.5.2	45	Đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020	- Đã hoàn thành, triển khai đề án - Quyết định số 128/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020	2011 - 2020	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục QL&GSBH, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.5.3	46	Chiến lược phát triển TTCK Việt Nam đến năm 2020	- Đã hoàn thành, triển khai chiến lược - Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020	2012 - 2020	UBCKNN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.4	47	Tái cấu trúc TTCK	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Quyết định số 1826/2012/QĐ-TTg ngày 06/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tái cấu trúc TTCK và doanh nghiệp bảo hiểm	2012 - 2013	UBCKNN	Vụ TCNH, Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.5.5	47	Tái cấu trúc các doanh nghiệp bảo hiểm	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Quyết định số 1826/2012/QĐ-TTg ngày 06/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tái cấu trúc TTCK và doanh nghiệp bảo hiểm	2012 - 2013	Cục QL&GSBH	Vụ PC, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.5.6	51	Chiến lược kế toán - kiểm toán giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030	- Đã hoàn thành, triển khai chiến lược - Quyết định số 480/QĐ-TTg ngày 18/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược kế toán kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030 - Quyết định số 2261/QĐ-BTC ngày 10/9/2013 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai Chiến lược kế toán kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030	2012 - 2013	Vụ CĐKT	Cục TCDN, KBNN, Viện CL&CSTC và các đơn vị liên quan
A.5.7	53	Luật Kiểm toán độc lập	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện Luật - Luật số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc hội về Luật Kiểm toán độc lập	2011 - 2013	Vụ CĐKT	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.8	56	Nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên - Quyết định số 304/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia	2012	Cục QL&TCDN	Vụ TCNH và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.5.9	57	Phát triển hoạt động tư vấn thẩm định giá	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên - Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá	2012 - 2020	Cục QLГ	Các đơn vị liên quan
A.5.10	58	Phát triển hoạt động đại lý hải quan	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên - Nghị định số 14/2011/NĐ-CP ngày 16/02/2011 của Chính phủ quy định về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	2012 - 2013	TCHQ	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.11	60	Hoàn thiện mô hình doanh nghiệp kinh doanh xổ số, đặt cược, casino, trò chơi có thưởng	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 11/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Thành lập Công ty Kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán tại Việt Nam - Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số	2011 - 2012	Vụ TCNH	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.12	Mới	Phát triển TTCK phái sinh	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2016	UBCKNN	Vụ PC, các đơn vị liên quan
A.5.13	55	Quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2017	Vụ TCNH	UBCKNN, Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.14	Mới	Hình thành và phát triển Chương trình lưu trữ tự nguyện	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2016	Vụ TCNH	Cục QL&GSBH, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.5.15	61	Nâng cao vị thế độc lập của cơ quan quản lý TTCK	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2015 - 2016	UBCKNN	Vụ TCNH, Viện CL&CSTC, và các đơn vị liên quan
A.5.16	54	Hoàn thiện Hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2012 - 2020	Vụ CĐKT	Cục TCDN, Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.17	52	Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2014 - 2018	Vụ CĐKT	Vụ PC, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.5.18	59	Phát triển hoạt động của đại lý thuế	- MTAP 2014 - 2016; Đã hoàn thành - Quyết định số 420/QĐ-BTC ngày 03/3/2014 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển hệ thống đại lý thuế đến năm 2020	2017 - 2020	TCT	Vụ CST, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.19	49	Luật Chứng khoán (sửa đổi)	MTAP 2015 - 2017	2017 - 2020	UBCKNN	Vụ TCNH, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.20	50	Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi)	MTAP 2015 - 2017	2017 - 2020	Cục QL&GSBH	Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.5.21	Mới	Phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp	Bổ sung mới			
A.5.22	Mới	Hoàn thiện cơ chế chính sách đối với các ngân hàng chính sách	Bổ sung mới			
A.6		Nhóm giải pháp số 6: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính				
A.6.1	62	Hội nhập tài chính	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên - Báo cáo Bộ về “Đánh giá tác động hội nhập quốc tế sau 5 năm gia nhập WTO và 10 năm Hội nhập kinh tế quốc tế”	2011 - 2020	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ TCNH, Vụ CĐKT, Cục QL&GSBH, UBCKNN, TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.6.2	63	Kế hoạch hành động cập nhật của ngành Tài chính (3 - 5 năm) để thực hiện các cam kết quốc tế	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2014 - 2016	Vụ HTQT	Viện CL&CSTC, Vụ CST, Vụ CDKT, Cục QL&GSBH, Cục KHTC, UBCKNN, TCT, TCHQ, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.7		Nhóm giải pháp số 7: Nâng cao năng lực và hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia				
A.7.1	65	Kiểm toàn tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra tài chính	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện Đề án - Nghị định số 82/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính	2012 - 2013	Thanh tra Bộ	Vụ NSNN, Vụ DT, Vụ TCNH, TCT, TCHQ, KBNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.7.2	66	Tổng kết tình hình vay và trả nợ công giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch 2011 - 2015	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Báo cáo về tổng kết tình hình vay và trả nợ công giai đoạn 2006 - 2010 và kế hoạch 2011 - 2015	2012	Cục QLN&TCĐN	Vụ NSNN, Vụ DT, Viện CL&CSTC, KBNN, Vụ PC và các đơn vị liên quan
A.7.3	67	Chương trình quản lý nợ trung hạn 3 năm liên kế	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quản lý nợ trung hạn 2013 - 2015	2012 - 2017	Cục QLN&TCĐN	Vụ NSNN, Vụ DT, Viện CL&CSTC, KBNN và các đơn vị liên quan
A.7.4	71	Quy chế giám sát tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước	- Đã hoàn thành, triển khai thực hiện - Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 về quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước	2012	Cục TCĐN	Vụ TCNH, Vụ CDKT, Vụ PC và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.7.5	67	Chương trình quản lý nợ trung hạn 3 năm liên kế	- Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên - Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 04/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quản lý nợ trung hạn 2013 - 2015	2014 - 2016	Cục QLNN & TCDN	Vụ NSNN, Vụ ĐT, Viện CL&CSTC, KBNN và các đơn vị liên quan
A.7.6	Mới	Triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2016	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.7.7	80	Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và dự báo chính sách tài chính	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2011 - 2020	Viện CL&CSTC	Các đơn vị liên quan
A.7.8	Mới	Đề án xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ theo dõi, giám sát và đánh giá bền vững nợ công	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2014 - 2018	Cục QLNN & TCDN	Cục TH&TKTC, Cục KHHC, các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan
A.7.9	68	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công	MTAP 2015 - 2017	2017 - 2020	Cục QLNN & TCDN	Vụ PC, Vụ TCNNH, Vụ NSNN, Vụ ĐT, Viện CL&CSTC, KBNN và các đơn vị liên quan
A.7.10	70	Đề án thành lập Tổng cục quản lý, giám sát tài chính doanh nghiệp	Tạm thời chưa thực hiện	2017 - 2020	Cục TCDN	Vụ PC, Vụ TCCB và các đơn vị liên quan
A.8		Nhóm giải pháp số 8: Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính				
A.8.1	73	Xây dựng định mức biên chế trong ngành Tài chính	Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2013	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan
A.8.2	74	Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, đánh giá tác động của chính sách tài chính	Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2013	Vụ PC	Các đơn vị liên quan
A.8.3	75	Phát triển nguồn nhân lực ngành Tài chính	Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2013	Vụ TCCB	Các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.8.4	76	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực tài chính	Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2011 - 2020	Cục TH&TKTC	TCT, TCHQ, KBNN, UBCKNN, Cục QLG và các đơn vị liên quan
A.8.5	78	Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với KBNN, TCT, TCHQ, UBCKNN, TCĐTNN và một số cục, viện thuộc Bộ	Đã hoàn thành, chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2015	Các đơn vị liên quan và Cục KHTC	Vụ PC, Vụ TCCB, VPB và các đơn vị liên quan
A.8.6	79	Chương trình hành động và kế hoạch thực hiện công tác quản lý tài chính, TSNN, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ giai đoạn 2011 - 2015 Hiện đại hóa công tác quản lý công sản (hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN)	Đã hoàn thành chuyển thành hoạt động thường xuyên	2012 - 2014	Cục KHTC	Các đơn vị liên quan
A.8.7	77	Đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính	- Tài trợ của Quỹ MDTF2; Bộ Ngoại giao và Thương mại Ôt-xtrây-li-a - Tiếp tục triển khai sau khi kết thúc dự án MDTF2 và dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản là công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	2010 - 2013	Cục QLCS	Các đơn vị liên quan
A.8.8	81	Đẩy mạnh công tác trao đổi, tuyên truyền, thông tin chính sách pháp luật tài chính	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017 MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2011 - 2017 2013 - 2015	Vụ PC Vụ PC	Các đơn vị liên quan VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.8.9	Mới	Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ - GFMS	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2013 - 2018	Cục TH&TKTC	Ban quản lý dự án Tài chính công, KBNN, Vụ NSNN, Vụ HCSN, Cục QLNN&TCĐN, Cục QLG, Cục QLCS, Cục KHTC, TCT, TCHQ và các đơn vị liên quan

TT UT	TT theo QĐ/224	Tên đề án	Kết quả đầu ra	Thời gian bắt đầu - kết thúc	Đơn vị chịu trách nhiệm	
					Chủ trì	Phối hợp
A.8.10	Mới	Xây dựng kiến trúc tổng thể ứng dụng CNTT của ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2014 - 2020	Cục TH&TKTC	KBNN, TCT, TCHQ, UBCKNN, TCDTNN, Cục KHTC và các đơn vị liên quan
A.8.11	Mới	Thiết lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2014 - 2018	Cục QLGT	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các Bộ, ngành và địa phương
A.8.12	Mới	Hiện đại hóa công tác quản lý công sản (hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về TSNN) và nâng cấp trang thông tin điện tử về TSNN	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2012 - 2018	Cục QLCS	Cục TH&TKTC, Cục KHTC, các đơn vị, địa phương có liên quan
ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2010 VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020						
B.1	Mới	Xây dựng khung cân đối NSNN 5 năm 2016 - 2020	MTAP 2015 - 2017	2015	Vụ NSNN	Cục QLN&TCĐN, Cục TCDN, Cục KHTC, Bộ KHĐT và các đơn vị liên quan
B.2	Mới	Đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đối với giai đoạn 2011 - 2015 và giải pháp triển khai giai đoạn 2016 - 2020	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2015 - 2016	Viện CL&CSTC	Vụ NSNN, UBCKNN, Cục QLGSBH, Vụ TCNH, Cục TCDN, Vụ ĐT, Cục KHTC, TCT, TCHQ, các đơn vị liên quan
B.3	Mới	Chương trình xây dựng pháp luật ngành Tài chính giai đoạn 2016 - 2020	MTAP 2014 - 2016; MTAP 2015 - 2017	2015 - 2020	Vụ PC	VPB, Cục KHTC và các đơn vị liên quan

PHỤ LỤC I: CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC CÁC TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI TÀI TRỢ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
I. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ KẾT THÚC (tính đến 31/12/2014)							
P1.1	Cải cách quản lý tài chính công	DFID	Quản lý tài chính công	10/2003 - 5/2011	11.315.000	-	Nhằm đạt được sự tăng trưởng quản lý tài chính công, thông tin minh bạch, từ đó nâng cao chất lượng các dịch vụ công sử dụng các nguồn lực của khu vực công
		WB		10/2003 - 10/2013	74.675.000	10.140.000	
P1.2	Quyển sách đa biên các Nhà tài trợ hỗ trợ Sáng kiến cải cách quản lý tài chính công của Chính phủ Việt Nam - Giai đoạn 2 (MDTF2)	Chính phủ Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa, Đan Mạch, Hà Lan, Thụy Sĩ và EC.	Quản lý tài chính công	6/2009 - 12/2013	7.188.320	375.000	Dự án MDTF2 sẽ tập trung vào hỗ trợ thực hiện các chiến lược cải cách phát triển của Bộ Tài chính được nêu trong Tài liệu duy nhất 2007. Các mục tiêu ngắn hạn sẽ nhằm hỗ trợ chi phí để đạt được các kết quả trong nhóm các lĩnh vực cải cách ưu tiên được nêu trong Tài liệu duy nhất, bao gồm: Quản lý chi NSNN; Quản lý thu NSNN; Quản lý nợ Chính phủ; Quản lý TSNN và Quản lý giá
P1.2.1.A	Đề án 1A: Chuẩn bị thí điểm PEFA		Quản lý chi NSNN	2010 - 2011			Nâng cao hiểu biết của các cán bộ chủ chốt về phạm vi, tiêu chí của hệ thống đánh giá PEFA; xây dựng Kế hoạch đánh giá thí điểm PEFA
P1.2.1.B	Đề án 1B: Xây dựng kế hoạch triển khai thí điểm PEFA		Quản lý chi NSNN	2011 - 2013			Xây dựng kế hoạch triển khai thí điểm PEFA và phổ biến Báo cáo PEFA
P1.2.2.A	Đề án 2A: Xây dựng mô hình Tổng kế toán nhà nước		Quản lý chi NSNN	2010 - 2011			<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất Mô hình Tổng kế toán nhà nước, các nội dung cần thực hiện và lộ trình triển khai thực hiện xây dựng mô hình - Xây dựng khuôn khổ pháp lý, chế độ Kế toán nhà nước và mô hình tổ chức bộ máy thực hiện Tổng kế toán nhà nước - Khuyến nghị về các điều kiện thực hiện mô hình và việc triển khai thực hiện tổ chức bộ máy, nguồn

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
							nhân lực triển khai Tổng kế toán nhà nước; nội dung và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho phù hợp với mô hình
P1.2.2.B	Đề án 2B: Xây dựng Kế hoạch thiết lập hệ thống Kế toán nhà nước			2011 - 2013			Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch thiết lập hệ thống Kế toán nhà nước
P1.2.3	Đề án 3: Cải cách quản lý ngân quỹ của Chính phủ		Quản lý chi NSNN	2010 - 2013			- Xây dựng khuôn khổ pháp lý quy định rõ cơ chế, trách nhiệm của Bộ Tài chính và các đơn vị liên quan trong công tác quản lý ngân quỹ vận hành tài khoản tập trung, cơ chế sử dụng ngân quỹ mua lại trái phiếu chính phủ - Xây dựng hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro ngân quỹ - Xây dựng hệ thống dự báo luồng tiền
P1.2.4.A	Đề án 4A: Chuẩn mực Kế toán công quốc tế		Quản lý chi NSNN	2010 - 2011			Nghiên cứu hệ thống Chuẩn mực Kế toán công quốc tế để lựa chọn và áp dụng một vài chuẩn mực phù hợp nhất với Việt Nam
P1.2.4.B	Đề án 4B: Xác định các Chuẩn mực Kế toán công phù hợp và xây dựng lộ trình triển khai		Quản lý chi NSNN	2011 - 2013			Xác định các Chuẩn mực Kế toán công phù hợp và xây dựng lộ trình triển khai
P1.2.4.C	Đề án 4C: Cập nhật hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam		Quản lý chi NSNN	2011 - 2013			Hỗ trợ cập nhật hệ thống Chuẩn mực kế toán công Việt Nam
P1.2.5	Đề án 5: Soạn thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động kiểm toán nội bộ của các cơ quan, tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và TSNN		Quản lý chi NSNN	2010 - 2011			Hỗ trợ xây dựng Dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động kiểm toán nội bộ của các cơ quan, tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách, tiền và TSNN

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
P1.2.6.A	Đề án 6A: Xây dựng dự án Luật Thuế nhà đất, đất và các văn bản hướng dẫn thực hiện		Quản lý thu NSNN	2010 - 2011			Hỗ trợ xây dựng dự án Luật Thuế nhà đất, đất và các văn bản hướng dẫn thực hiện
P1.2.6.B	Đề án 6B: Nghiên cứu đề xuất hướng hoàn thiện chính sách thuế BĐS tại Việt Nam		Quản lý thu NSNN	2013			Hoàn thiện chính sách thuế BĐS tại Việt Nam
P1.2.7	Đề án 7: Xây dựng Luật Thuế tài nguyên và các văn bản hướng dẫn thực hiện		Quản lý thu NSNN	2010 - 2011			Hỗ trợ xây dựng Luật Thuế tài nguyên và các văn bản hướng dẫn thực hiện
P1.2.8	Đề án 8: Xây dựng dự án Luật Thuế bảo vệ môi trường		Quản lý thu NSNN	2010 - 2011			Hỗ trợ Xây dựng dự án Luật Thuế bảo vệ môi trường
P1.2.9	Đề án 9: Xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược cải cách hệ thống chính sách thuế đến 2020 trong các lĩnh vực cụ thể (thu từ đất, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp, thuế TNDN, thuế bao vệ môi trường, phí và lệ phí, thuế GTGT, thuế TTDB, thuế XK - NK, thu từ thăm dò, sử dụng tài nguyên thiên nhiên)		Quản lý thu NSNN	2012			Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch triển khai Chiến lược cải cách hệ thống chính sách thuế đến 2020 trong các lĩnh vực cụ thể (thu từ đất, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp, thuế TNDN, thuế bao vệ môi trường, phí và lệ phí, thuế GTGT, thuế TTDB, thuế XK - NK, thu từ thăm dò, sử dụng tài nguyên thiên nhiên)
P1.2.10	Đề án 10: Xây dựng Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quản lý thuế và Dự thảo các văn bản hướng dẫn thi hành		Quản lý thu NSNN	2013			Hỗ trợ xây dựng Dự thảo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quản lý thuế và Dự thảo các văn bản hướng dẫn thi hành

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
P1.2.11	Đề án 11: Xây dựng Chính sách phát triển hệ thống quản lý nợ bền vững		Quản lý nợ công	2010 - 2012			Quản lý nợ bền vững bằng các công cụ: Phân tích bền vững nợ, hệ thống chỉ tiêu giám sát nợ, cơ cấu danh mục nợ trong nước - ngoài nước, ngắn hạn trung hạn và dài hạn ... ; Xử lý rủi ro đối với các dự án vay lại sử dụng vốn ODA có hạn chế về khả năng trả nợ nhằm đảm bảo tính bền vững của khoản vay nước ngoài và khoản cho vay lại; Tăng cường năng lực cho cán bộ Cục QLN&TCĐN tại một số cơ quan quản lý nợ tiên tiến trên thế giới
P1.2.12	Đề án 12: Xây dựng Chiến lược phát triển thị trường trái phiếu chính phủ		Quản lý thị trường tài chính	2011			Hỗ trợ xây dựng Chiến lược phát triển thị trường trái phiếu chính phủ
P1.2.13	Đề án 13: Xây dựng chính sách về quản lý, sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng		Quản lý công sản	2011			Nghiên cứu và học tập kinh nghiệm quốc tế về quản lý và sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng; đánh giá thực trạng quản lý và sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng ở Việt Nam; tư vấn hỗ trợ xây dựng báo cáo đánh giá tác động của hệ thống văn bản pháp qui hiện hành đến công tác quản lý và sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng
P1.2.14	Đề án 14: Xây dựng Dự thảo Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng giao thông		Quản lý công sản	2011			Hỗ trợ xây dựng Dự thảo Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng tài sản thuộc kết cấu hạ tầng giao thông
P1.2.15	Đề án 15: Hiện đại hóa quản lý công sản		Quản lý công sản	2011 - 2013			Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công sản
P1.2.16	Đề án 16: Mở rộng thí điểm rà soát chuẩn hóa dữ liệu TSNN		Quản lý công sản	2013			Thí điểm rà soát chuẩn hóa dữ liệu TSNN tại một số tỉnh ở cả 3 miền Bắc, Trung, Nam

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
P1.2.17	Đề án 17: Hỗ trợ triển khai thực hiện mua sắm TSNN theo phương thức tập trung		Quản lý công sản	2013			Hỗ trợ triển khai thực hiện mua sắm TSNN theo phương thức tập trung
P1.2.18	Đề án 18: Những định hướng lớn về giá cả trong Chiến lược tài chính giai đoạn 2011 - 2020		Quản lý giá	2010			Đánh giá thực trạng quản lý điều hành giá của Việt Nam và đưa ra những định hướng lớn về giá cả trong Chiến lược tài chính 2011 - 2020
P1.2.19	Đề án 19: Chính sách hỗ trợ từ NSNN đối với bảo hiểm nông nghiệp		Quản lý bảo hiểm	2011 - 2012			Hỗ trợ xây dựng chính sách hỗ trợ từ NSNN đối với bảo hiểm nông nghiệp
P1.2.20	Đề án 20: Xây dựng cơ chế giám sát các tập đoàn, tổng công ty nhà nước		Quản lý tài chính doanh nghiệp	2011 - 2013			Xây dựng cơ chế giám sát các tập đoàn, tổng công ty nhà nước
P1.2.21	Đề án 21: Tăng cường công tác quản lý nguồn nhân lực của Bộ Tài chính		Khác	2010 - 2011			Mô tả chức danh công việc của công chức làm việc tại cơ quan Bộ Tài chính; xây dựng qui trình tuyển dụng cán bộ thống nhất của Bộ Tài chính
P1.2.22	Đề án 22: Cập nhật Tài liệu duy nhất 2011		Khác	2011			Cập nhật Tài liệu duy nhất năm 2011
P1.2.23	Đề án 23: Triển khai Chiến lược phát triển tài chính giai đoạn 2011 - 2020		Khác	2013			Xây dựng Tài liệu Chương trình hành động trung hạn triển khai Chiến lược phát triển tài chính giai đoạn 2011-2020
P1.2.24	Đề án 24: Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác phân tích, dự báo tài khóa, xây dựng chính sách và chiến lược tài chính giai đoạn 2011 - 2020		Khác	2013			Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác phân tích, dự báo tài khóa, xây dựng chính sách và chiến lược tài chính giai đoạn 2011 - 2020

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
P1.2.25	Đề án 25: Đánh giá việc triển khai cải cách quản lý tài chính công thông qua giám sát và đánh giá tình hình triển khai pháp luật trong ngành Tài chính		Khác	2011 - 2013			Đánh giá việc triển khai cải cách quản lý tài chính công thông qua giám sát và đánh giá tình hình triển khai pháp luật trong ngành Tài chính
P1.2.26	Đề án 26: Hỗ trợ xây dựng Dự án an toàn bảo mật thông tin ngành Tài chính		Khác	2013			Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin ngành Tài chính
P1.3	Dự án Cải cách quản lý thuế - Giai đoạn 2	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu NSNN	8/2008 - 7/2011	1.700.000	283.564	Tăng cường năng lực quản lý cho cơ quan thuế để hỗ trợ cho triển khai thành công hệ thống tự khai tự nộp
P1.4	Dự án Tăng cường quản lý hải quan tại cảng Hải Phòng	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu NSNN	9/2009 - 4/2011	9.289.028	255.655	Nâng cao năng lực nghiệp vụ cho cán bộ hải quan trong việc kiểm tra, phân tích, xử lý đối với công-ten-nơ XK - NK bằng kỹ thuật hiện đại, từng bước thay thế hình thức kiểm tra thủ công
P1.5	Dự án hợp tác khu vực về quản lý rủi ro trong lĩnh vực Hải quan khu vực sông Mê Kông	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu NSNN	1/2008 - 7/2011	1.181.800	97.727	Tăng cường năng lực quản lý rủi ro cho Hải quan các nước Campuchia, Thái Lan và Việt Nam; hướng tới đạt được các chuẩn mực quốc tế
P1.6	Dự án "Tăng cường hệ thống đào tạo nhằm nâng cao năng lực cán bộ cửa khẩu của Hải quan Việt Nam"	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu NSNN	10/2009 - 7/2012	1.831.896	245.225	(1) Tăng cường hệ thống đào tạo cho các công chức hải quan cửa khẩu. (2) Nâng cao hệ thống cung cấp và chia sẻ thông tin cần thiết cho việc quản lý hải quan (3) Nâng cao hệ thống cung cấp và chia sẻ thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp hướng các dịch vụ quản lý hải quan

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
P1.7	Dự án Hỗ trợ phân tích chính sách tài chính	UNDP	Khác	4/2008 - 12/2011	3.500.000	100.000	Hỗ trợ cho Nhóm phân tích chính sách (PAG) để triển khai các chức năng và nhiệm vụ được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao, góp phần nâng cao năng lực phân tích, xây dựng chính sách tài chính và phát triển vai trò của công tác tư vấn chính sách trong Bộ Tài chính trong thời gian triển khai dự án
P1.8	Dự án Hải quan một cửa quốc gia	USTDA - Hoa Kỳ	Quản lý thu NSNN	15/9/2010 - 15/9/2012	718.600	-	Hỗ trợ Việt Nam triển khai một số hoạt động trong các cấu phần của "Kế hoạch tổng thể về triển khai Cơ chế một cửa quốc gia và tham gia Cơ chế một cửa ASEAN giai đoạn 2008 - 2012"
P1.9	Dự án Hỗ trợ đánh giá thực hiện và sửa đổi Thông tư 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 19/5/2009 về giá nước	AusAID	Quản lý giá	6/2011 - 3/2012	143.270	10.000	Hỗ trợ cho Bộ Tài chính đánh giá tình hình thực hiện Thông tư 95 hướng dẫn về nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn và nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 19/5/2009, đảm bảo chính sách về giá tiêu thụ nước sạch cần là động lực nhằm khuyến khích sự tham gia của tất cả các ngành, các thực thể kinh tế, đồng thời khuyến khích ngành nước nâng cao chất lượng nguồn nước cung cấp, vệ sinh sức khoẻ và dịch vụ, giảm chi phí sản xuất, thất thoát nước
P1.10	Dự án "Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Nghị định của Chính phủ về quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp"	Quỹ MIDTF, B - WTO, Bộ Công Thương	Quản lý tài chính doanh nghiệp	12/2009 - 6/2011	149.625	15.000	Hỗ trợ xây dựng Dự thảo Nghị định của Chính phủ về quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp, qua đó hỗ trợ nâng cao năng lực cho Ban soạn thảo nghị định và hỗ trợ cho quá trình cải cách và chuyển đổi của các DNNN phù hợp với những thay đổi về khung pháp lý
P1.11	Dự án "Hỗ trợ xây dựng Luật Giá"	Quỹ MIDTF, B - WTO, Bộ Công Thương	Quản lý giá	12/2009 - 9/2011	277.107	27.710	Hỗ trợ việc soạn thảo Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá; hỗ trợ việc đưa công tác quản lý giá vào nề nếp theo khuôn khổ của pháp luật

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
P1.12	Dự án "Hoàn thiện chính sách đất đai khi cổ phần hoá công ty nhà nước"	Quỹ MDTF, B-WTO, Bộ Công thương	Quản lý công sản	12/2009 - 3/2011	108.245	10.813	Hỗ trợ tạo lập khuôn khổ pháp lý về chính sách đất đai khi sắp xếp lại DNNN nhằm thực hiện đúng pháp luật, đảm bảo tính hiệu quả trong khai thác và sử dụng tài nguyên quốc gia, tạo thuận lợi cho việc cơ cấu lại DNNN, từ đó làm tăng thêm các nguồn lực trong nước để phát triển và hội nhập kinh tế thế giới
P1.13	Dự án "Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện Luật Giá và các văn bản hướng dẫn thi hành"	Quỹ MDTF, B - WTO, Bộ Công Thương	Quản lý giá	10/2011- 10/2012	109.769	10.154	Hỗ trợ cơ quan soạn thảo Luật Giá tăng cường năng lực và trợ giúp kỹ thuật cho Ban soạn thảo Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật về quản lý giá; hỗ trợ việc đưa công tác quản lý giá vào nề nếp theo khuôn khổ của pháp luật, từ đó tăng thêm nguồn nội lực cho đất nước phát triển và hội nhập quốc tế
P1.14	Dự án Phát triển thị trường vốn Việt Nam (VIE/026)	Chính phủ Luxembourg	Quản lý thị trường tài chính	1/2008 - 30/6/2013	4.181.818	418.182	Xây dựng công cụ và hệ thống giám sát thị trường vốn và các tổ chức trung gian thông qua hỗ trợ UBCKNN trong việc quản lý quỹ đầu tư, quỹ hưu trí, đạo đức nghề nghiệp, quản trị công ty và các dịch vụ qua biên giới
P1.15	Dự án "Hỗ trợ xây dựng cơ chế quản lý tài sản là công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn"	DFID, AusAID, Đại Sứ quán Đan Mạch	Quản lý công sản	10/6/2012 - 30/6/2013	100.643	10.000	- Các công trình sau khi đầu tư phải thực hiện giao trách nhiệm quản lý vận hành, theo dõi hạch toán đầy đủ giá trị và hiện vật theo quy định. - Có cơ chế quản lý, sử dụng phù hợp nhằm phát huy hiệu quả đầu tư; góp phần cải thiện đời sống của nhân dân và đảm bảo sự bền vững của chương trình nước sạch nông thôn
P1.16	Tài trợ bổ sung hợp phần 3 Hỗ trợ tái thiết sau thiên tai thuộc Dự án quản lý rủi ro thiên tai	WB (vốn vay)		2010 - 2013	75.000.000 ⁴	40.000	Hỗ trợ cho Việt Nam thiết lập khuôn khổ toàn diện về quản lý rủi ro thiên tai nhằm giúp bên vay: (i) Giảm nguy cơ thiệt hại của các tỉnh thụ hưởng trước thảm họa bão lụt; (ii) Tăng hiệu quả thực hiện các hoạt động phục hồi và tái thiết sau thiên tai; (iii)

⁴ Bộ Tài chính là cơ quan quản lý và điều phối, không phải là cơ quan sử dụng và thụ hưởng trực tiếp khoản vay này. Khoản vay là dành để hỗ trợ các địa phương bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong giai đoạn 2010 - 2013

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
P1.17	Dự án Xây dựng năng lực kiểm toán nội bộ cho Thanh tra Bộ Tài chính	WB	Thanh tra tài chính	2011 - 2013	150.000	45.000	Tăng cường năng lực cho các tổ chức quản lý rủi ro thiên tai ở cấp trung ương và địa phương Tăng cường năng lực kiểm toán nội bộ của Thanh tra Bộ Tài chính nói riêng và năng lực kiểm toán nội bộ của khu vực công nói chung
P1.18	Dự án "Tập hợp bằng chứng để nghiên cứu chính sách thuế và giá hiệu quả, bền vững đối với các loại sản phẩm thuốc lá nhằm hạn chế sử dụng thuốc lá ở Việt Nam" (viết tắt: Dự án Thuế thuốc lá)	Sáng kiến Bloomberg	Quản lý thu	6/2012 - 9/2013	150.000	-	Hỗ trợ Bộ Tài chính nghiên cứu, tập hợp bằng chứng để nghiên cứu chính sách thuế và giá hiệu quả, bền vững đối với các loại sản phẩm thuốc lá nhằm hạn chế sử dụng thuốc lá ở Việt Nam
P1.19	Chương trình Hỗ trợ cải cách quản lý thuế và chính sách thuế Việt Nam	IMF - SECO	Quản lý thu	2011 - 2012			Hỗ trợ kỹ thuật tập trung vào 3 nội dung chính: (i) Quản lý thuế; (ii) Quản lý hải quan và thuế thương mại (Cải cách Luật Thuế XNK); (iii) Chính sách thuế
P1.20	Đơn giản hoá Thủ tục hành chính thuế Việt Nam	IFC	Quản lý thu	2011			Tăng cường tính hiệu quả của hệ thống quản lý thuế, giảm chi phí tuân thủ và các chi phí hành chính mà cơ quan thuế đang phải đối mặt.
P1.21	Chương trình hợp tác song phương giữa Bộ Tài chính và JICA về nâng cao năng lực quản lý dự án và quản lý tài chính công	JICA - Nhật Bản	Khác	2011 - 2013			Tăng cường năng lực về quản lý dự án cho cán bộ phụ trách các dự án của Bộ Tài chính và hỗ trợ tổ chức một số hội thảo về quản lý tài chính công

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
P1.22	Dự án hỗ trợ kỹ thuật lần 1 "Hỗ trợ triển khai Chương trình Cải cách DNNN và hỗ trợ quản trị công ty"	ADB	Quản lý tài chính doanh nghiệp	4/2012 - 4/2014	1.200.000	250.000	Hỗ trợ các doanh nghiệp có vốn nhà nước quy mô lớn tận dụng tối ưu hơn các nguồn lực, nâng cao tính minh bạch, lợi nhuận và tính cạnh tranh cao hơn trên cơ sở tái cơ cấu lại doanh nghiệp theo hướng hoạt động tập trung vào các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính, đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp
P1.23	Dự án "Tăng cường phân cấp quản lý dự án - Giai đoạn 3"	ADB	Khác	12/2012 - 12/2014	580.000	120.000	Tăng cường công tác quản lý tài chính của các dự án ODA và vốn vay ưu đãi nói chung, các dự án do ADB tài trợ nói riêng, để góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ODA và các nguồn vốn ưu đãi
P1.24	Dự án hỗ trợ kỹ thuật xây dựng phần mềm quản lý tài sản là công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	AusAID, BNG Đan Mạch, DFID	Quản lý công sản	6/2013 - 3/2014	261.058	13.832	Hoàn thiện cơ chế quản lý và công cụ quản lý đối với tài sản là công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tập trung để phục vụ cho công tác quản lý, sử dụng và khai thác đảm bảo các công trình này được sử dụng hiệu quả, bền vững
P1.25	Nền tài chính công (câu phần 2 thuộc Chương trình cải cách kinh tế vĩ mô)	GIZ - CP Đức	Quản lý chi	2011 - 2014	3.640.000	-	Hỗ trợ thực hiện chính sách ngân sách và chính sách tài khoá, nền tài chính công phù hợp với các chuẩn mực quốc tế ở mức độ cao hơn
P1.26	Dự án Cải cách quản lý hành chính thuế - Giai đoạn 3	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu	9/2011 - 9/2014	1.100.000	289.889	Tăng cường môi trường tuân thủ tự nguyện cho người nộp thuế thông qua việc hoàn thiện hệ thống thuế
P1.27	Dự án hiện đại hóa quản lý thuế	WB (vốn vay) - Nhật Bản (vốn viện trợ không hoàn lại, nguồn PHRD)	Quản lý thu	1/2008 - 3/2015	1.470.000	711.856	Hỗ trợ ngành thuế triển khai thành công kế hoạch cải cách, nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong công tác quản lý thuế và tăng mức độ tuân thủ tự nguyện thông qua việc nâng cao tính hiệu quả về chất lượng và chi phí quản lý, tính minh bạch và độ tin cậy của hệ thống quản lý thuế

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐÚ (USD)	Mục tiêu
P1.28	Dự án hợp phần "Tăng cường năng lực tổng thể Thanh tra tài chính giai đoạn 2009 - 2014"	Chính phủ Thụy Điển, Đan Mạch, Ca-na-đa và Hà Lan	Thanh tra tài chính	10/2009 - 9/2014	1.342.096	233.477	(1) Chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ, mẫu biểu thanh tra (2) Xây dựng hệ thống quản lý, hệ thống cảnh báo rủi ro (3) Đổi mới công tác quản lý cán bộ thanh tra (4) Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo (5) Ứng dụng CNTT trong hoạt động thanh tra (6) Theo dõi và giám sát dựa trên kết quả
II. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN							
P1.29	Chương trình "Cải cách DNNN và hỗ trợ quản trị công ty" - Giai đoạn 1	ADB	Quản lý tài chính doanh nghiệp	12/2009-6/2015	130.000.000	120.200	Tái cấu trúc nợ để cải thiện tình hình tài chính, tái cấu trúc doanh nghiệp, đổi mới quy trình hoạt động hoặc quản lý, đổi mới thể chế nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của DNNN
P1.30	Dự án hỗ trợ kỹ thuật lần 2 "Hỗ trợ triển khai Chương trình Cải cách DNNN và hỗ trợ quản trị công ty"	ADB	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01/2014 - 9/2015	800.000	100.000	Hỗ trợ cải cách DNNN và đổi mới quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao lợi nhuận của các doanh nghiệp được tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả quản lý các DNNN
P1.31	Dự án "JICA Hợp tác kỹ thuật thực hiện Hải quan điện tử"	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu	2012- 2015	5.884.615	697.115	Tiếp tục tạo thuận lợi thương mại tại Việt Nam, tạo dựng môi trường cần thiết cho việc vận hành và bảo trì VNACCS/VCISS
P1.32	Dự án Quỹ đầu tư phát triển địa phương	WB (vốn vay)		2009 - 2016	190.000.000 ⁵	2.700.000	Dự án nhằm cung cấp nguồn tài chính bổ sung cho các dự án đầu tư của địa phương và cải thiện năng lực của các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương thông qua việc thu hút tài chính từ khu vực tư nhân cho phát triển cơ sở hạ tầng đô thị

⁵ Bộ Tài chính quản lý nguồn vốn vay để cho vay lại, không phải là cơ quan sử dụng và thụ hưởng trực tiếp nguồn vốn vay này.

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
P1.33	Dự án Tăng cường năng lực Vụ CDKT	WB	Kế toán - kiểm toán	12/2012 - 12/2015	200.000	26.900	Tăng cường chức năng giám sát của Vụ CDKT đối với toàn bộ hoạt động kế toán và kiểm toán trong cả nước, góp phần đảm bảo chất lượng Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán độc lập cho các doanh nghiệp, các đơn vị kế toán nhà nước và các dự án
P1.34	Dự án "Xây dựng, triển khai Hải quan điện tử và thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia phục vụ hiện đại hoá Hải quan tại Việt Nam"	Chính phủ Nhật Bản	Quản lý thu	2012 - 2015	31.849.192	628.709	Hỗ trợ toàn diện cho Hải quan Việt Nam tiếp nhận chuyển giao hệ thống thông quan tự động VNACCS/VICIS, làm chủ hệ thống và tổ chức triển khai hệ thống CNTT một cách đồng bộ
P1.35	Tăng cường năng lực quản lý tài chính doanh nghiệp, triển khai tái cấu trúc DNNN	JICA	Quản lý tài chính doanh nghiệp	2014 - 2017	1.922.654	178.462	- Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh - Quá trình tái cơ cấu DNNN được đẩy nhanh thông qua việc nâng cao tính hiệu quả và lành mạnh trong việc quản lý DNNN - Tăng cường năng lực quản lý tài chính doanh nghiệp cho Bộ Tài chính với trọng tâm hỗ trợ xây dựng cơ chế xử lý nợ gắn với tái cấu trúc DNNN
P1.36	Đánh giá hiệu quả cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam đối với Chương trình cấp nước sạch khu vực nông thôn"	Ô-xtrây-li-a	Quản lý TTTC	2014 - 2015	148.225	10.380	- Giảm thiểu khoảng cách giữa lãi suất cho vay ưu đãi thực hiện chương trình cấp nước sạch khu vực nông thôn với lãi suất cho vay thương mại; giảm thiểu rủi ro tín dụng và cấp bù chênh lệch lãi suất từ NSNN đặc biệt trong bối cảnh nguồn vốn hỗ trợ cho chương trình còn hạn chế - Hoàn thiện cơ chế chính sách cho vay ưu đãi của Nhà nước nói chung và đối với chương trình cấp nước sạch nông thôn nói riêng - Tối ưu hóa chênh lệch lãi suất cho vay thương mại và lãi suất cho vay ưu đãi thực hiện chương trình cấp nước sạch nông thôn, qua đó giảm thiểu

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
							cấp bù chênh lệch lãi suất từ NSNN, đặc biệt trong bối cảnh nguồn vốn hỗ trợ cho chương trình còn hạn chế
P1.37	Triển khai Hiệp định tạo thuận lợi thương mại của WTO tại Việt Nam	Anh	Quản lý thu	2014 - 2015	76.400	0	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu tổng thể: Tăng cường thương mại giữa Việt Nam với các nước thông qua việc hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam để xây dựng các biện pháp tạo thuận lợi thương mại, tạo dựng môi trường kinh doanh hấp dẫn cho các doanh nghiệp trong đó có cộng đồng doanh nghiệp của nước Anh đầu tư kinh doanh tại Việt Nam; thúc đẩy hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu thông qua việc thực thi và tuân thủ các cam kết và quy định của WTO - Mục tiêu cụ thể: (i) Rà soát đánh giá và hoàn thiện hệ thống pháp luật Hải quan theo các quy định và chuẩn mực về tạo thuận lợi thương mại của WTO; (ii) Xây dựng các biện pháp cụ thể để đảm bảo thực hiện các cam kết liên quan đến minh bạch, không phân biệt cũng như nội dung cam kết nghiệp vụ hải quan; (iii) Nâng cao năng lực cho cán bộ công chức hải quan từ đó làm tăng hiệu quả và năng suất, tạo dựng môi trường thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp; (iv) Tăng cường mối quan hệ đối tác hai quan - doanh nghiệp; (v) Tăng cường hợp tác quốc tế về hải quan cho các mục đích tạo thuận lợi thương mại
P1.38	Hỗ trợ xây dựng thị trường phái sinh và tăng cường các thông lệ tốt của Vương quốc Anh về quản trị công ty cho các công ty đại chúng tại Việt Nam	Anh	Quản lý TTTC	2014 - 2015	48.500	0	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu tổng thể: Hoàn thiện cơ sở pháp lý về thị trường phái sinh và nâng cao thực hành tốt về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng tại Việt Nam - Mục tiêu cụ thể: (i) Về thị trường phái sinh: Hỗ trợ cho UBCKNN trong công tác dự thảo và xây dựng các văn bản pháp quy về thị trường phái sinh theo lộ trình và kế hoạch đã được Chính phủ phê

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
							duyet trong Quyết định 366/QĐ-TTg về Đề án xây dựng và phát triển TTCK phái sinh Việt Nam; (ii) Về quản trị công ty: Các công ty đại chúng tại Việt Nam sẽ được tiếp cận, thay đổi và áp dụng thông lệ và thực hành tốt về quản trị công ty tiên tiến, đặc biệt là những thông lệ tốt từ Vương quốc Anh về quản trị công ty
P1.39	Nâng cấp trang thông tin điện tử về TSNN	Nhóm NTT	Quản lý công sản	2014 - 2015	156.510	10.166	Nâng cấp trang thông tin điện tử về TSNN nhằm tăng cường công khai, minh bạch thông tin về TSNN (bao gồm cả tài sản là công trình cấp nước sạch nông thôn) trong từng thời kỳ, hướng tới mục tiêu xã hội hóa lĩnh vực công sản
P1.40	Dự án Hỗ trợ phần 2 "Hỗ trợ khung pháp lý, tổ chức và quy định cho việc lập kế hoạch và thực hiện NSNN ở cấp trung ương và địa phương" thuộc Chương trình Hiện đại hóa tài chính công của EU tại Việt Nam	EU	Quản lý thu	2014 - 2019	4.000.000	400.000	- Mục tiêu tổng quát: Cải thiện khung pháp lý, tổ chức và quy định cho việc lập kế hoạch và thực hiện NSNN ở cấp trung ương và địa phương nhằm góp phần cải thiện hoạt động quản lý và giám sát tài chính công Việt Nam - Mục tiêu cụ thể: (i) Hỗ trợ xây dựng Luật NSNN sửa đổi và các văn bản hướng dẫn theo hướng cải thiện việc lập kế hoạch và thực hiện NSNN phù hợp hơn với thông lệ quốc tế; tăng cường phân cấp tài khóa, hỗ trợ tăng cường năng lực quản lý quỹ công của chính quyền địa phương, tập trung vào các tỉnh nghèo nhất có đông dân tộc thiểu số; tạo cơ sở pháp lý nền tảng cho việc xây dựng Kế hoạch tài khóa trung hạn; (ii) Tăng cường năng lực cho các cán bộ tài chính trung ương và địa phương về lập kế hoạch và thực hiện ngân sách, phân cấp ngân sách, dự báo thu ngân sách
P1.41	Dự án quản lý cải cách hành chính thuế - giai đoạn 4	JICA - Nhật Bản	Quản lý thu	12/2014 - 11/2017	1.100.000	289.889	Nâng cao sự tuân thủ của người nộp thuế với các luật thuế, tăng cường hiệu quả của pháp luật về thuế và hiệu quả quản lý thuế của Cơ quan thuế Việt Nam

TT	Chương trình/ Dự án	Nhà tài trợ	Lĩnh vực tài trợ	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn ODA (USD)	Nguồn vốn ĐU (USD)	Mục tiêu
P1.42	Hợp tác với Bộ Ngân khố Hoa Kỳ	Bộ Ngân khố Hoa Kỳ	Quản lý thu và quản lý thị trường tài chính	Từ 2011			Hỗ trợ quản lý thuế và quản lý thị trường tài chính (thị trường vốn, thị trường trái phiếu)
P1.43	Chương trình hợp tác với Bộ Tài chính Đức	Bộ Tài chính Đức	Quản lý tài chính doanh nghiệp	Từ 2012			Hỗ trợ tổ chức một số hội thảo về tái cấu trúc DNNN
P1.44	Chương trình hợp tác với Adetef (Pháp)	Adetef - Pháp	Quản lý thu, quản lý chi, công sản, thanh tra tài chính	Từ 1993			Hỗ trợ thực hiện một số hoạt động khảo sát, hội thảo trong lĩnh vực quản lý thu, chi NSNN, quản lý công sản, thanh tra tài chính...
P1.45	Hợp tác với Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) thông qua dự án ô “Quản trị nhà nước nhằm tăng trưởng toàn diện” của Bộ Tư pháp	USAID	Quản lý thu, công sản, pháp chế...	2014 - 2018			Hỗ trợ Việt Nam thực hiện Hiệp định thuận lợi hóa thương mại của WTO; rà soát khuôn khổ pháp lý cơ chế một cửa quốc gia; đào tạo nâng cao năng lực cán bộ; thúc đẩy quan hệ đối tác hai quan - doanh nghiệp, hỗ trợ thực hiện Nghị quyết 19 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; hỗ trợ hoàn thiện cơ chế mua sắm công; nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc lấy ý kiến cộng đồng đối với việc soạn thảo các VBQPPL

Tài liệu
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2015 - 2017 TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2020

Chịu trách nhiệm xuất bản
Phan Ngọc Chính

Chịu trách nhiệm nội dung
Viện Chiến lược và Chính sách tài chính

Ban biên tập
ThS. Đào Mai Phương
ThS. Nguyễn Bích Ngọc
Nguyễn Minh Huyền
Ngô Xuân Thanh
Nguyễn Hoài Thanh

Nhóm biên dịch và hiệu đính
Viện Chiến lược và Chính sách tài chính

Thiết kế và trình bày bìa
Phan Thị Lan Hương

In 500 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty TNHH In và Thương mại Sông Lam
Số xác nhận ĐKXB: 1215-2015/CXBIPH/3-94/TC.
Số QĐXB: 104/QĐ-NXBTC ngày 18 tháng 5 năm 2015
Mã ISBN: 978-604-79-1190-5
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2015